



Cùng bạn đọc

Trương-Quốc-Dụng là một đại biểu cho cái khí-liết của nhà nho về cận-dại. Một bộ sách của một người như thế viết ra, đứng về mặt văn học, tự nó có cái giá-trị đáng bảo tồn. Hướng chỉ, « Thoái-thực ký-văn » còn chứa bao nhiêu tài liệu có thể giúp người sau trong việc nghiên-cứu về thời cổ. Thế nhưng...

Thế nhưng thầy Mạnh có dặn: « Tin hết sách không bằng không sách » ! Chúng tôi mong các bạn cũng nên nhớ kỹ lời dặn đó, khi đọc đến những chuyện mà theo ý chúng tôi chỉ là những chuyện hoang đường.

Chúng tôi sẽ được cảm ơn... Vì như vậy trong lòng chúng tôi sẽ hết băn-khoăn khi chạ ra mắt các bạn tập tùy bút của Trương-Quốc-Dụng.

Nhà xuất bản Tân Việt

nơi chôn rau cắt rốn của Trương-Quốc-Dung 張國用

Trương ra đời ở làng Phong-Phú năm 1801, tên chữ là Nhu-Trung 柔中. Sinh trưởng trong một gia đình vào bậc trung lưu, chuộng Hán học (1) Trương lên 4 tuổi đã bắt đầu theo đòi nghiên bút. Nhờ có trí thông minh và có cha rèn cặp nên năm 25 tuổi đã giắt giải hương cống (1825) đến năm 1829 đậu luôn cả tiến-sĩ số 4 dưới triều vua Minh-Mệnh.

Bước hoạn đồ của Trương cũng thăng trầm nhiều nổi. Bắt đầu đi Tri-phủ Tân-Bình (Gia-Định) năm 1830. Năm sau vừa về làm Lang trung bộ Hình được ít lâu thì bị lỗi cách tuột chức và phải hiệu lực ở bộ Lại (1832). Tháng 6 năm 1833 lại phải tòng quân đi đánh đảng Lê-Văn-Khôi, dưới

khó thế gian; cầm ba thước gươm thu hết lòng người thiên hạ, tương truyền là của vua Lê-Thánh-Tông, nhưng miền Thạch-Hà lại truyền là của Trương nghĩ ra để trả lời một ông bạn đồng liêu nhạo cái nghề của quê quán mình.

1) Người ông là Trương-quốc-Kỳ đậu cử-nhân năm 1753. Người cha là Trương-quốc-Bảo đậu tú tài năm 1825.

quyền Tham tán Trương-Ninh-Giang. Sát khi bình định, Trương được thăng dần từ chức Chủ-bur lên đến Á sát Quảng-Ngãi (1837) rồi dời ra Hưng-Yên (1840) tiện đường ghé thăm nhà. Tự lúc làm quan đến nay mới về quê lần này là một.

Vua Thiệu-Trị nối ngôi cha (1841), Trương được về kinh giữ chức Tả thị lang bộ Lễ. Rồi như con chong chóng, được hai năm, đổi qua bộ Lại (1843) kế bộ Hình. Năm sau vừa cải sang bộ Công. Thăng đến Tả tham tri (1846).

Bắt đầu triều Tự-Đức (1848) Trương được giữ nhiều việc quan trọng: kiểm cả giảng sách hầu vua, coi việc Khâm-thiên-giám và viện Hàn-Lâm. Năm sau từ bộ Công lại thiên sang bộ Binh. Nhân ông cư ở nhà 80 tuổi (1851), được phép về ăn mừng thọ. Từ đây Trương thỉnh thoảng được đi chăm trường thi Hội và các trường thi Hương ngoài Bắc. Ông cư nhà chết năm 1854, Trương về đình vụ, sau ba năm được thăng Thượng thư bộ Hình kiêm cả chức Phó tổng tài Quốc sử quán. Năm 1852 đảng Tạ-Vấn-Phụng hoạt động ở Quảng-Yên có cả Cai tổng Vàng và giặc Tàu giúp sức, Trương vàng lệnh đưa Hinh Thanh

Nghệ, với chức Hiệp thống đi đánh ở Quảng-Yên. Không may đến năm 1864 thì bị tử trận, được triều đình ban tên thụy là Văn-Nghị 文愷, với hàm Đông-Các Đại học sĩ. (1)

Trương tính liêm khiết ngay thẳng, lúc ở bộ Hình có nhiều án được ông giải oan. Lại là một nhà nho có nghị lực. Đọc tác phẩm của Trương ta thấy một điều hay điều thường nhắc đến Trương-minh-Giang Nguyễn-Xuân v.v... là ý khám phục cái nhân cách của các người đó. Nhưng cái gì cũng hay tự quyết. Theo Đặng-Xuân-Bảng là người chứng kiến trận Quảng-Yên thì cái chết của Trương cũng tự mình gây ra, vì trước đó Đặng đã can: « Đóng đồn đây ba mặt kề sông, nước thủy triều lên lở ra thuyền giặc thừa cơ kéo vào đánh tập hậu thời mình thua, nên dời quân chỗ khác. » Trương đáp: « Ta đóng đồn ở đây nghĩa là bệ thủy trận » quyết đánh thù tử, người không có can đảm cho người về đóng quân giữ sông Bạch Đằng » (2)

Trương ưa rượu, hiểu học, ở trong quân

1) Nay ở đền Trung-Liệt (Hà-nội) có thờ Trương

2) Hi-Lông di thặng của Đặng-nguyên-Khu Nam Phong số 132). Trích thêm một đoạn

thứ vẫn không sao những việc đọc sách. Trong thời làm quan, được đi khắp Trung Nam, Bắc và Cao-Mên nên kiến văn lịch duyệt khá nhiều. Theo « Đại-Nam nhất thống chí » thì Trương còn tinh về thuật số như chiêm tinh học. Về môn này có lẽ Trương được chân truyền ở ông nội mình (1). Và cái học thần bí ấy ngay ở vùng phủ Thach Hà còn thấy một đôi nhà như họ Vũ Tá là một (2)

Tác phẩm của Trương có bộ *Thối Thực Kỳ Văn*, 4 quyển gồm có những bài bút ký eo giá trị về mặt sử liệu xã hội Việt-Nam ở thế kỷ thứ XVIII, XIX. Thể tài như một quyển bách khoa nhỏ, chia ra các mục:

nữa: « Hỏi ra trận ấy thời giặc Tàu đóng ở bên An-Lập, giặc Thổ đóng ở Mãng Búi-xá. Ông Trương sai ông Hồ-Ba đóng quân ở Đông-Ninh-Giác ở trên bờ kéo xuống, cùng thuyền giặc hơn hai trăm chiếc; hai lối đánh vào, quân sợ chạy tán loạn, lẫn cả tướng sông, chết cũng nhiều. Ông Trương cùng với ông Trần-huy-Than chết trận. Lúc ấy ông Văn-Đức-Nhai chỉ còn có thủ hạ hơn hai mươi người cùng giặc cự chiến bị hại. »

1) Xem ở chương sau...

2) Ngày nay có Vũ-Tá-Luyện ở xã Hà-Hoàng (Thạch-Hà) là thầy bói nổi tiếng một vùng.

Trung-Kỳ, kể những việc lạ diễm kỳ; *Tạp Sự*, các kiến văn vật; *Vật Loại*, những thường thức về động, thực vật; *Chế Độ*, khảo chế đồ cũ; *Nhân Phẩm*, các đấng nhân nước nhà; *Phong Vực* tức địa dư phong tục; *Cổ Tích* phủ Sơn xuyên tức đều chùa thành trì núi sông. Nói tóm lại cũng tương tự như một vài loại sách bút kỳ của Tàu mà tác giả đã được đọc. Sách soạn xong khoảng năm 1849-50 chưa xuất bản lần nào chỉ lưu truyền bằng cách chép tay. Bởi vậy cái mục trên sắp đặt có khác, tùy từng bản chép (1)

Ngoài ra, còn có quyển *Trương Như Trưng Thái Lập* là một tập thơ chữ Hán (2)

1) Sách *Thời thực ký* vào ở trường Bắc cổ Viện Đông bản số A-199 thì lại lấy đầu đề là *CÔNG HẠ KỶ VĂN* đặt chương *Chế độ* lên đầu mà chương *Tạp sự* thiếu sót, bản số A-104 thì đầu hết lại là chương *Nhân Phẩm* cũng thiếu sót nhiều. Theo E. Gaspardonne trong *Bibliographie annamite* (Văn tịch An-nam) B. E. F. E. O. nói có một bài tựa của tác giả đề năm 1851, nhưng chúng tôi đã dày công tìm kiếm mà không thấy.

2) Quyển này ở Bảo-đại thư viện cổ.



CHƯƠNG I

Trung kỳ (1)

Đời truyền: khi sinh vua Lê-Thánh-Tông, bà mẹ là Thái hậu họ Ngô chiêm bao thấy đến chỗ ở của Ngọc hoàng, người sau này chỉ vào một tiên đồng mà bảo: « Cho mày làm con người này » Tiên đồng dùng dằng không chịu đi, bị Ngọc hoàng trong cơn giận lấy bốt đánh vào trán. Đến khi tỉnh dậy, sinh ra vua Lê Thánh, trên trán tựa như có vết; đêm ngày khóc không thôi. Có một đạo sĩ tự xưng cô phép làm cho trẻ khỏi khóc. Mời mời vào xem. Đến nơi đạo sĩ vỗ trẻ mà bảo: « Thương để sau có truyền cho thêm nước Chàm nữa » Đưa trẻ nín, không khóc nữa.

Năm quý mão (1783), Tây Sơn đánh đảo Côn

1) Nghĩa là đêm lạ.

Lớn, thuyền đội của vua Thế-Tổ Gia-Long phải chạy ra biển, trong thuyền thiếu nước uống đã bảy ngày. Tướng sĩ đang lo khát bỗng thấy đầu thuyền, nước trên mặt biển đen trắng phân rõ, bên nước trắng có sóng vọt ra, ném thử thấy ngọt, bên mức vào để dùng. Từ đó lòng quân thêm háng, các kiệt nghe tin đều hưởng ứng, mới biết có trời giúp. Việc ấy cũng một loại như việc Hán-Cao-Tổ gặp trận gió ở Tuy-Thủy và Hán-Quang-Vũ gặp nước băng ở sông

Hồ-Đà (1)

Tiền hiền đã bảo : « Quỷ thần là dẫn của tạo hóa, là lương năng của hai khí âm dương ». Bởi vì có khi ấy thì có lý ấy nên Quỷ thần cũng là một cái lý mà những dâm cơ của dân quê mùa đều không có. Xem hai việc đều Tần-Viên và đều Hưng-Đạo dưới này thì biết quỷ thần không ra ngoài chính lý. Núi Tần-Viên ở vào đất hai huyện Bát-Bát, Minh-Nghĩa thuộc Sơn-Tây hình tròn như cây tán, cao ngất, trấn

1) Hán-Cao-Tổ nhờ trận gió ở Tuy-Thủy mây đen phủ khắp trời khiến địch quân đang vây kín không biết đường lối nào nữa, nhân đó mà thoát. Hán-Quang-Vũ nhờ nước băng cứng cả sông nên đi qua trốn được.

ngự một phương. Từ đỉnh đến chân núi đều có đền thờ. Đền ở đỉnh núi, ít người tới. Những khi kỳ đảo tế tự đều làm lễ ở đền chân núi. Các tỉnh ở Bắc-Kỳ gần núi đều thờ thần ấy. Tỉnh Ninh-Bình có một làng, lúc trước thờ Liễu-Thăng, trước đền có một cái hồ, không ai dám tới đó tắm giặt, nếu làm mà phạm đến thì bị bệnh chết. Có một người học trò đi qua nhân nóng nực xuống tắm ở đó. Đến khi về nhà trọ y bị chứng nóng rất nguy, chủ quán hỏi thì y đáp là có tắm ở hồ ấy. Chủ quán nói : « Thế thì thầy làm rồi, thật khó chữa » Người ấy nói : « Ông Liễu-Thăng nếu có tiếng há vì sự làm lạc mà làm chết người ư ? Nếu tôi có chết xin đề bút giấy ở đầu giường để tôi kiện họ. Sau ba ngày mà không sống lại thì sẽ chôn » Người học trò quả chết. Chủ quán làm y theo lời. Sau một đêm, người ấy sống lại thuật chuyện rằng : « Đầu tiên tôi tới kén ở đền Đình-Tiên-Hoàng, thì thần truyền qua kêu ở đền thảo Tần-Viên. Tôi đến nơi, nấp đơn vào, thấy thần sau này cho người đội Liễu-Thăng đến, quát rằng : Tướng thua trận như anh được hưởng hương hỏa là may, lại dám giết những người vô tội à ?

Bèn sai truất miếu thờ má tha cho tôi về »
Từ ấy đền Liễu-Thăng mất thiêng, rồi
người ta cũng bỏ không thờ tự nữa.

Quán nhà Trần phá giặc Nguyễn, bắt
được hơn Ô-Mã-Nhi, trong đó có một tỳ
trưởng tên là Phạm-Nhan có yện thuật,
dao búa không thể làm chết được. Kíp
khi thấy mặt Hưng-Đạo Đại-Vương mới
chịu chết. Tục truyền quỷ Phạm-Nhan hay
quấy hại đàn bà con gái. Nay đền Hưng-
Đạo ở xã Vạn-An thuộc huyện Phương-
Nhãn (Bắc-Ninh) vốn là phủ đệ của ông,
rất là linh dị, hề dân ba mắc bệnh tả
đi qua đó thì tránh đi, chứ không dám
lại gần. Có kẻ mắc bệnh tả đem đến
ông xin chữa. Người bệnh đến nơi liền
ngã xuống đất, một chốc sống lại mà
bệnh thì lành.

Ở Hà-Nội có làng Kinh-Kê, khi trước
thờ thần Tam-Lang. Triều Thiệu-Trị năm
nhâm dần (1842) người làng ấy tới trình
quan rằng thần làng ấy là một vị thần
tà dâm, hay làm dân bà con gái mắc
quỷ thai, xin bỏ đi mà thờ một vị thần
khác. Quan truyền cho thờ Đại Vương
Hưng-Đạo. Hơn một tháng người làng
mới tới đền lễ, có một người ứng

đồng lên nói : « Bào ta dâm quỷ là vô lý,
đã lấy tội má phết bỏ lại dám tôi đây
tranh với ta. Hôm nay có điều lạ bảo
vội người làng chờ có thột » Đêm ấy quả
nghe ở ngoài đồng có tiếng kêu rằng :
« Hương hỏa trăm năm có tội gì mà đuổi ».
Bỗng có trận gió lớn từ đền ra, cây cỏ
đều ào ào, dần dần ra đến ngoài đồng,
dương như cách xưa đuổi. Tiếng ấy rồi
cũng mất. Từ đó người làng mới yên.

Đền Lý Ông-Trọng ở xã Thụy-Hương
thuộc Từ-Liêm Hà-Đông rất linh dị. Đồi
nhà Lê có Nguyễn-Mai (1) làm Đốc trấn
Sơn-Tây. Trong làng ấy có một người
mất trộm, khi tới đền cầu khẩn thì thấy
những đồ vật của mình mất ở trong đền.
Người ấy sợ hãi đem việc đó trình với
ông. Người sau này bắt làm đơn rồi sai
linh cầm trát về đòi thần tới xét hỏi.
Linh đến nơi thì thấy kẻ trộm đã chấp
tay phủ phục dưới đền. Dân xã lấy lòng
và bưng án rước lư bưng tới công
đường. Ông Mai cứ án cật hỏi, nói phò
có điều bất tồn với thần, ai nấy phải lay
và khuyên giải mọi thôi. Rồi đem tên

1) Quê làng Nành, phủ Nam-Sách (Hải-Dương)
đầu Hoàng giáp năm 1691. Là ông của Nguyễn
Tuyên khởi loạn năm 1739.

việc gì giúp mình đi đâu : lòng mọi người
trông khinh án. Về sau, ông Mai bị Trịnh-
Cương giết, cháu là Cử, Tuyền bị diệt
tộc, người ta cho là vì khinh dễ thần
thiêng nên bị báo thù.

Nguyễn-Mai lại có lần bỏ Hiến-sát Nghệ-
An. Mọi đến trước hết đi yết đền thần
Tam-Tòa, (1) sau mới về đền Mai-Hắc-Đế.
Thần sau ứng đồng lên trách rằng : « Yết
thần Tam-Tòa trước ta, sao bạn quen
dám khinh ta thế ? » Ông trả lời : « Vì
Mai thấy trong sách cũng liệt thần Tam-
Tòa ở trên ngài, chứ tôi đâu dám khinh.
Vả lại ngài quật khởi xưng vua, chưa
được mấy lâu đã bị diệt, có oai linh gì
đủ làm cho người ta sợ ». Thần nói : « Bản
quan không kính ta, ta làm chết cho
coi ! » — « Nếu ngài đang sống mà làm
tôi chết sợ cũng là phải, vậy ngài chết
rồi lại làm tôi chết nữa thì ngài trước
tôi sau, có sợ gì ». Thần bèn lặng. Ông
Mai không tin quỷ thần, đại loại như thế.

Không nên siểm nịnh mà cũng không
nên lơ đãng dễ quý thần. Làng Thần-Đầu ở
phía Bắc Hoành-Sơn có đền thờ ông Bàng
Nhân họ Lê. (2) Buổi quốc sơ có người

1) Đền Tam-Tòa hiện nay ở gần chợ Vinh.

2) Tức Lê-Quảng-Chi (1454-1485) đầu năm 1478.
Làng Thần-Đầu thuộc huyện Kỳ-Anh (Hà-Tĩnh.)

đầu quốc sơ có một vị thần ở gần
xã Cao-Lao (Quảng-Binh) làm Tri-bộ, có
lần cưỡi ngựa đi qua trước đền. Người
đây trông ngẩn lại : « Nghe rằng đền này
rất thiêng, xin ông xuống ngựa ». Người
kia đáp : « Biết đâu ta lại không bằng ông
Bàng ấy, xuống làm gì ! » Bèn cứ đi qua,
liền bị ngã ngựa, khi dậy lời nhà năm
ôm không dậy được, người ta kêu ông
là Tri-bộ Lăn vì tục gọi vấp ngã là
« lăn ». Ôi ! Những thần linh mà người
thờ là danh sơn đại xuyên giúp lợi thì trách
cho người yà các chư hầu, khanh sĩ vốn
có công đức với dân. Thần vẫn không
lấy sự người lớn dễ mình mà tác họa,
chỉ vì những kẻ tiền nhân không biết
kiêng sợ làm trái lẽ đi, để mang nhục
rồi bị người cười.

Đời truyền Tô-Hiến-Thành nhà Lý khi
đang làm một chức quan nhỏ, ở trong
một xóm, nóc nhà liền lu với nhau. Một
hôm, thấy người hàng xóm phía đông
cách bờ giậu phơi áo, nhà phía tây lấy
trộm đi. Tô trước vẫn tưởng là áo của
nhà ấy, sau đó một chốc, nhà phía đông
thấy mất áo ra kêu van chửi bới, Tô
hiếu, nhưng chưa muốn nói ra vội. Rồi
thấy người mất áo tới đền trong xóm để

nộp với thần. Đèn ấy vốn có tiếng linh ứng. Tô định bụng sẽ xem thử ra làm sao. Được một tuần nhật (1) không thấy có hiệu quả gì cả. Ông bèn bảo người trong xóm hãy đến không kể tư nữa và nói : « Gọi rằm thần, số dĩ ngàn hồn nan cho dân, bây giờ nhà kia mất của kêu van với thần mà không được thì còn thờ làm gì ». Cả xóm còn ngờ, ông sai quăng hương mà kéo cửa đèn lại, bảo nếu có lỗi gì thì một mình ông chịu trách nhiệm. Đêm đến, người vợ thấy thần báo mộng : « Sao lại bỏ ta không thờ, ta sẽ làm chết đứa con nhỏ cho coi ». Người vợ tỉnh dậy nói với ông, ông không nghe. Năm ngày sau, đứa nhỏ quả chết. Tuy vợ khẩn cầu mà ông cũng không nghe. Hôm khác, người con dẫn ông lại chiêm bao thấy thần giận dữ nói rằng : « Mau mau nói với cha mày thờ ta lại, không thì ta làm chết thêm đứa em thứ của mày ». Con trưởng tỉnh dậy, xin cha và người trong xóm cũng tới xin mãi mà ông nhất thiết không nghe. Được ba ngày đứa con thứ lại chết. Thần mới ngự đồng lên bảo Tô rằng : « Nếu biết sớm mà thờ ta lại thì đâu đến nỗi thế »

1) Một tuần, xưa là 10 ngày.

Tô đáp : « Chết sống có mệnh, kia như đứa có tội (thần) còn không bắt nó, huống chi làm tội người thường ru. Chỉ quen dọa dân mà vô tri chớ dọa ta sao được ». « Người chưa tin ta, không chịu trả sớ thờ cúng cho ta chết rồi mới biết » — « Thờ cúng thì không thể được, còn muốn làm chết ta thì làm, nhưng hẹn kỳ cho biết » — « Năm ngày tự khắc biết » Năm ngày qua mà không có việc gì cả, ông Tô bèn dốc xuýt xóm ra triệt hạ đèn. Thần lại ứng đồng ra từ tạ : « Thần vốn không giết được ai, chỉ biết được mệnh người sống hay chết. Hôm trước hai đứa con của người là mệnh đã đến ng ý chết, ta có được biết, nhân đó ma dối người vậy thôi ! Người thiệt là một kẻ chân chính ngay sau sẽ gánh được việc lớn. Nhưng người chưa nghĩ đến nơi, đại phạm việc gì cũng cố ở kiên nhẫn. Đưa trộm áo người, cũng có biết, người còn bầy nĩa cầu nối của mình tại sao lại không nên nhìn cái chết cho nó. Trộm mọi cái áo, người khép nó vào tội gì ? Mày đưa mất áo tôi cầu ta xin bắt cho chết, người có nghe theo chăng ? Nhưng đã lấy việc ấy trách ta thì ta sẽ bắt lên trộm áo phải đau chừng nhẹ vài ngày là đủ ». Ông

Tô mới nói : « Như lời ngài nói bây giờ
mất cơ lý, sao dẫu bằng thờ ngài, nhưng ngài
đạo tôi thì không được ». Bên thờ phụng
đại như xưa. Tên trong cũng gọi như với
ngày rồi khỏi. Ông Tô sau làm quan đến
chức Thái úy là một bậc danh thần.

Vua Trần-Thái-Tông có lần câu tr. Đào
sĩ dốt lẩn xong, đây nói rằng : « Đã xin
được với Thượng đế rồi, ngài sai đồng tử
là Chiêu-Vân giáng sinh ». Kịp khi sinh ra
bên cạnh tay Trần-Nhật-Duyệt có chữ
« Chiêu-Vân ». Nhân đó phong Nhật-Duyệt
làm Chiêu-Vân-Vương, sau thành một danh
tướng.

Vua Lê-Thái-Lỗ có lần chiêm bao thấy
đang ở ở dưới núi, trên núi có cầm cờ
vàng. Hôm sau có Hoàng-Sát tới yết và
người này sau thành danh tướng.

Bùi-Cầm-Hổ (1) (bắt vợ). Đó ngư sử đời
Lê khi sắp ra đời, người cha mộng thấy
mới con hồ găm ở sân. Giật mình tỉnh
đậy thì vừa bà vợ ở cũ, mới đặt cho tên ấy.

Lang-Tinh-Thạch (đã làm tinh ngọc) thuộc
huyện Thiên-Lộc (2) Hà-Tĩnh thuở xưa là

1) Quê làng Treo huyện Can-Lộc (Hà-Tĩnh).

2) Nay là huyện Can-Lộc.

làng Đồng-Tĩnh, có Hà-Công-Trinh khi hàn
vi, có lần say rượu nằm ngủ trên bờ đã
bên đường, mộng thấy có người tới khuyên
rằng : « Sao không về đi học bỏ ổng mất
cái tài lỗi lạc ». Ông ta tỉnh dậy, trở về
theo dõi nghiên bút thì đầu đến hiền sĩ (1)
Sau khi quý hiền mới đổi tên làng.

Triều Lê-Hồng-Đức có Đỗ-Nhất đi thi
hương cùng với bạn đi thi trợ một quán,
đem đến nghe ngoài cửa có tiếng kêu
« hử », ra xem thì không thấy gì cả,
vào nói với bạn rằng : « Bất tri kỳ là
bử » (2). Kịp khi vào thi, đầu đề
là Ngũ-phủ nhập đạo nguyên (báo báo
vào cõi đầu nguyên) văn thu hai có câu :

宅淨水面方恣意其所爲
路失塵寰忽不知其何許

Trạch-phủ thủy diện, phương tư ý kỳ sở vị ;
Lộ thất trần hoàn, hốt bất tri kỳ hà xứ.
Nghĩa là : nhà trên mặt nước, muốn đi
đâu thì đi ; đường quên rồi biết chẳng biết
thế nào đây. Quan trường chằm chằm gặm
ấy chớ rằng có thần giúp. Câu này cũng

1) năm 1466. Sau làm đến Thượng-thư bộ Hình

2) Không biết bử gì.

giống như câu của Trần khi: (1)

曲終人不見
江上數峯青

Khúc chung nhân bất kiến

(1) Giang thượng số phong thanh

Nghĩa là: khúc hát hết rồi người đàn chạ thấy, chỉ thấy trên sông mấy ngọn núi xanh (2)

Giáp-Hải người xã Sinh-Kế, huyện Phương-Nhân, lúc trẻ có lần chết đuối ở sông mà không biết là mình chết. Thấy đình phủ quan quan không khác gì dương gian. Hỏi người gác cửa rằng: « Quan lớn ngồi trong đó là ngài nào? » Đáp: « Ông trạng họ Lương đó ». Giáp nói là học trò của ngài, xin vào yết kiến. Người kỹ đưa vào Lương trông thấy bảo rằng: « Con tôi đây làm gì, phải trở về ». Giáp lay mà rằng: « May gặp quan thầy ở chỗ này, xin ngài thu nạp dạy dỗ cho ». Lương đáp: « Con không biết, đây là nơi thủy phủ không ở được. Ta lúc sinh tiền thường soạn khoa giáo cho nhà chiến, bị quỷ phải ở đây đến

1) Một thi gia đời Đường.

2) Đỗ-Nhân sau đổi qua tên Nhạc quê huyện Tế-Sang (Bắc-Ninh) đậu Tiến sĩ năm 1494, sau bị Mạc-Đàng-Dung giết.

ba trăm năm mới hết hạn đầy. Công danh con sau đây theo một lối khác, nên về mau mà học, đừng ở đây lâu. Giáp lay tạ, Lương sai người đưa về. Giáp lên khỏi mặt nước thì sống lại về nhà. Sau thi với nhà Mạc (1538) đậu Trạng nguyên, làm quan đến Thượng thư cho đến hưu trí.

Nguyễn-Văn-Giai người xã Thu-Hoạch (1) huyện Thiên-Lộc. Bà mẹ lúc có mang, một hôm đi gánh nước ban đêm, có ngội sáo sa vào ấm nước rồi sinh ra ông. Ông ăn khỏe gấp mười người thường. Có lần đi đương, nghỉ đêm ở đền thần núi Đổng-Cổ vừa gặp kỳ tế thần. Cả đêm người làng làm thịt trâu, xong đặt vào trước bàn thờ rồi để làm vào việc hát xướng, đến sáng ngày sắp sửa tế, thì thấy thịt đã bị ăn vào bảy bẹ, họ lấy làm lạ, kịp khi thấy Nguyễn-Văn-Giai đang ngủ say trên chỗ thần tọa, họ toan trói lại thì thần ứng đồng lên nói rằng: « Chú g mày chớ sợ lễ, người này là bạn của ta mời tôi, ta lấy đồ lễ đó để thiết đãi ngài và những người đây tờ. » Người làng khi ấy đối với ông hết sức kính trọng. Nguyễn sau đi

(1) Xã Phú-Lưu-Tràng nay là Mỹ-Tường thuộc tỉnh Phú-Lưu chứ không phải Thu-Hoạch.

thi dạn đầu Tiến-sĩ, làm quan đến Thượng thư kiêm năm quyền cả 6 bộ, phong Lê-Quân-Công. Có một sứ Tán sang ta thấy ông, rồi bảo: « Ông này là tinh khí ngũ sao « Tất », ở nước nhỏ lấy gì ăn cho đủ », khi ông còn tại chức có lần Trịnh-Tàng bị bệnh chết đã một đêm rồi sống lại, thuật chuyện lại rằng: « Ta thấy đi đến một chỗ cũng điện rất nghiêm trang, chính giữa có một cái giường bỏ trống như để thờ Đệ thân, phía đông phía tây đều có giường cả, giường phía tây cũng để trống chỉ có Nguyễn-Văn-Giai ngồi giường phía đông. Người này dắt ta đi đến dưới thêm sẽ bảo: « Tôi đã xin với (Thượng) đế rồi, giặc Mạc chưa trừ xong, hãy cho Tàng ở lại làm việc cho nước Nam. « Vì đó mới được trở về (1) Nay dân huyện Thiên-Lộc có thờ thần Hồng-Linh đại tướng (?) là Nguyễn-Văn-Giai vậy. (2)

Ở duyên hải thường có thờ Từ-Dương-Hàn Thành-Quốc công. Đó là hai người đều làm tướng nhà Mạc mà đến thờ (thi

1) Theo Lê-Quân-Công gia phả thì việc này xảy ra vào đời Trịnh-Trang chứ không phải Trịnh-Tàng.

2) Cả vùng Cao-Lộc không có thần Hồng-Linh đại tướng quân, Tác giả nghe lộn chăng?

chung một chỗ, Xét ở sử truyện thì không thấy tên Thành-Quốc công. Có thuyết bảo là Nguyễn-anh-Khue. Con Từ-Dương-Hàn họ Phạm tên Từ-Nghi quản làng Thiên-Lôi xã Vĩnh-Niệm, tổng An-Dương thuộc Hải-Dương. Người sau này vốn sức khỏe dần xứ đông bắc đều qui phục. Khi Mạc-Phúc-Hải chết, Phúc-Nguyên còn trẻ, Từ-Nghi muốn lập Hoàng-Vương là Mạc-Chính-Trung mà không được, bên cùng Thành-Quốc công làm loạn, bắt Hiệp Chính-Trung đuổi Phúc-Nguyên. Bắt đầu mới lấy được thành Thăng-Long thì đã bị Lê-Bá-Lý đánh đuổi, bên đưa Chính-Trung ra giữ đất Ngụ-Thiên tức là Hưng-Nhân (1) bấy giờ, nhưng lại bị thua với Mạc-Kinh-Điền phải chạy ra chiếm cứ An-Quảng. Bấy giờ nhà Mạc, phía nam đang chống cự với quân Thanh Hóa nên không có sức, Từ-Nghi bên tung cử các hải đảo đánh cướp châu Khâm của Tàu, người nhà Minh đã h không nổi, đưa thư sang trách Phúc-Nguyên. Kinh-Điền mời cho người lừa Từ-Nghi rằng: Phúc-Nguyên đã chết, rước Chính-Trung về thay, rồi thừa cơ giết được Từ-Nghi, đưa thủ cấp sang ch nhà Minh, đi đến đầu thì

1) Nay là tỉnh Hưng-Yên.

dịch tế nổi lên, người và súc vật chết hết nhiên, người nhà Minh phải trả lại. Nay cửa biển Phú-Tài (1) ở Bình-Định có đền thờ rất linh nghiệm. Cửa biển ấy thường bị cát bồi cạn, khi nào có thuyền chèo nước ra vào thì quan địa phương phải tới đền cầu nguyện, cách một đêm thì khai thông, thuyền đi rồi lại cạn như cũ. Mỗi đây, họ Lễ nghị định các thần đều bỏ tục hiệu công hầu, mọi phong sắc là « Từ Dương Thanh Phủ Quân ». Thi tựa hồ một người chứ không phân biệt.

Đời Lê, ở làng Đông-Ngạc (2) có Đỗ-Thế-Giai lúc còn trẻ theo học với thầy trong làng. Một hôm rủ bạn học đi đánh bạc, khi qua đền thần ở xóm lân cận có vào cầu (cho được bạc). Nào ngờ bị thục trở về trách thần rằng: « Đã cầu khẩn mà không giúp thì hương khói hương của người đời mà làm gì? » Nói rồi lật úp lư hương xuống mà đi. Về sau người và súc vật ở xóm ấy không yên. Thầy bói đoán là thổ thần xuất ngoại. Họ bèn mời đạo sĩ về phủ thành hoàng. Thần ứng đồng lên bảo: « Ta bị ông Đỗ-Thế-Giai

1) Nay là cửa An-Du, đền ở về phía hữu.

2) thuộc tỉnh Hà-Đông.

đuổi đi, mà ông ấy thì học với thầy ở làng kia, nên vì ta tôi xin với thầy ấy». Họ theo lời. Thầy học hỏi thi Đỗ kể hết đầu đuôi. Thầy lấy làm lạ nhưng cũng trách quở. Đỗ nói: « Đã thế thì cho về đền? Từ ấy trong xóm mới yên. Đỗ sau làm đến chức Thư phủ, thế vị lưng lầy.

Hiệp biện Đại học sĩ là Đặng-vân-Hòa (1) có kể chuyện rằng: Hồi ông làm Hiệp biện ở Thanh-Hóa, trong bộ phát sắc thần ra, có một làng thờ Liễu-Hạch công chúa tới rước sắc, ông nhân bảo: « nghe tiếng bà linh ứng lắm, vậy có phép gì cho tôi thấy chẳng? » Nói đoạn thì giữa sân bỗng chốc có chớp rạch, trời đang trưa, nắng to mà gió mây ùn ùn nổi, một chốc rồi tan. Liễu-Hạch công chúa là con gái họ Trần ở huyện Thiên-Bản (2) thuộc Nam-dịnh, mới về nhà chồng được vài năm thì chết, rồi giáng làm thần ở núi Tam-Điệp và núi Vân-Cát, có khi lại hiện ra người. Nay đền núi Sùng ở xã Cổ-Đạm thuộc Thanh-Hóa là chỗ bà giáng làm thần ở đó.

1) có tên là Văn-Thiên hay Văn-Triệu quê làng Bắc-Vọng huyện Quảng-Điền (Thứ-Thiên).

2) nay là huyện Vụ-Bản.

Tỉnh Quảng-Ngãi có đền ở Thu-Phổ thờ
Trần Quận công nhà Lê là Bùi-Tá-Hàn (1)
Lê-văn-Duyệt có lần tới đó bắt cộp, vấy
ba mắt còn một mắt gần đền để trông,
nói rằng: «Mắt ấy thì gửi cho thần».
Đến khi đuổi cộp thì thấy cộp nép ở cạnh
đền không đóng dây gì cả. Lại xã Ngosi-
Tiên-Lộc (2) thuộc huyện Thiên-Lộc
có đền Ông-Sóc thờ vị thần là Ô-Trà-
Sơn. Đền ấy không biết bắt đầu từ buổi
nào, từ trước lại nay cũng chẳng có sự
gì lạ. Gần đây hai năm dân và tuất núi
Hồng-Linh có con cộp dữ. Huyện Thiên-
Lộc và Thạch-Hà bị nó hại đến vài trăm
người. Một hôm giữa ban ngày cộp lội
sông Nabên qua phía nam, cửa được
nửa sông thì dân bờ bên kia hò hét đuổi cộp,
cộp phải trở lại, đến xã ấy (Ngoại-Thiên-Lộc)
giết mất hai người đi đường, rồi vào trong
làng. Người làng hoảng hốt không biết làm
thế nào vội vàng chạy vào đền cầu khẩn
hồi lâu mới ra, thì thấy cộp nép dưới
gốc cây ở bên cửa đền mà đã chết rồi.

1) quê huyện Chương-Nghĩa (Quảng-Nghĩa) đời
Lê làm đến Tổng trấn Quảng-Nam. Sau theo
Nguyễn-Hoàng dẹp yên Hời, Mơi ở Nam-Nghĩa.

2) Nay là Ngosi-Can-Lộc

Dân xã Dương-Loạt phủ Thạch-Hà (Hà-
Tĩnh, thờ thần Chiêu-Trung (1) ở núi
Nam-giới. Đầu mùa thu năm canh thìn
(1820) người trong xã có kẻ chiêm bao
thấy thần báo dịch khi sắp nổi, răn người
làng đi ra ngoài, tự giữ gìn với nhau, cũng
đừng dung người ngoài đến ở. Đến cuối thu
dịch nổi bốn bên mà làng ấy vô sự. Năm gần
đây, trong làng ấy có con đồng xưng là
bồ bà thần Chiêu-Trung đi chữa bệnh cho
người ta, cũng có kẻ ngẫu nhiên mà lành
nên được người ta tin theo. Người ấy về đến
dưới đền, tự nhiên miệng mũi máu tươi
vọt ra mà chết. Đền Chiêu-Trung ở Triều
khâu (2) cũng rất thiêng. Miệt Văn-Tân
có người nhà giàu vợ chết đã chôn rồi.
quỷ cứ hiện hình về giữa ban ngày đến
cửa thì biến mất. Sau thường về quấy
nhà ấy, cầu cúng mà không yên. Người
chồng bên trai giới đến đền ấy làm lễ ba
ngày mong thấy thần hứa sẽ trừ đi cho.
Mới mất.

Tiên Phạm-Viên là con Phạm-Chất ở

1) Đền thờ Lê-Khôi, công thần của Lê-Thái-Tổ,
tước Chiêu-Trung-Vương.

2) Ở chợ Trảng thuộc phủ Hưng-Nguyên (Nghệ
An).

huyện Đông-Thành (Nghệ-An) làm Thị lang đời Lê, sinh được vài năm mà không biết nói. Lên 8 tuổi đi chơi rong, người ta có khi gặp ở trên núi phía tây huyện, có khi gặp ở trong núi Hồng-Lĩnh. Khi Phạm Chất chết, có vẽ chôn cất tế lễ đủ hồn phách làm con, xong rồi lại đi. Đoan tang rồi thì đi biệt không biết nơi nào. Tương truyền Viên có làm bài phú Tịch cư ninh thể bằng quốc âm, câu nào câu nấy đều có khí cốt xuất trần (1) Sau có Nguyễn-Quỳnh (4) người làng Bót-Thương phủ Hoảng-Hóa (Thanh-Hóa) tư phủ tại giới khinh dễ người đương thời. Một hôm ở Thăng Long về đến chợ Mía ở ngoài trấn Thanh-Hóa gặp một sĩ nhân cùng đi hỏi rằng: «Ngài có phải là Nguyễn Quỳnh tiên sinh chăng?» Quỳnh đáp: «Phải!» Lại hỏi: «Nghe tiếng ngài đã lâu, làm ơn cho tôi xin một bài thơ.» Quỳnh thấy nơi đường đột lấy làm lạ mọi hỏi: «Con cũng có biết làm thơ à?» «Tôi khi bé có học làm thơ, dẫu không hay nhưng thấy người đời làm ít có bài

1) Một bài phú Tịch Cư Minh Thể còn truyền có sách bảo là của Nguyễn Khản người Sơn-Tây ở ẩn về đời Lê.

2) Tức Trọng Quỳnh.

vừa ý, (bảy giờ) muốn biết mực thước của tay thợ cưa». Quỳnh giận và ngạo mạn mòi rằng: «Đã như thế thì ta cùng làm thi» — «Nhưng xin tiên sinh cho biết cách thức kỳ hạn». Nhân trước mặt có cầu gỗ lim. (Từ chỗ đang đi đến cầu) không đầy mười dặm, Quỳnh hẹn: «Vừa đi vừa làm đủ 100 vắn, ai nấy cũng phải lấy vật gì để nhớ số vắn, tới cầu thì phải xong» — «Nếu không xong thì thế nào?» — «Đáp ngã xuống bên cầu». Kịp khi tới cầu, người kia làm đủ trăm vắn mà Quỳnh mới được có 60, chưa kịp tạ thì đối thủ đã đáp ngã lăn xuống bên cầu mà bảo: «Từ nay chớ lừa người nhé!» Quỳnh mới biết là đi nhầm, vội vàng chấp tay tạ rằng: «Kẻ mắt thịt không biết thân tiên xin ngài chỉ giao». Người nọ nói: «Ta không giấu với người, người có biết giữa trấn có Phạm-Viên chăng?» Quỳnh lấy xin đi theo. Người nọ lại bảo: «Người lúc duyên chưa hết không tiện đi, hãy về cố tu luyện, có ngày hội ngộ». Quỳnh từ đây đi chơi tùy thích, không mang đến danh lợi nữa.

Lại huyện Thanh-Chương (Nghệ-An) có

Nguyễn-Trọng-Mỗ (1) và huyện Đông-Thành có Nguyễn-Hưng-Hàn hai người kết bạn, cùng nhau luyện khí, tích cốc vào núi cầu đạo, gặp Phạm-Viên, người này bảo : « Các anh không có tiền cốt. Anh Mỗ nên về học lối làm quan, còn anh Hàn thì kiếm một nghề nuôi miệng cũng đủ ». Sau ông Mỗ thi đậu Tiến sĩ làm quan đến Thị lang bộ Lại mà Hàn thì giỏi phong thủy, song cũng ít lấy đất cho người, ưa đi vợ vắn một mình như người điên. Trong huyện Đông-Thành có chợ Gò, (Khư thi) ở cạnh lau núi Di-Lặc, một hôm đang sớm, chợ mới có mười người. Hàn đã hơn 70 tuổi cầm gậy đuổi đánh người đi chợ và rằng : « Chúng bay chạy mau không thì chết ». Người đi chợ chạy tan rồi lại họp. (Ông ta đuổi đi) như thế đã vài lần. (cuối cùng) Ông bảo : « Ta mệt quá ! Bay không đi đi, cái chết đã sắp đến rồi đó » Người ta chẳng hiểu ý từ thế nào lại đổ ông ta say rượu. Được một chốc chợ họp được vài mươi người thì hòn lên rơi đè chết hết. Chợ ấy sau

1) Chắc là Nguyễn-Trọng-Thường người làng Trung-Cần đậu Tiến-sĩ năm 1712 làm quan Hữu thị lang bộ Lại. Sau đi sứ Tàu chết ở dọc đường

mới dời đi chỗ khác. Hàn ở trong làng, một hôm, làng tế thần ở đình, ông cũng đi dự hội rồi lén vào bàn thờ xách bài vị thần ra đi, đến khi người làng biết, đuổi theo được vài dặm gần kịp thì ông ta bảo rằng : « chúng bay sao không ngành lại ? Bây giờ đuổi đến chỗ nào rồi ? » Chưa dứt câu nói, họ đã nghe tiếng lao xao ở sau, ngành lại thấy đình đã cháy; chưa không nổi, lại chạy lan đến vài mươi nóc. Đình rồi cũng dời đi chỗ khác. Lại một ngày, Hàn đi làm địa lý, sai đầy tớ mang một quan tiền đi theo. Dọc đường có dừa ăn mây khúm núm van xin. Ông ta dơ gậy bảo : « Mây há miệng ra để tao đâm một cái, nếu chịu được thì tao cho quan tiền này. » Đưa ăn mây ngỡ nói chơi cũng há miệng, bị Hàn làm thiệt, đâm một cái chảy máu ra, nằm lăn rên rì. Ông ta bảo : « Nguyên tao làm chơi, không ngờ già yếu, tay không giữ nổi cái gậy, trúng phải mây đau. Nhưng mây đòi đến thế được một quan tiền chẳng ăn thua gì. Chỗ mây ngã xuống đó có người đời xưa chôn vài chĩnh tiền ở dưới đất, mây đào lên mà lấy ». Đưa ăn mây theo lời đào lên,

quả được, anh ở nhà bị người khác bắt lấy đem
 về Đồi Lê, có Bùi-Sĩ-Tiêm, lúc bé bỏ cõi,
 nhà nghèo mà tính lại hào đạt. Khoảng 17,
 18 tuổi đi cày cho người chị, một hôm gặt
 mới gặt đầu, ông vào cày ra đồng, thấy
 giữa đồng có gian nhà cỏ rơm rơm có mấy
 nữ kỹ đang hòa nhạc, người xem có đến
 vài trăm người. Trên giường có một cô
 gái dung sắc đoan lệ và áo quần rất
 đẹp. Bùi biết là quý, nhưng không sợ,
 đặt cây xuống lên vào lên giường cùng
 ngồi xem nhạc. Cô gái vẫn ngồi đoan
 trang không nói. Một chốc mới bảo :
 « Quý thầy sau có khoa hoạn đến đây làm
 gì ». Nói đoan biến mất cả, chỉ còn một
 mình Bùi ngồi trên đất. Bèn trở về theo
 học, sau đậu Hoàng Giáp đầu bảng, làm quan
 đến Thi lang: (1) »

Đời Lê có Phạm-Đình-Trọng (2) làm
 Thượng thư ở trấn Nghệ-An, khi đi hành
 hạt, có họa Tàn hơn 100 người đến lấy.
 Ông đã hỏi việc gì? Tàn rằng: « Chúng
 1) Bùi-Sĩ-Tiêm quê làng Kịch-Lũ (Nam-Định) sinh
 năm 1596, đậu năm 1715. Đời chúa Trịnh Giang
 bị cách chức về ở nhà.
 2) Quê làng Khôn-Dao, huyện Giép-Sơn (Hải
 Dương).

« tôi không có việc gì, chỉ thấy trang mạo
 người giống như tượng thần Ngũ-Hồ, (1)
 thiệt là dị nhân, nên tôi bái yết ngay đó
 thôi ». Phạm có lần đau mắt ở vai hơn
 một năm không khỏi, trong bụng lấy làm
 nghi, vừa có người đi sứ Tàu, ông cạy
 vào xem tượng thần Ngũ-Hồ. Người ấy
 quả thấy chỗ vai tượng thần có troc một
 miếng sơn bện ta bỏ lại, đến khi trở về
 thì mắt ông đã khỏi, khăn ra ngày lành
 trời là ngày sửa tượng đã xong vậy.
 Phạm ở Đình-Cầu (Hà-Tĩnh) một đêm
 mộng thấy có người mời tới nhà uống
 rượu mà nhà ấy có người đàn bà già
 gần 70 tuổi, nhà cũng làm thượng, khác
 khứa thế cái một mình ông, người đàn bà
 ăn cần mọi mực rất cảm tình. Đến khi tỉnh
 dậy thì đồ ăn còn để ở miệng, nhờ cá
 lội đi ngõ vào và trang mạo người đàn bà.
 Ông lấy làm lạ liền thay lột ra đi, bởi
 những làng ở bốn bên đình quả gặp được
 người đàn bà trong mộng. Hỏi thì nói
 rằng (bà ta được) một đứa con trai 13 tuổi
 thì chết, chính hôm qua là ngày giỗ của
 nó. Tỉnh năm nó chết lại là năm Phạm

1) Có sách bảo là tượng thần Phạm-LM, tướng
 nước Việt đời Xuân-Thu, mất 571 năm trước
 Công-điền (1) »

sinh. Ông bèn mời người dân bà về nhà phụng dưỡng rất hậu. Vài ngày trước khi chết, Phạm đang ngồi giữa nhà, có con rắn bằng cánh tay đủ năm sắc bò lên giường kê trên đầu gối ông. Ông vẫn nói cười với khách như thường, một chốc rắn mi bò đi.

Đời Lê có Nguyễn-Huy-Oánh (1) đậu thám hoa làm quan Thị lang. Người cha của ông đậu Hương cống ở làng Trừng-lưu, tổng Lai-Thạch (Hà-Tĩnh). Xem giếng có người thợ của cũng chung một nghề. Một hôm người thợ ở xã Phù-Thạch (2) về làng, đến đám đồng đầu làng thì trời đã tối, thấy hai người học trò, một người độ 17, 18; một người độ 14, 15 cùng nhau vừa đi vừa nói chuyện, người thợ theo sau nghe nhiều chuyện không hiểu, chỉ nhớ được tên người lớn là Xưởng, bé là Vĩnh. Khi đã đến ngõ (nhà, người thợ) thấy người lớn bảo người bé rằng: « Anh đây đã đến nhà anh ở, còn em ưa tiên dao thì đi.» Báp rằng « Hãy tạm biệt ít lâu, mười hai năm ta sẽ tái ngộ.» Nói xong đều không thấy dấu nữa. Người thợ về tới nhà, vừa người vợ sinh được đứa con

1) Đậu năm 1748, làm đến Đại học sĩ tòa Đông-Các
2) Thuộc phủ Hưng-Nguyên (Nghệ-An)

trai. Va rất mừng muốn đặt tên là Xưởng nhưng chưa quyết. Som mai tới nhà ông Hương cống toan nói chuyện thì vừa biết vợ ông cũng đem ấy sinh được đứa con trai. Người thợ ngạc nhiên, ban đầu còn nghi, một chốc gặp ông Cống bèn xin ông đặt tên cho con và hỏi ông mới sinh con trai đã đặt tên chưa? Ông cống trả lời: « Tôi chưa rành việc nhưng vừa mới nghĩ đặt cho nó tên Xưởng. Người thợ thất sắc chào về. Xưởng là tiền danh của Huy-Oánh.

Phạm-Vi-Khiêm (1) ở xã Đặng-Điền (Nghệ-An). Xã ấy có núi Lập-Thạch. Dân ở đó đến đêm thường nghe tiếng đọc sách. Kịp khi Phạm sinh ra, tiếng đọc bèn mất. Phạm từ bé thông minh hơn người, đợi bấy giờ cho là thần đồng.

Đời Lê, có Phan-Phái-Hàm Nguyễn-Phan (2). Nhà mẹ ở làng Bọt-Thương, thuộc Hoàng-Hóa. Thuở bé học với cậu, ông hay rong chơi thường bị cậu răn bẻ, bèn bỏ đi. Trong xóm có đền Chân-Vũ, Phạm tới, vào

1) Tức Phạm-Nguyễn-Du (xem sau)
2) Có lẽ là Nguyễn gia Phan, tức Nguyễn Thế Lịch quê làng Đại Mỹ huyện Từ Liêm (Sơn Tây) đậu tiến sĩ năm 1775.

đền, lấy mấy đồng tiền ở trong lưng ra
chui vào vàng giấy ở trên hương án rồi đánh
bạc với thần, hẹn rằng thần được thì thần
lấy tiền, tôi được thì tôi lấy vàng giấy.
Ông ta đánh được, mới nói rằng: «Hãy
đề đề vài ngày nữa tôi sẽ lại lấy.» Rồi
đi. Hôm sau lời thì vàng giấy ấy đã bị
người thu từ dốt mất rồi. Phan trách thần
rằng: «Ông đã thua tôi sao lại sai
hẹn, liêu mất bạc thua với tôi rồi?»
«Liên cầm viên gạch đánh vào đầu gối
tượng thần lì cá lại hẹn trong ba ngày
phải đền đủ không thì lại đánh nữa. Rồi
lại đi. Đêm hôm ấy người thu từ mộng
thấy thần báo: «Ta bị đứa con trẻ làm
rối mà nó cũng là quý nhân ta phải
nhịn cho rồi. Mày có đốt vàng giấy như
biện đủ số đề nó khỏi quấy nữa.» Người
ấy theo lời. Hôm sau Phan tới thấy có
vàng giấy cười mà rằng: «Đã chịu thua
thì thôi, tôi cũng không dùng thứ ấy làm
gì.» Sau ông làm quan có phép trị quý.
Một lần năm ngũ, có khi đến năm bảy ngày,
trống nhà đóng cửa lại, giữa sân có trồng
cây đa, người nhà tình nghe trên cây gió
thổi thành tiếng tức là chừng ông giẫy,
mở cửa mới dám vào. Người ta có bệnh

hoan hay việc gì thì đem tiền giấy hương
rượu tới cửa cầu khấn rồi dờ khi ông ra
vào mà xin, ông gạt đầu cho thì được việc,
nếu không thì thôi, chứ không phải dâng
bùa thuốc gì. Âu-sát Khánh Hòa là Nguyễn-
Hữu-Đo có kể chuyện một làng gần làng
ông, đất làng ở bên sông thường bị lở, họ
tới xin với ông Phan, ông ta cho một cái
thế gỗ đem về cắm ở trên bờ, cát mới
bồi lại không lở nữa.

Huyện Kỳ-Anh (Hà-Tĩnh) có Phạm-Hoàn
cũng thông thần, ông ta làm chức Thư
vệ thờ Điện-Quan công đời Lê. Ai có tật
bệnh tới xin với ông, ông hứa cho thì khỏi.
Ông chết rồi người ta lập đền thờ nay ở
làng Sơn-Triều. Miền đó khi có thủy hạn
câu đảo (ở đền ấy) nhiều phen ứng nghiệm.

Người miền Kỳ-Anh là Nguyễn-Quyên biết
được việc kiếp trước. Ông tự kể chuyện
kiếp trước là người Bắc-Ninh, khi bé khá
thông đĩnh, 14 tuổi thì bị chứng nóng rỗi,
nôn mửa đi. Một đêm thấy ra cửa đi tựa
như vô bệnh, được vài dặm thì tối đen như
mực, gió lạnh thấu xương, mới biết là chết,
trong chỗ tối đi được nửa giờ dần dần
lại sáng như ban ngày, chỉ không thấy
mặt trăng, mặt trời mà cỏ cây cũng

khác với nhân gian. Thấy trước đường có một người ở cách bờ sông, có vài nóc nhà tranh cắm cờ như là đồn ải, bên cạnh có chợ họp chừng vài trăm người. Ông sực nhớ khi sinh tiền có nghe người kể chuyện luân hồi rằng người ta chết tất có người làm chủ bắt ả « cháo mê hồn », cho nên đến khi sinh kiếp khác thì không biết việc trước nữa. Y giả đây là chỗ làm cháo mê hồn chăng? Thuở bé ông từng biết hơi nên mới đi lánh theo bờ sông, trông sang bờ đồn không thấy nữa mới lúi sang bến đò rồi bị lính tuần bắt được giải vào trước ông quan âm. Nơi này giống như phủ nha trên dương gian nhưng binh vệ cũng thưa thớt. Đến nơi không dám ngửa mặt lên nhìn, nghe người ngồi trên công đường quát rằng: « Đưa gian dân này phải phạt làm súc vật », Rồi sai dắt đi. Cái thân bấy giờ phải làm con nghé ở nơi đờ bản rất khổ. Khi mới mọc sừng thì hay bằng người nên bị làm thịt. Lại đến chỗ cũ, quan âm lại quát: « Nó còn gian giảo không chưa, cho tái sinh lại thế gian trả lại bản thân cho nó » Rồi ngành bảo tả hữu soát cung lộc, cung thọ thế nào thì một viên lại thưa rằng: « đạu tiến sĩ

làm quan Thừa chính, thọ 72 tuổi ». Quan âm truyền dắt đi, đến một nhà vào học thường, vợ chồng đạu độ 40 tuổi, sinh vài hạn mà không nuôi được, người vợ chuyển sinh đã có vài ngày, vừa sinh con trai ông đạu thai vào, mừng mà cười lên. Người vợ kinh hãi mà rằng: « Quý quái gì còn lại đây quấy nhiễu ». Chồng đang bừa củi vội chạy lại cầm dao chém đi. Lại bị dẫn đến chỗ trước. Quan âm quát rằng: « Phải giữ thân làm trọng chứ, đã khinh xuất như vậy thì giảm quan lộc cho đạu tiền khoa và bot tuổi đi một kỷ » Rồi đạu dắt đi mau không được trễ. Tức thì thấy hai tên lính dắt đi, chui rừng vượt hiểm, đến thì thai vừa lọt lòng, hai tên lính nhét ông ta vào miệng đạu trẻ. Ông ngành lại thấy hai chân đi đường bị gai gổc đâm cho rách toạc. Một chốc thì thấy tai diếc mất mớ, tay chân mềm nhũn, miệng cũng cứng đơ. Quyển 19 tuổi đạu Hương cống cuối đời Lê. Ông còn nhớ được cha mẹ, làng ở và thầy học ở kiếp trước. Khoảng năm Gia Long mới chết.

Khoa Nhâm thìn (1772) niên hiệu Cảnh-Hung nhà Lê sắp sửa thi Hội, có Tham

1) Cha Nguyễn-Du, quê làng Tiên-diên, huyện Nghi-Xuân (Hà-tĩnh) đạu tiến sĩ năm 1731.

Ông Nguyễn-Nghiêm (1) đang được mệnh
(vua cho) nghĩ, chiêm bao thấy có sự
giả mới đến một số công chằm bãi, đồng
sư có hai ông quan. Viên lại trình lên
hai quyển, trong đều viết ba hàng chữ
mực, hàng thứ nhất chữ « phúc đức », hàng
thứ hai chữ « phú mẫu », hàng thứ ba
chữ « bản thân ». Một quyển thì hai hàng
« phúc đức » « phú mẫu » đều khuyên son
mà hàng « bản thân » tại số toét cả. Còn
quyển kia thì ba hàng đều diêm son cả.
Hai ông quan kia đều nói: một khuyên
với một số, khấn đi hai diêm, còn dư một
khuyên nữa muốn đặt nó lên trên. Nguyễn
nói: « Triều đình lấy nhân tài, chính để
ngay sau ra sắp đặt thi hành, quyển này
bản thân đã bị số mà lại lấy, dùng cách
gi cho diêm cho hợp, sao lại để lên trên.
Hai ông ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói: « Ông
nói cũng phải, song thiên tạo có cho những
nhà có phúc đức cha ông rước, phải lúc
đến con cháu họ, bắt đầu đi cho nó xuống
cuối cũng được. Khoa ấy Hồ-Sĩ Đổng (1)
đậu đầu mà Lưu-Tiếp (2) đậu cuối. Sau

1) quê làng Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu (Nghệ-An).

2) quê làng Nguyệt-Áng, huyện Thanh-Tri (Hà-Đông).

mặt mũi anh ta ở nhà... lúc mới gặp
bệnh trạng của hai người không giống
nhau như trong mộng.

Bài-Tồn-Trai (1) có kể ngày ông ta đi
thi hội đến trường đệ tử có một người
mặc đồ lính đi chung quanh chỗ ông làm
bãi từ sớm đến tối, đưa đồ ăn cho
cũng không ăn, đến tối lại thu xếp giùm
những đồ nghiên chiếu đưa ra khỏi cửa
trường rồi mới đi. Hỏi họ tên chỗ ở thì
không trả lời, chỉ nói rằng lính đội Trưng-
Hùng ở Nghệ-An.

Có Tú tài là Trương-Xuân-Dục kể chuyện
ông ta có người bạn tên là Hồ-quán ở
Hưng-Nghệ (Nghệ-An) làm Tham luận
Đầu đời Nguyễn, Hồ theo làm bề tôi Đặng-
Trần-Thường bấy giờ người này làm Bình
tào Thượng thư ở Bắc thành. Một đêm,
Hồ mộng thấy đi giữa trời nắng, một quả
vào nghi trong quán, chủ quán là một
ông lão tóc râu lốm đốm, dựa ghế ngồi,
sau vách có treo bức tranh con còp trên
bàn có trái dưa đỏ. Ông thấy ông lão không
phải dạng nhà quê thên mở ấm nước và
nói đi đũa khát nước vào xin uống.

1) tức Bài-Dương-Lịch quê làng An-Hội, phủ
Tức-Thọ (Hà-Lĩnh) đậu Tiến sĩ năm 1787.

Ông lão hỏi : « Anh có phải đang cầu làm quan chăng ? » Đáp rằng phải. Mới mới ngồi gọi tiểu đồng cắt dưa mời ăn. Ông mới nuốt miếng dưa thì thấy đau bụng không chịu nổi, lộn lộn rên rĩ. Ông lão sai tiểu đồng lấy vài viên thuốc cho ăn liền nữa ra miếng dưa và lạnh. Nhân bảo « Trong bụng anh không chứa nổi một miếng dưa còn muốn cầu làm quan rư » Hồ không bằng lòng về câu nói ấy, trả lời : « Tôi quả là đũa bứt tài, may chày vào quan trường để mong được chút phẩm cấp đó thôi » Ông lão nói : « Quan trường của anh có phải Đặng Trần Thường không ? Người ấy cũng như bức tranh con hồ trên vách. Ta mới làm bài thơ đọc cho anh nghe nhé :

可憐孤鳳向南飛
 纔到天中翅已離
 三島石人眠未起
 將軍猶在發聲期

Khả liên cô phụng hướng nam phi.
 Tài đáo thiên trung kỳ dĩ ly.
 Tam-Đảo thạch nhân miên vị khởi
 Tướng quân do tại phát thanh kỳ.

Nghĩa là : Khả thương chim phụng bỏ cõi bay vào Nam.

Mới đến giữa trời thì cánh đã lìa.
 Người đá ở núi Tam-Đảo ngủ chưa dậy.
 Tướng quân còn đang thời kỳ nổi tiếng.

Hồ không giải ra được, xin chỉ bảo. Ông lão rằng : « Người đá ấy rồi có quan hệ với họa phúc quan trường của anh ». Hồ cả sợ, xin chỉ chỗ người đá. Ông lão cũng vạch ra giữa đất mà bày cho. Đến khi tỉnh dậy, nhớ hết những điều trong mộng, nói lại với ông Thường ; người này sai ông ta đến núi Tam-Đảo theo như trong mộng tìm đào quả được người đá rồi đốt yểm đi. Sau ông Thường bị họa.

Cha Phan-Khiêm-Hanh (1) gặp việc gì cũng hay biết trước. Ông ấy bị bệnh được một ngày rồi bảo vợ con làm cơm rượu mời họ hàng làng xóm đến, ông ngồi giữa nhà bảo con cháu sắp hàng vào lay. Bảo con rằng : « Mày phải chăm học chớ bỏ hư nghiệp nhà, nhưng có trục

1) Có lẽ là Phan-Khiêm-Thụ quê làng An-Việt phủ Đức-Thọ (Hà-Tĩnh) đậu năm 1757.

dầu, mới đậu được. Sau Hanh sắp đến kỳ thi, bị đau nặng mới khỏi, người nhà phải cao troc cho. Khoa ấy ông đậu Tiến sĩ.

Ông nói tôi là Trãi-Hiên tiên sinh (1) không ưa đạo Phật và thuật số, cuối đời Lê đậu Hương cống, thường làm thơ có câu :

彭祖款生還一老

Bành-Tổ nhược sinh hoàn nhất lão,

孔明不死亦三分.

Khổng-Minh bất tử diệc tam phần

Nghĩa là : Bành Tổ nếu sống đến nay cũng làm một ông lão.

Khổng Minh không chết thì nước cũng chia ba.

Ấy là câu thơ thương đời vậy. Tiên-sinh không chịu luôn kẻ quyền quý, bị Đoàn Nam (Vương Trịnh Khải) bắt giam. Thơ gởi cho bạn thân có câu :

何當龍福改

Hà đương «Long Phúc» cải,

此是我歸期

Thử thị ngã qui kỳ.

Nghĩa là : Khi nào phúc lớn (bay là làng

1) Tên là Trương-Quốc-Kỳ, đậu năm 1753, bị giam đến 47 năm mới được tha.

Long Phúc đổi thay.

La kỳ tôi được về.

Người ta nghĩ là danh sĩ chưa nỡ bại. Đến khi họ Trịnh bị diệt, tiên sinh mới được về. Xã tôi xưa gọi là xã Long Phúc (Nguyễn-Huệ) có tên giả là Phúc, nhân đổi là Long Phú, nay mới đổi làm Phong-phú. Tiên sinh ở nhà, có một đêm người nhà nghe ngoài ngõ có tiếng xe ngựa ra thì không thấy gì cả. Lúc ấy tiên sinh ngủ mê chưa dậy, người nhà nghĩ và la, sớm mai hỏi thì đáp : « Bạn của ta là Thôi thủ họ Hứa tới hỏi thăm ta đó ».

Tà-Ao giỏi địa lý, đời truyền rằng : Lúc đầu người ta chưa tin. Ở Thanh-Hóa có làng kia có tiếng là làng văn học, một hôm đang họp làng, ông ta mặc áo rách mang dây vào tự xưng là thay địa có chọn được một huyệt khoa giáp, có ai dùng thì để cho. Người làng đều khinh, nhân nói « Chúng tôi không dám mong mỗi, chỉ có ông Cống Nguyễn-Điều đang muốn kiếm cát địa, thầy tới đó hỏi. » Điều là một người thô lậu bị người làng khinh lại vừa hôm nay không có mặt ở đấy, nên họ nói bỡn như thế ». Ông ta giả làm cách không biết, hỏi ngõ vào nhà ông Điều. Người

ta cũng chỉ cho. Ông đi tới nơi hỏi: « Đây có phải nhà ông Điều chăng? » Điều ra hỏi: « Thầy hỏi tôi việc gì? » Ông rằng: « Tôi có được nghe các ông làng mách ông muốn tìm cát địa, nên lai đây làm cho ông một huyết đất ». Ông kia cười mà rằng: « Người làng lấy tôi mà đùa bỡn thế đó thôi, chứ tôi được như thế này là đủ rồi có dám cần đến đất tốt đâu? » — Ông nghĩ như vậy vẫn tốt song người làng ai cũng muốn cho ông được khá, và đất tốt cũng không phải tìm ở đâu xa, bèn đạo xin vì ông đi xem mấy ngôi mộ tiền đại, có ngôi nào chưa hợp phép địa lý thì thay đi, phí tiền chẳng qua hết chừng 500 tiền mà tương lai sẽ phát phúc không mất lễ tạ gì nữa, ông sợ gì mà không làm. » Điều lấy làm lạ về câu nói ấy mới lưu thầy lại để đi xem mộ tổ, chỉ cái táng một ngôi. Xong ông ra đi có đàn riêng với Điều rằng: « Đất này rồi có hiệu nghiệm ngay. Chờ xem khi nào trên mộ có máu chảy tức là kỳ phát phúc. » Ông này tuy không tin cho lắm nhưng cũng la về lời dặn của thầy nên sớm nào cũng đi thăm mộ. Một người trong làng nghe thủng câu chuyện ấy, đem đến lấy huyết lợn rưới trên mộ. Rạng

ngày Điều tới thấy vậy trong lòng nghi hoặc, trở về thì thầy địa đã tới nhà bèn mừng rỡ mời mọc nói chuyện: khoa ấy quá Điều đỗ tiến sĩ. (1) Từ đây ai cũng trọng Tả-Ao như thần mà ông ta cũng chẳng khinh thường dễ dặt cho người ta. Nhưng đó là ông cũng dùng thuật để lừa người thôi. Khi tới lên 16, 17 tuổi có một người ở lối xóm, nhà, cũng đủ ăn, vợ chết vào lúc cuối năm, chỗ chôn thì đầu mộ có thửa ruộng đã cấy lúa mà ruộng có nước chừng vài tấc; sau khi táng rồi ba ngày, tới với Hiền sinh nhà Lê là Trào mỗ, và Tả tại (mỗ), cả đêm đều nằm nghỉ ở nhà ấy, sáng dậy chủ nhà với con trai đi thăm mộ về nói ở đầu mộ đến giữa ruộng nước không đầy năm thước có ba hòn máu tròn lớn bằng cái bát, sắc máu tia tia. Ai cũng lấy làm lạ. Hai ngày sau tới tỉnh cờ đi ngang chỗ ấy, thấy máu đã tan lẫn với bùn hãy còn có vết đen. Tháng ba năm sau nhà ấy chết mất một đứa con, sáu bảy người trong nhà lần lượt đau ốm, nghiệp nhà sa sút, đến khi hết tang, mới cải táng đi chỗ khác. Việc ấy sai là một lý thế nào không thể hiểu được.

(1) không thấy tên trong Bảng khoa lục.

Vũ-khắc-Kiệm (1) lúc đầu du học Bắc Thành có thuê một cái nhà để trọ, nhà ấy thường có ma, mấy lâu vẫn đóng cửa, Kiệm không biết. Mới ở được vài ngày, ông ta đang ngồi một mình đọc sách bên đèn hồng nghe có tiếng rên ở trên rường nhà, ngửa mặt lên nhìn thì thấy có một người bạn vũ phục ngồi ở trên giường tay cầm cây đao tư cắt bắp vế của mình máu chảy xuống đất. Kiệm nói: « Anh làm gì thế, có oan uổng điều gì thì nói, chứ ta đây những loài ma quỷ không thể dọa được » Người nọ mới nhảy xuống đất cây đao tư kê rằng: « Tôi là linh nhà Thanh theo Tổng đốc Tôn Sĩ-Nghị sang đây chết ở chỗ này, bị người ta làm nhà lên trên đây dậm luôn luôn, đi hải không yên, không biết nói với ai nên phải thường làm sự quái gỡ. Bây giờ ngài đã biết nỗi oan uổng của tôi, nhờ ngài giúp cho tôi với. » Kiệm hỏi: « Đi hải ở đâu? để ta nói với chủ nhà cất đi cho. » Con quỷ nọ chỉ chỗ mộ lạ lạ rồi biến mất. Ngày hôm sau Kiệm nói với chủ nhà, đào lên được một bộ xương và cây đao, liệm lại chôn đi

1) quê làng Việt-Yên, phủ Đức-Thọ (Hà-Tĩnh) đầu cũ nhân năm 1813.

chỗ khác, nhà ấy mới yên. Kiệm sau làm đến Tri huyện.

Đang buổi dịch tễ rất khốc hại, có khi một nhà chết đến vài người, ai cũng cho là truyền nhiễm song cũng do số mệnh cả. Hiệp Biện đại học sĩ họ Hà (1) ở bộ Hộ có kể chuyện rằng: « Năm canh Thìn (1820?) bệnh dịch cả phát, ông Hà đang ở Kinh, trọ ở nhà hàng Đông-Gia có ông Cống là rể, người cùng xóm, trọ ở Sứ quán. Một hôm ông ta bị bệnh dịch mê man đi không biết gì nữa. Bỗng thấy mình đi ở phố chính đông ở trong thành, dọc đường gặp một bác quý nhân có quân gia vài mươi người. Thấy ông, người nọ bảo: « Người này tương lai làm đến Đại học sĩ sao lại đi đây? » Rồi bảo một người vừa gặp ở bên đường rằng: « Đi bắt tên Mỗ người cùng xóm với người này, cho chúng may làm rồi! » Ông Hà được trở về, mới tỉnh dậy tại đây, từ nói rằng chết đã được nửa đêm rồi. Ông bệnh bớt dần rằng mai sai người đi hỏi thăm ông Cống mồ thế người này chết lúc nửa đêm.

1) Có lẽ Hà-Tôn Quyền quê làng Cát-dông, huyện Thanh-uy (Hà-dông) đầu Tiến-sĩ năm 1822

Năm Kỷ sửu (1829) tôi và bạn là Trần (1) đi thi Hội. Cùng đi còn có Cử nhân Nguyễn-Khắc-Khoan (2) ở xã Tỉnh-Thạch, Hồ-Vinh-Trinh (3) ở xã Chi-Châu và Phó-bảng Nguyễn-Hữu-Thương (4). Đến quán Thanh-Lương vừa trời tối chia nhau trọ ở các quán. Sáng mai dậy đi, thấy ông Trần kể chuyện khi đêm chiêm bao thấy ngồi giữa nhà, ngoài sân có ba con vịt có một người ở ngoài đi vào bắt một con đưa cho ông ta mà con vịt ấy thì què một chân. Ai cũng cho là điềm tốt. Tôi cũng đoán: « vịt (鴨) què một chân thì giống chữ « giáp » (甲), ba vịt tức là « tam giáp » Khoa ấy ông Trần quả đậu « đệ tam giáp ». Đến ngày vinh quy, tôi cùng ông Trần và ông Phó hiến sát họ Bùi (5) đi với nhau. Bấy giờ vào tháng bảy, dọc đường miệt Hoảng-Lễ gặp

1) tức Trần-Huy-Phác ở xã Đông-Luỹ phủ Diên-Châu (Nghệ-An) đậu Hội nguyên năm 1829.

2) Đậu cử nhân năm 1825, người Hà-Tĩnh.

3) Đậu cử nhân năm 1828, người Hà-Tĩnh. Làm quan đến Kinh-Lich.

4) Què làng Trung-Lương, huyện Gan-Lộc (Hà-Tĩnh) đậu phó bảng năm 1829. Trong Quốc Triều-Khoa Bảng-Lục chép tên Nguyễn-Thương.

5) Tức Bùi-ngọc-Quý ở xã Hải-Thiên huyện Tiên-Lữ (Nam-Định) cũng đậu tiến sĩ đồng khoa.

trận mưa dông. Gần đường có miếu thần, ba người ghé vào, tôi và người đẩy tờ ông Bùi đều vào đó, chỉ có vài người đẩy tờ của ông Trần chậm lại sau, không biết chủ mình ghé vào đây, cứ một mạch đi thẳng. Chúng tôi ở trong miếu trông ra thấy họ cởi cả khăn áo, chạy loảng quăng hình như đuổi cái gì, rồi lại cứ đi như trước. Chỗ ấy là đường núi, làng ruộng cây cây thì xa. Đến khi tanh mưa, chúng tôi mới ra đi, đến quán Hoà-Hiệu thấy họ đang nghỉ ở đó mà hành lý có ba con vịt. Tôi sực nhớ lại câu chuyện trước, nhân nói rằng: « Chẳng có một con què ». Xem lại thì quả nhiên.

Năm quý ty triều Minh-Mệnh (1833) tôi đang hiệu lực (1) ở bộ, trọ tại quán Đông-Gia, một hôm mong thấy mình ở trạm Biên-Long quan quân canh đống rất nghiêm. Tuần vũ tỉnh Biên-Hóa là Vũ-Quỳnh (2) và Án sát Lê-Vưu-Lễ (3) cũng tại đây cả. Phải nam nhà trạm có chợ

1) hiệu lực = làm rấn sức để chèo lái.

2) tức Vũ-huy-Quỳnh người xã An-Tập huyện Đông Thành (Nghệ-An), cử nhân năm 1813.

3) Què xã Bái-Vọng huyện Quảng-Điền (Thừa-Thiên) đậu cử nhân năm 1821.

Gó (Khu thị). ông Vũ đang ngồi ở hàng cơm bên chợ, tôi tới hỏi thăm rồi cùng uống rượu, một chốc thấy có viên lại cầm phong bì giấy vàng tới, trong có bản sơ viết tính, ông ta cầm lấy sai viên lại mượn ấn quan Án rồi ngảnh lại hỏi tôi: « Tôi đề mất cái ấn quán phòng đã có tâu trong sơ này đề chịu tôi, nay mượn cái ấn quan Án đề đóng, có hợp phép chăng? » Tôi đáp: « Gần đây hệ quan viên chưa cấp ấn có thể mượn ấn của quan đồng liêu đề áp vào giấy má, bên cạnh phải kê rõ việc ấy. » Ông nói: « Phải, tôi cũng có kê rõ sau tập ». Nhân cầm bản sơ đưa cho xem, tôi thấy trong sơ chữ viết đầy đến vai tở mà không nhớ nói việc gì. Xem xong, viên lại đưa ấn đến, ông Vũ tự áp lấy rồi giao phong sơ cho viên nọ và dặn rằng: « Đưa chỗ quan Án nhờ ngài phát đệ cho ta. » Một chốc nghe tin ông Vũ bị giáng nhị cấp lưu. (1). Đến khi tỉnh dậy không đoán ra thế nào. Hạ tuần tháng 5 năm ấy, bắt đầu nghe nghịch Khôi (Lê-Văn-Khôi) làm nguy, tôi phải đi lùng quân, mồng 4 tháng 6 lên đường khoảng giữa Khánh-Hòa và Bình-

1) bị giáng xuống 2 trật nhưng vẫn giữ chức cũ.

Thuận, nghe tin Biên-Hòa đã thất thủ các quan tỉnh phải lui về giữ Hưng-Phúc (nay là Bến-Long). Được vài ngày nghe tin ông Tuấn Vũ đã lấy lại được Biên-Hòa mà ông Lê-Văn-Lễ hãy còn ở Hưng-Phúc. Ngày 27 tôi tới trạm Thuận-Biên, ông Lê cũng vừa bỏ Hưng-Phúc chạy đến đó. Ngày 28, quan quân phá giặc ở Biên-Long nhân lưu lại đó để chỉnh đốn công việc. Tôi cũng ở trong trạm. Ông Vũ đang đóng ở Biên-Hòa, tin tức quân lính qua lại chưa thông. Ngày 30, mới nghe Biên-Hòa lại bị thất thủ. Mồng 1 tháng 7, ông Vũ trở về đến đây (Biên-Long) quả nhiên ngồi trong hàng cơm bên chợ, hôm sau tôi tới hỏi thăm, hết thấy theo như mong thấy lúc trước. Mà ông Vũ cũng bị giáng nhị cấp lưu.

Khoa canh tý (1840) triều Minh-Mệnh, tôi làm Giám khảo (1) trường Hà-Nội, Phó Đò-ngũ-sử là Nguyễn-Công-Trứ thì làm Điền thí (2). Đến trường nhì ngày nhập trường, ông ta bảo tôi rằng: « Đêm trước tôi nghe trong vi có tiếng ngâm

1) Giám khảo = quan chấm quyền thi lần thứ ba ở một trường.

2) Điền thí = chánh chủ khảo.

vinh không biết là thế nào». Khoa này trường Hà được 14 Cử nhân. Đến khoa thi Hội năm tân sửu (1841) triều Thiệu-Trị có các ông Bùi Tuấn (giải nguyên trường Hà khoa canh tý) (1), Trần-Vỹ (2) Ngô-Điền (3) và Vũ-Vân-Lý (4) đều đậu. Đến khoa thi Hội năm nhâm dần (1842), các ông Hoàng-Đinh-Tá, (5) Phan-Đinh-Dương (6) lại đậu. Trong số 14 người (đậu Cử nhân) mà có đến 6 người đậu Tiến sĩ. Các trường thi hương hồi gần đây ít được như thế.

Khoa nhâm dần triều Thiệu-Trị, tôi đi Điền thi trường (thi Hương) Hà-Nội, kỹ hạn của trường ngặt quá, chằm quyền cả đêm ngày không được nghỉ. Có một hôm,

1) Người làng Liên-Bạt huyện Sơn-Minh (Hà đông) sau làm đến Tổng đốc.

2) Người làng Thương-Cát huyện Từ-Liêm (Hà đông) sau làm đến Đốc học.

3) Người làng Tả-Thanh-Uy huyện Thanh-Uy (Hà đông) đậu đệ nhị giáp làm đến Tri phủ.

4) Người làng Vĩnh-Trụ huyện Nam-Xương (Hà đông) sau làm Tế tửu Quốc tử giám.

5) Người làng Liệt-Đương huyện Thanh-Trị (Hà đông) đậu đệ nhị giáp làm đến Tri phủ.

6) Người làng Trang-Liệt huyện Đông-Ngan (Bắc-Ninh) sau làm Tư nghiệp Quốc tử giám.

kỳ trường ba, chằm quyền đã được hơn một nửa, tôi bị nhức đầu và mắt, lui vào phòng công đề nghị, lưu Phó khảo họ Vương (1) lại thi viện, mờ sáng tôi tới thi viện thì rèm chưa mở. Vương đang ngủ say, nghe tôi đến vội đẩy bận áo, chưa kịp nói chuyện, ông ta đã ngảnh lại hỏi người Thề sát đứng bên cạnh rằng: « Con chim quốc tử quy ấy đã thả ra chưa? » Người ấy chưa kịp trả lời, tôi thấy ông ta nói thề, nhân hỏi ngang: « Chim quốc ở đâu mà được? » Ông ta nói: « Ban đêm nó chạy vào trong viện bị chúng bắt được, tôi không nỡ giết nên bảo thả ra » Tôi cười rằng: « Không của ông cũng được như từ sản (2) đó! Bà có lòng nhân từ, sao không tự mình thả lấy, lại để cho chúng làm thịt, còn hỏi làm gì? » Người Thề sát khi ấy cũng mỉm cười tạ rằng: « Tên lính không biết, nó đã làm thịt mất rồi ». Nét mặt ông Vương khi giận. Tôi nhân nói bữa đề giải hoa rằng: « Ban đêm trong

1) Lúc là Vương-Hữu-Quang quê ở làng Tân-Đức huyện Tân-Long (Gia-định) vốn người Minh hương.

2) Người đời Xuân Thu bèn Tào một lần sai người thả cá, nó làm thịt ăn mất rồi kiểm điều nói dối, Ông cũng tin.

viện đèn đuốc sáng choang, linh và lại đồng đức, chim quốc vô cổ vào càn, vậy là nó tự làm nó chết. Hay là ông Nguyễn Đình-Vũ có con em đi thi, đã bị trường ta sỏ feet rồi chăng? Nguyên ông Nguyễn là người Hà-Nội, trước làm Ân-sát Thái-Nguyên, mình hơi gầy, người ta gọi ông là « Đổ-Vũ » (1). Lúc chấm quyền trường ba xong rồi, khoa này trường Hà-Nội gạch cử nhân 23 người lại lấy chỉ được 18 quyền đến khi phê trên dưới, tôi phê đến quyền thứ 17, còn một quyền nữa chưa hạ bút, tình cờ mắc ngành đi việc khác, ông Páo nào cầm lấy dờ ra xem, tôi ngành lại hỏi thế nào? ông ta không nói gì, chỉ lấy một quyền mà bay lên trước án tôi ngồi. Nhân đó tôi dờ ra xem lại, trong bài có vài câu rất không vừa ý, mới phê xuống đầu hạng Tú tài, khi đã dán phách tên họ quyền này vào thì ra quyền của Đổ-Đo vậy. (2)

Khoa bình ngô triều Thiệu-Trị (1846)

1) Chim quốc có tên là Đổ-Vũ, nguyên là vua Thục ngoại tình với vợ Biệt-Linh rồi truyền ngôi cho người này mà bỏ đi mất, đời truyền hóa ra chim quốc.

2) Khoa này chỉ có 16 cử nhân có lẽ tác giả nhớ lộn chăng?

tôi lại đi Điền thi trường Hà. Một hôm Giám sát là Nguyễn-Kim-Thuận nói với tôi đêm trước ông ta mộng thấy một vị quý nhân với linh hầu chừng vài mươi tên tới thi viện, tôi (Trương-quốc-Dụng) mời ngồi, linh hầu nghiêm túc. Ông Thuận có nhìn trộm người ấy thì bình nhật chưa từng qua biết. Ông có hỏi riêng người linh hầu thì bảo là Tích-Quan. Ông Thuận cũng không biết Tích-Quan là người nào. Xét sử thi đời nhà Đông-Hán có Tích-quang làm Tư sử Giao-Chi đem lễ nghia ra dạy dân. Từ Hán đến nay có hơn vài ngàn năm. Ý giả ông ta thuở xưa làm quan ở đây, có công dạy dân, nên khi thiêng bầy còn ở trong hơi tiếng chăng?

Tỉnh Gia-Định có Tổng đốc là Nguyễn-Đức-Hoạt (1) và Bố-Chánh Nguyễn-cu-Sĩ, (2) chỉ trong một tháng lần lượt bị bệnh chết. Mới đây có Phó Lãnh binh Đoàn-Quang-Mật tôi chơi, tôi hỏi về bệnh tình của Tổng đốc Nguyễn thì ông ta kể rằng: « Việc ấy cũng chẳng biết là thế nào? Nguyễn quan Tổng Đốc, một hôm đi hành

1) quê huyện Hải-Lăng (Quảng-Trị).

2) Quê huyện Hương-Trà (Thừa-Thiên) là cháu Nguyễn-cu-Trinh.

hạt, khi về, cưỡi voi qua trước mộ ông Lê-Văn-Duyệt có một viên hiệu bầm rắng « Trước các quan ai đi tới đây cũng phải xuống ngựa, xếp cờ im trống ». Ông đáp: « Ta từ khi làm Tổng đốc thì cưỡi voi và cờ trống là sự thường ». Rồi dục cừ đi. Đến khi về dinh, đêm ấy cảm bệnh, hoảng hốt không thượng, cách hai hôm sau, lính nha dậy sớm thấy trong dinh có cây mọc còn cắm ở giữa sân không bết từ đâu lại. Có người tôi thừa với ông Nguyễn-Cư-Sĩ, ông Nguyễn nói: « Nó là một kẻ có tội, làm gì được người ta nên bệnh? » Rồi ông này cũng bỏ bệnh như quan Tổng-dốc. Lại có viên ngoại lang bộ Binh là Vũ-văn-Trung kể chuyện: « Có làng Thạch-Bi mua cái nhà cũ của ông Lê-văn-Duyệt, đưa về làm miếu thần, làm xong, ngày yên vị, thần ứng đồng lên rằng: « Miếu này là nhà của bậc quý nhân trước, ta không ở được gian giữa, nhưng đã làm xong thì thờ ta ở gian phía tây cũng được ». Những câu chuyện ấy sai ngoa không đủ tin, song Lê-văn-Duyệt mới đây đã được ăn xá và lục dụng đến con cái, hoặc giả ở trong u minh có khi thiêng hiện ra, cũng chưa biết được.

Sách Phong tục Thông (1) có nói: « Thấy quái mà không lấy làm quái, thì quái tự mất » Đầu đời Gia-Long có Trấn thủ Hải-Đương là Nguyễn-Văn-An (2) phá tháp ở Đồ-Sơn để lấy gạch đá làm dinh (tự nhiên) có một vật hình như tấm lụa trắng từ trong tháp bay ra. Được hơn một tháng, Nguyễn cảm bệnh, trong dinh thường hiện quái, có khi bay đêm ở trên nóc nhà thấy phảng phất có ánh sáng. Bọn liêu tá cũng sợ, muốn cầu đảo, có người đem việc đó nói với ông, ông không nghe. Một đêm, ông đang đắp chăn nằm nghe đằng góc nhà có tiếng để dẫn dần đi tới giường, ông lạng rình thì bỗng chốc có một vật hình như người đè trên mình ông, với cuốn chăn bọc lấy được, vật ấy dần dần rút lại bằng cánh tay, ông đánh chết ngay, dỡ ra xem thì là một con chuột bạch lấy lửa đốt đi, quái mới tuyệt. Bệnh rồi cũng khỏi.

Đầu đời Minh-Mệnh, tỉnh Hanoi có Cử nhân là Trương Man (3) đi thi Hội qua

1) hoặc Phong tục Thông Nghĩa của Ưng-Thiệu đời Hán-Soạn.

2) Quê làng Long hàm huyện Tiên-Du (Bắc-Ninh) trước làm lính gián sau về thi đậu Cử nhân năm 1813.

3) Quê làng Linh Đường, huyện Thanh-Tri (Hà-Đông) đậu cử nhân năm 1821.

huyện Quỳnh-Lưu Nghệ An thấy giữa đường có sáu bảy bò lão cầm hương sáp lại đón rước. Ông ta lấy làm lạ, hỏi việc gì, thì họ đáp rằng: «Làng chúng tôi cách đây có hơn 10 dặm, đêm qua có vài người trưởng lão trong làng cùng mộng thấy: người làng đang hội họp, cả kẻ chết lẫn người sống. Họ rủ nhau đi rước thần Thành hoàng, hỏi thần ở đâu tới thì họ đáp là: sớm mai có ông Cử Trương Man đi thi Hội có qua đây; ấy là vị thần Thành Hoàng của làng ta, và kẻ cả hình dáng nên chúng tôi tới đây đón rước ngài. « Nhân mời về làng. Ông không nghe. Họ bèn làm xôi gà mời ông rất thành kính. Ông chối không được phải thọ hưởng mà đi. Việc ấy cũng chẳng biết được cơ gì.

CHƯƠNG II

Tập sự

Con Trịnh-Kiểm là Cối chính thì trưởng nam, đã năm bình quyền của cha, sau bị em là Tùng cướp lấy. Đó là cũng có ý trời vì mẹ Tùng là con gái của Triệu-Tổ-Thanh Hoàng đế (Nguyễn-Kim). Bуди Thái-Tổ Gia-Du Hoàng đế (Nguyễn-Hoàng) khai cơ ở Thuận-Hoá, Tùng tuy có lòng ghen ghét mà còn có ý sợ, kịp khi vương nghiệp đã định, họ Trịnh không thể thả mưu kế gì được nữa.

«Cái gì ra tự mây sẽ trở lại với mây». Nhà Trần nhờ đàn bà mà được thiên hạ sau cũng vì đàn bà mà mất thiên hạ.» Vua Lê-Thái-Tổ lúc đầu mượn danh hiệu Trần-Cao, đến buổi nhà Lê trung suy, giặc cỏ tên là Trần-Cao gây mối họa. Người

đời Nguyên có câu: «Được thiên hạ ở đũa con trẻ, đến khi mất cũng ở đũa con trẻ, còn phàn nản gì». Tuy là lời nói chơi, nhưng tóm lại thì đạo trời vay trả có như thế. Nước Nam ta từ khi có vua chúa đến nay chỉ có Bản triều (Nguyễn) được nước là rất chính đáng. Đang hồi nhà Lê trung suy, Triệu-Tổ rước vua Trang-Tông về làm vua. Đến khi đức Thái-Tổ Gia-Du dựng nước ở Thuận-Hóa, danh công chúa nhân được hai trăm năm, họ Trịnh tuy liếm mép ở cai vạc Lê mà không dám động. Nếu không thế thì tội Lê ma đời không đợi đến anh em Nguyễn-Huệ. Kịp khi họ Lê đã bị Tây-Sơn diệt, Thế-Tổ-Cao-Hoang đế (Gia-Long) bèn dẹp loạn lấy lại chính thống, trời cho, người theo, chẳng những nước Nam ta từ Lê về trước không được như vậy mà nước Tàu từ Hán về sau cũng không ai kịp.

Đứa tiểu nhân không biết mệnh trời nên nó không sợ, Trịnh-Sâm giết Thái tử nhà Lê là Duy-Vỹ, bấy giờ giữa ban ngày mà tối đen. Gương trời không xa như thế, loạn thần tặc tử sao chẳng sợ thay ! (Người ta nói rằng con Sâm là Cáo, trạng mao giống Duy-Vỹ.)

Ngược binh của Tây-Sơn bị Quốc triều ta khu trừ đi được, nhưng nó sờ dĩ buông cái độc ra là vì Nguyễn-Chính bày đường. Anh em Naac Huệ tuy kiệt kiệt, nhưng chưa biết hư thực phía bắc thế nào cả. *Chính tự nghĩ tài của mình không được thì thố ở cố quốc nên bỏ vào theo Tây-Sơn* khuyên đánh Trịnh. Họ bảo Chính: « Nhân tài của đại quốc có nhiều người, dễ khinh đông dẫu được. » Chính đáp: « Phía Bắc chỉ có một mình Chính tôi thì đã tới đây rồi, ngoài ra đều không đủ sợ. » Họ rằng: « Không sợ ai cả, chỉ sợ ông, thì sao ? » Chính nghe nói thì thất sắc nhưng sau cũng vì họ đem sức ra trừ nhà Trịnh. Chính đã không biết chọn chỗ đậu, chịu dưới cánh họ óm ấp, sau tuy gia tiếng phủ Lê đề tư lập, làm cửa địch voi họ mà có thể được ru. Mới biết cuộc đời khi sắp trị thì trời sinh ra vua thánh tôi hiền để mở vận thái cho thiên hạ ; khi sắp loạn thì lại sinh bon hung tợn giảo hoạt để un khói biển trong nước. Dầu là việc người mà cũng là khí hóa của trời nữa.

Huệ ra đánh búa, giả xưng quốc tính, (Nguyễn) mượn tiếng phủ Lê. Bấy giờ



người ta đang chán họ Trịnh tiếm bực. Khi tờ biên thư (1) đến, dân Nghệ-An ngày đêm trông mong rằng: « Chúa cũ của ta đã tới. » Quân lính của họ cũng nghiêm chỉnh, của dân tợ hào không phạm, ai cũng tin theo. (Chúa Trịnh) phát binh chống cự thì dân nói: « Sao mà chống với chúa cũ ta. » Rồi họ tri bời không đi. Đến khi mộ lính, ai không về phe đảng họ Trịnh thì không đi, nên Huệ, Chinh đánh một tiếng trống như vào chỗ không người. Đến khi Nhạc ra, quốc dân mới biết họ lừa dối. « Trong nước có đánh nhau rồi sau người ngoài mới đánh. » Chinh là thế đó.

Huệ xin được vào triều cống ở Tàu rồi, bèn sai Chấn (2) thay mặt cho mình, đó là do Phúc-Khang-An bày đường. Khi đã đến Yên-Kinh vào yết vua, vua cho một bài thơ đề tỏ lòng yêu. Khi Huệ chết, vua Thanh sai sứ sang diếu tế, con Huệ là Trát (3) lại sai đầy tợ giả làm tang chủ đem sứ giả đến trước mộ một oung phỉ họ Trịnh tuyên đọc và tế. Những việc

1) Biên thư = thư ở ngoài biên thùy gửi về.

2) Theo sử thì lại là Phạm-công-Trí

3) Theo sử thì là Nguyễn-Quang-Toản.

làm cũng khá buồn cười, nhưng xem như Đãi thảo nhà Thanh đã nói: biết dối mà cũng dễ chịu. Thì không những một anh Phúc-Khang-An bày ra.

Huệ giết Vũ-văn-Nhâm. Nhâm tự nói vô tội. Huệ bảo: « Không cần tội trạng, chỉ vì tài mảy hơn ta, không thể cho sống được. » Nhâm bèn than rằng: « Ta diệt nước người, phá nhà người, chết có thừa tội, dám oán gì nữa. » Xưa Ngụy-Hác-Chiêu bảo con rằng: « Ta từng làm tướng mới biết tướng không nên làm. Ta mấy lần bời mà người dễ lấy gỗ làm quán khí. Sau khi ta chết, nên táng lạo thảo cho mau tiêu, chớ dùng quan quách. » Đại loại cũng như việc trên. Nhưng mà Tao Tháo làm 70 cái mồ mà ma thầy của va sau cũng bị người ta phá tan, có trốn đâu được!

Lê-Chất nhậm chức tổng trấn Bắc thành tới từ biệt Lê-văn-Duyệt và rằng: « Bộ hạ ngài có ai hiểu việc, cho tới xin một người: » « Duyệt sai Bạch-Xuân-Nguyên đi và nói với Chất rằng: « Nó là người rất biết việc, nhưng sai bảo được thì dùng không được thì giết đi, chớ tiếc. » Như Bạch-Xuân-Nguyên khi ở Phiên-An (Gia-Định) bọn giặc Khôi vốn làm tội tở Lê-văn

Duyệt, Bạch xử với họ nóng nảy quá mới chọc lòng giận của họ ra, không những thân của Bạch bị chết mà còn làm phiền binh lực của triều đình đến mấy năm mới yên. Cho nên có câu : « Loạn là do lời nói gây lên »

Trước vài ngày, Khôi làm loạn có Cai đội Đỗ-văn-Thanh biết chuyện bèn trình với Tổng đốc Nguyễn-văn-Quế. Quế nói lại với bố chánh Bạch-xuân-Nguyên. Bạch rằng : « Chẳng qua loài chuột nói phét thôi, chớ làm gì được » Đã không đề ý phòng bị, lại nói với người ta rằng : « Đỗ-văn-Thanh nói Khôi muốn giết ta, hãy đề mặc nó, xem nó làm gì được ta ». Đến khi giặc đã vào thành tìm bắt Đỗ-văn-Thanh giết trước.

Năm Quý tị triều Minh-Mệnh (1833) trung tuần tháng năm trong thành tỉnh Định-Tường (1) một đêm trông thấy ở phía đông bắc tự nhiên trên trời xuất ra một lỗ, trong có ánh sáng như lửa bốc lên, một chốc rồi mất. Đến ngày 18, tỉnh Phiên-An xảy ra loạn Lê-văn-Khôi.

Tháng 10 năm quý tị, tôi đang tại quân thứ tỉnh Gia-định rồi đêm vào khoảng

1) Tức nay là Mỹ-Tho, Gò-Công.

giữa canh hai và canh ba nghe bốn tiếng đại bác, đến canh tư mới thôi. Thường trong quân đội ban đêm không bắn đại bác bao giờ, nên lấy làm nghi. Như vậy đã đến bốn năm đêm. Sau cùng cho là đại bác của quân đội bắn để thị uy không đề ý nữa. Một hôm tôi từ Saigon đi đêm về qua góc tây nam ngoài thành, là chỗ quân lữ của Thái-Công-Triều (1), đóng, ông mời tôi vào nghỉ tạm, đang ngồi nói chuyện nghe tiếng điều thương hơn 100 phát bắn đều một loạt. Tôi nhân hỏi : « Đêm khuya có việc gì mà trong quân cùng bắn như thế ? » Thái đáp : « Đó là ma ở ngoài đồng tập trận, bốn năm đêm nay, cả đại bác và tập hỏa trận, nửa nay đến kỳ của nó ». Đồng ấy là nơi đồn quân của Thái, tôi với các người khác ra xem quả thấy lửa sáng ở trên đồng. Có lẽ là chỗ chiến trường xưa vậy.

Truyện (Luận Ngữ) có câu : « Làm việc mà sợ, hay nghe người ta bày mưu mà thành » Ở sách Nam Sử, Trầm-Khánh-Chi có nói : « Nghề cây nên bồi dũa ở trai, nghề dệt nên bồi dũa ở gái ». Bình-Thành-

1) Quê ở Thừa-thiên trước làm Vệ-uy ở Gia-định rồi theo Lê-văn-Khôi, sau lại trở về với Triều đình đi đánh Lê-văn-Khôi.

Bá (1) với Tân-Long-Hầu (2) đem binh đi hạn ngũ giặc Tiêm. Bấy giờ ý kiến các tướng không đồng, chia quân ra thì không đầy ngàn người. Bình-Thành-Bá bèn mời Thái-Công-Triều tới hỏi kế. Thái nói: « Quân giặc tới đây gấp, quân cứu viện của ta đang còn hoãn, không đầy vài ba ngày đây những tỉnh Nam-Vang, Hà-Tiên, Châu-Độc phải thất thủ, như vậy tiến quân lên cũng không kịp nữa. Nay phải đi, gấp giữ lấy Thuận-Cảng cho mau, giặc dần đông cũng không dám thẳng tới Tiền-Giang, (3) phải theo Hậu-Giang (4) do Thuận-Cảng (5) mà lại. Ta chiếm trước chỗ hiểm ấy thì nó không thể tung hoành được, cũng là một chước kỳ để thắng trận. Nếu không thì hãy đợi đại binh, hợp lại mà đánh mới được vạn toàn, nếu để họ vượt Thuận-Cảng mà qua chiến sà của mình thì dân Vĩnh-Long, Định-Tường chưa quen đánh trận, lòng người dao động khó thể cậy nhờ. » Ngay 28 tháng 11, hai ông Tham tán phát quân đi, qua Định-

1) Tức Trương-Minh-Giang quê huyện Bình-Dương Gia-Định bấy giờ làm tham tán.

2) Tức Nguyễn-Xuân

3) và 4) sông thuộc Vĩnh-Long

5) Bến sông thuộc Vĩnh-Long

Tướng đã nghe Nam-Vang, Hà-Tiên kể tiếp thất thủ. Nguyễn-Xuân muốn đợi mộ lính Vĩnh-Long thêm vào, nhưng Bình-Thành-Bá không nghe, dục đi gấp đến Tân-Thành, (1) nghe Châu-Độc cũng thất thủ. Bon ông Đặng-Văn-Minh (2) chạy đến quân thủ. Bình-Thành-Bá cấm không được nói sự trạng của giặc cho nên quân ta đều không biết giặc kho hay dễ. Sớm mồng bốn tháng chạp đi đến tấn Chương-Lễ sai người dò thám cửa Thuận-Cảng thì hai bên bờ đều là lũy không, mới biết ban đêm giặc tới đắp lũy đến gần sáng lại về. Bèn tiến quân lên. Khoảng giờ thân giờ vị đến cửa (Thuận-Cảng), thuyền giặc đã chặn trong cửa, quân ta với họ tranh nhau lấy thượng lưu. Thuận-Cảng là đường sông nhánh Tiền-Giang chảy vào Hậu-Giang, chính giữa ngã sông, cát bồi cạn, thuyền không tới được, quan quân theo bờ phía bắc, thuyền giặc theo bờ phía nam cùng đi ngược lên, quân ta đã hẹn, nghe hiệu trống mới được giáp trận. Vừa gặp gió đông thổi mạnh quân ta có

1) Tên phủ thuộc tỉnh An-Giang

2) Có lẽ một viên quan ở Châu-Độc, trốn được về đó.

chiếc thuyền đi biển, bị tạt vào bãi cát, chông cạy không ra, giặc đưa thuyền con xúm lại toan cướp, người trong thuyền gấp quá không đợi hiện trông liền mở đại bác bắn trúng tướng Tiền phong là Liêm-Cầm-Hen. Giặc có ý nùng, quân ta thừa thế mới thắng được, giặc phải lui vào trong cửa. Đêm đến khoảng canh tư, ta ngầm đem quân đánh úp, đạn bắn vào dinh, giặc mới biết. Trận ấy cả phá được, bắt dân nhúc tiếng. Cho nên trận sau kỳ tháng chạp, quân ta tuy thua võ mà giặc cũng không dám tiến vội.

Tháng chạp, Vĩnh-Thuận-Hầu Tống-Phúc-Lương (1) đã đến, lại cùng với giặc đánh nhau ở Thuận-Cảng, quan Tả tương hện đến canh ba bày trận hết thủy, đến nửa canh tư nghe hiệu thì tiến lên. Gần sáng chưa nghe hiệu, quan quân bày trận ở phía đông, giặc bày phía tây, bỗng chốc có sao sa hiện ra ở phía giặc, to bằng nón dẫu, sắc đỏ chói, bay qua phía quân ta rồi mất. Rạng ngày các tướng giáp chiến đến trưa thì quân ta tan vỡ. Hôm ấy sắc mặt trời có ánh tia, buổi chiều đến sông Cồ-Hồ, ông Tống đã đem lính

1) Người Thừa-Thiên

của mình và đội lính Trung-Bảo đi trước. Các toán quân tan vỡ không thống thuộc vào đâu cũng đều theo ông. Dàn hai bên bờ sông chạy giặc van khóc như rì. Bình-Thành-Bá sai người đuổi theo ngăn Tân-Long-Hầu và Thống chế Trần-văn-Trí lại. Khi ấy các toán mới trở về, sắp xếp đội ngũ lại, đến canh năm mới xong.

Quan quân đã giữ được con sông Cồ-Hồ đến 16 giặc lại tới, 18 và 19 họ hội lại đông, thách đánh, trước sau được vài mươi lợt, quân ta không được nghỉ. Ngày 20, thấy giặc im lặng đến chiều. Lính tuần tiền có bắt được một cây chuối nổi giữa sông, quân ta bèn thân góp hết thủy các thuyền đóng lại ở bờ sông. Đến canh năm thấy giặc phóng một bó lửa lên ngất trời, bên ta đem thuyền chiến nổi nhau thành thứ giữa sông không có lấy một mái chèo giặc danh chịu phép, bị quan quân giáp trận lại đánh thua to. Nhưng họ còn cạy quàu đông cầm cự, khi đánh khi nghỉ. Đến ngày 24 đầu canh một, ở giữa trời từ hướng tí ngọ về tây, thì mây đen sì, từ hướng tí ngọ về đông thì sao sáng quắc, giữa chia một đường thẳng như giây. Thái-công-Triều nói : « Đêm này giặc trốn ».

Rồi mà quả như thế.

Quan quân đuổi giặc đến Phú-Lật (Pursat) đánh liên tiếp vài ngày, quân lính bị đau nhiều, sự vận tải lại không tiếp tế, lửa bếp lạnh tanh, số lương chỉ còn vài ngày, lính và lại đều muốn về. Tân-Long Hầu cũng cho là phải. Trái lại Bình-Thành Hầu và Trương-Phúc-Dĩnh (1) không cho. Ngày hôm sau vừa quân vận tải tới mới có số lương ăn ba ngày. Lại sáng hôm sau nữa, trong dinh bỗng có trận gió thổi vút lên, những đồ cơ si đều bị gió cuốn ra ngoài dinh hơn một trượng, mà cổ cây thì không động. Một chốc lính tuần tiễu vào báo có giặc. Bình-Thành-Hầu sai trong dinh xếp những đồ cơ quạt nghi trượng lại, và sai hơn một trăm người giả làm lính Mọi vừa đánh vừa lui để lừa giặc. Khi đã vào dinh, giặc bọc bốn mặt. Đợi họ tới gần quan quân xô ra đánh, trong dinh hò reo giặc bèn thua vỡ trốn mất, không dám lại nữa.

Họ Hồ mất nước, người Minh thu số dinh của ta được số dân 320 vạn. Quốc-triều ta mở bờ cõi rất rộng, sau khi đại định rồi, dân được nghỉ ngơi sinh nở đã

1) Quê huyện Bình-Dương (Gia-Định)

hơn 30 năm, đến năm Minh-Mệnh thứ 13 (1832) chia đặt lính hạ, số dinh được 81 vạn người. Lấy thổ địa cuối đời Trần so với đời nay mới được hơn một nửa mà số dinh thì gấp ba, khả kiến đời bấy giờ chinh trị hà khắc, thuế má nặng nề lắm. Nhưng cái tệ tăng lao số dinh từ đời Tây-Hán đã có, Khảo-Tùy-Sử sau khi nam bắc phân tranh, gươm dao đâm chém xong mà khoảng năm Khai-Hoang (1), Đại-Nghiệp (2) số dinh 870 vạn. Đến đời Đường khoảng năm Vũ-Đức (3), Trinh-Quán (4) rất thịnh. Hai vua (5) hết sức thi hành nhân nghĩa hơn 30 năm đến đầu niên hiệu Vĩnh-Huy (6) số dinh có 380 vạn. Thế mà nói đến sự thịnh-trị, không ai khen nhà Tùy mà chê nhà Đường cả. Mới biết đời xưa gọi rằng dân đông không phải là gọi cái hư số đo hơn tục lại viết lao vậy.

Năm binh-thần triều Minh-Mệnh (1836) có thuyền của sứ giả nước Ma-Ly-Căn

1) Niên hiệu Tùy-Văn-Đế (589-600)

2) Niên hiệu Tùy-Đường-Đế (601-616)

3) Niên hiệu Đường-Cao-Tổ (618-626)

4) Niên hiệu Đường-Thái-Tông (627-649)

5) Nguyên văn là :

6) Niên hiệu vua Đường-Cao-Tổ (650-656)

(Malacca) đến Phú-Yên xin thông khoản (1)
Các đình thần đang ngồi ở tả vu nói với
nhau rằng: « Nó là một miếng thịt thừa
ở ngoại quốc điếu nó xin không nên
nhận ». Một chốc có chỉ vua dò hỏi có
nên nhận hay không, thì có một người
tâu trước rằng: « Nó có lòng thành muốn
dầu tới đây, há nỡ cự tuyệt » Ông Hoàng
Quýnh bèn đem câu chuyện khi nãy tâu
với vua.

Đời Trần có Đào-Sur-Tích ở huyện Nam
Chân (Nam-dịnh) đi thi Hội, khi mới ra
khỏi cửa gặp một người con gái. Tục nước
ta cho là khi bắt đầu ra đi mà gặp gái
là sự không lợi. Ông Đào nhỏ nước miếng.
Người con gái rằng: « Việc ông đi thi với
tôi không can hệ gì, nhưng nữ và tử
là chữ hạo là tối, ông rồi chắc đậu
Tiến sĩ » Ông Đào rằng: « Tiến-sĩ đã lấy
chỉ làm vừa ý ». Người con gái rằng:
« Không vừa ý thì Trang nguyên vậy » Ông
Đào rằng: « Được » Khoa ấy quả đậu
Trang. Thời bấy giờ văn học thịnh hành,
đàn bà con gái cũng biết giải đoán như
thế. (Ông Đào từ thi Hương đến thi Đình

1) Thông khoản = nước này chịu hàng phục
nước kia.

đều đứng thứ nhất)

Vua Lê-Thánh-Tông ham chuộng văn-
học, tự làm Đồ nguyên-sứ Tao Đàn, lựa
28 quan văn để phóng khi cổ vấn và họa
thơ. Có Thân-Nhân-Trung (1) làm Thừa
chỉ viện Hàn-Lâm. Đại-học sĩ tòa Đông-
Các, kiêm Tế tửu và Đỗ-Nhuận (2) làm thị
độc Hàn-Lâm. Đại học sĩ Đông-Các cùng
làm Phó nguyên-sứ (Hai người ấy đều
đầu Tiến-sĩ sau trải làm Thượng-thư. Thân
sung chức Nhập nội phụ chính). Rồi đến
Ngô-Luân (3) Hiệu thư Đông-Các (đầu Tiến
sĩ sau làm quan đến Thượng thư kiêm Đại
hoc sĩ Đông-Các); Ngô-Hoàn (4) (đầu Bằng
nhân, sau làm quan đến Thượng thư) Nguyễn
Trong-Ý (5), Thị-độc coi cả viện Hàn-Lâm
(Tiến sĩ, sau kiêm Thị lang bộ Lễ); Lưu-
Hương-Hiếu (6), Thị-độc tham coi cả viện

1) Quê làng An-Ninh, huyện Yên-Dũng (Bắc-Giang)
đậu năm 1469

2) Quê làng Kim-Hoa (Bắc-Ninh) đậu năm 1466

3) Quê làng Tam-Sơn huyện Đông-Nghệ (Bắc-Ninh)
đậu năm 1475

4) Quê làng Thượng-Đáp, huyện Thanh-Lâm (Hải-
Dương) đậu năm 1490

5) Trọng-Xác hay Xung-Xác mới đáng, quê làng
Kim-Đôi (Bắc-Ninh) đậu năm 1469.

6) Quê làng Lương-Hà thuộc Vĩnh-Ninh (Thanh-
Hóa) đậu năm 1480.

Hàn-Lâm (Bảng Nhân, sau làm quan đến Thượng thư; kiêm Đại học sĩ Đông-Các, coi cả viện Hàn Lâm): Nguyễn-Quang-Bật, (1) Thị thư Hàn-Lâm (Trang nguyên), sau làm đến Đô ngự sử vị không theo (Lê Uy-Mục mà bị giết); Nguyễn-Đức-Huân (2) (Bảng nhân, sau làm quan đến Thượng-thư); Vũ-Dương (3), (Trang nguyên sau làm đến Thượng thư); Ngô-Thâm (4) em Ngô Luân, đậu Bảng nhân; Ngô-văn-Cảnh (5), thi chế Hàn-Lâm (Hoàng giáp, sau làm đến Hiến sát sử); Phạm-tri Khiêm (6) (Hoàng giáp, sau làm đến Hiến thư Đông Các); Lưu-Thư-Ngạn (7) (Thám hoa) Nguyễn

1) Quê làng Bình-Ngô, huyện Gia-Bình (Bắc-Ninh) đậu năm 1484.

2) Quê làng An-Đình huyện Chí-Linh (Hải-Dương) đậu năm 1487.

3) Quê làng Vạn-Nhuế, huyện Thanh-Lâm (Hải-Dương) đậu năm 1493.

4) Quê làng Tam-Sơn, huyện Đông-Nguyên (Bắc-Ninh) đậu năm 1493.

5) Quê làng An-Ninh, huyện Yên-Dũng (Bắc-Giang) đậu năm 1483.

6) Quê làng An-Trung thuộc Thiện-tái (Bắc-Ninh) đậu năm 1484.

7) Hoặc Ngạn-Thư quê làng Đa-Nghi huyện Vĩnh-Lại (Hải-Dương) đậu năm 1490.

Nhân-Bị (1), Hiệu Lý Hàn-Lâm (anh Nguyễn-Trọng-Ý, Tiến sĩ sau làm đến Thượng thư) Nguyễn-Tôn-Miệt (2) (Tiến sĩ, sau làm đến Thị thư Hàn-Lâm); Ngô-Hoan (3) (Hoàng giáp, sau làm đến Đô ngự sử); Nguyễn-Bào-Khuê (4) (Hoàng giáp, sau làm đến Thị lang, Đô đình úy); Bùi-Phổ (5) (Hoàng giáp); Dương-Trực-Nguyên (6) (Hoàng giáp, sau làm đến Đô ngự sử); Nguyễn-Hoãn (7) (Hoàng giáp); Phạm-Cần-Trực (8) Hiệu thảo viện Hàn-Lâm (Tiến sĩ); Nguyễn-Ich-Tổn (9) (Tiến sĩ, sau

1) Quê làng Kim-Đôi Bắc Ninh, đậu năm 1481, năm 1466 đã đậu một lần.

2) Quê làng Kim-Hoa Bắc-Ninh, đậu năm 1481

3) Quê làng Nghiêm-Xá, huyện Thượng-Phúc Sơn-Nam, đậu năm 1487.

4) Quê làng Hải-Lý huyện Yên-Lãng Sơn-Tây, đậu năm 1487.

5) Quê làng Lê-Xá huyện An-Dương Hải-Dương, đậu năm 1487.

6) Quê làng Thượng-Phúc, huyện Thượng-Phúc, Sơn-Tây, đậu năm 1490

7) Quê làng Nhân-Lý, huyện Thanh-Lâm Hải-Dương, đậu năm 1493.

8) Quê làng Đàm-Xá, huyện Trường-Tân Hải-Dương, đậu năm 1484.

9) Quê làng Mậu-Hòa, huyện Đan-Phượng Hà-Đông, đậu năm 1484.

làm đến Thi lang); Đỗ-Thuần-Thứ và Đoàn-Huệ-Như (1) (đều đậu Tiến sĩ, sau làm đến Thừa chính sử) Lưu-Dịch (2) (Tiến-sĩ), Đàm-Thận-Huy (3) (Tiến sĩ, trải làm đến Thượng thư bộ Lễ, coi Tú-Lâm cục ở Chiêu-Văn-Quán kiêm Thi đốc coi cả viện Hàn-Lâm, hầu vua giảng sách trước Lâm-Xuyên-Bá. Ho Mac tiếm ngôi, khởi binh đánh không nổi, uống thuốc độc chết); Phạm Đạc-Phủ (4) Tiến sĩ, sau làm đến Thi-lang); Chu-Huân (5) (Tiến sĩ, sau làm đến Thừa chính sử) gọi là 28 ngôi sao ở Tao-Đàn. (Lại có hai người phụ quốc (sai phụ) ở Tao-Đàn là Lương-Thế-Vinh (6) và Thái

1) Người đũa hoặc có tên Thuận-Thông quê làng Tử-Kiều huyện Đông-An Nam-Định, người thứ hai hoặc tên là Phạm-phu-Huệ quê làng Phú-Vệ, huyện Ngự-Thiên Hưng-Yên đều đậu năm 1487.

2) quê làng Nại-xuyên huyện Kim-Thành Hải-Dương, đậu năm 1491, làm đến Hiệu thảo viện Hàn-Lâm.

3) quê làng Đông-Mặc huyện Đông-Nghê Bắc-Ninh, đậu năm 1490.

4) quê huyện Đại-An Nam-Định, đậu năm 1490

5) quê làng Ngọc-Dôi Bắc-Ninh, đậu năm 1493.

6) quê làng Cao-Hương huyện Vụ-Bản Nam-Định, đậu trạng năm 1463.

Thuần (1).

Nuà Lê mở khoa Tiến sĩ có 400 năm, từ thi Hương đến thi Đình đều đứng thứ nhất, có 4 người: Phạm-Đôn-Lê (2) đậu khoa tân sừ năm Hồng-Đức thứ 12 (1481); Vũ-Dương (3) đậu khoa quý sừ năm Hồng-Đức thứ 24 (1493) đều đậu Trạng nguyên; Nguyễn-Đặng (4) đậu Hoàng-giáp khoa nhâm dần năm Hồng-Định thứ 3 (1602); Lê-Quý-Đôn đậu Bảng nhãn khoa nhâm thân năm Cảnh-Hưng thứ 13 (1752). Quý-Đôn là con Thượng thư Lê-Trọng-Thứ (5) đậu Tiến sĩ khoa giáp Thìn năm Bảo-Thái (1724). Dương làm quan đến Thượng thư, Đôn-Lê-Đặng và Quý-Đôn đều làm đến Thi lang.

Thi ở điện không đậu cấp đệ (6) từ về, rồi sau lại đậu, có ba người Trịnh-Thiết-Trường (7) và Nguyễn-Nguyễn-Chân (8)

1) quê làng Liễu-Lâm, huyện Siêu-Loại, Bắc-Ninh đậu Tiến sĩ năm 1475.

2) quê làng Hải-Trấn, huyện Ngự-Thiên, Hưng-Yên. 3) quê làng Mau-Nhuê Hải-Dương. 4) quê làng Tỏi, huyện Quế-Dương Bắc-Ninh. 5) quê làng Diên-Hà Thái-Bình. 6) cấp đệ: 3 người đậu đầu đệ nhất giáp được gọi cấp-đệ.

7) quê làng Đông-Lý, huyện Yên Định Thanh-Hóa. Đậu lần thứ hai, Trịnh được vua y ước gả công chúa. 8) Quê làng Lạc Quán, huyện Thanh-Lâm Hải-Dương.

đều đậu Đồng tiến sĩ khoa nhâm tuất năm Đại-bào thứ 3 (1443) chổi từ không nhận, đến khoa Mậu thìn năm Đại-Hòa thứ 6 (1448) lại đều đậu; *Nguyễn-Nhân-Bị* đậu Đồng tiến sĩ khoa bình-tuất năm Quang-thuận thứ 7 (1466), chổi từ không nhận, sau lại đậu khoa tân sửu năm Hồng-Đức thứ 12 (1481). Thiết-Trường (thì lại, đậu) Bằng nhữn quan, đến Thị lang, còn hai người kia đều lại đậu Đồng tiến sĩ: *Nguyễn-Chần* quan đến Trục-học sĩ viện Khu-Mật, còn *Nhân-Bị* quan đến Thượng-thư

Cha con đậu đồng khoa có bốn người: *Ngô-Tri-Tri* (1) và con là *Tri-Hòa* đều đậu khoa nhâm thìn năm Quang-Hung thứ 15 (1592). Cha làm đến Giám sát ngự sử, con đến Thượng-thư, lạng trước quận công. Nhà ấy cha con ông cháu nối nhau đỗ đại đến 5 người; *Nguyễn-Bình* (2) và con là *Tài-Toán* đều đậu khoa mậu thìn năm Vĩnh-Tô thứ 10 (1628). Cha làm đến Thượng thư, con đến Thị lang.

Anh em ruột đậu đồng khoa có 28 người: *Nguyễn-Trình* và em là *Tu-Phúc* (người *Lập-Thạch* (Sơn-Tây); *Nguyễn-Dương-Hiển*

1) Quê làng Lý-Trại, huyện Đông-Thành (Nghệ-An).

2) Quê làng Bồng-Lai huyện Quốc-Dương (Bắc-Ninh).

và em là *Tĩnh* (người Kim-Anh (1) (Bắc-Ninh); cả 4 người đều đậu khoa tân vị năm Hồng-Đức thứ 6 (1475). *Nguyễn-Trình* làm đến Thượng-thư, *Tu-Phúc* thì Tham-chính, *Tĩnh* làm Đô-cấp sự trung; *Đặng-Minh-Khiêm* (2) và em là *Minh-Tán* đều đậu khoa đinh vị năm Hồng-Đức thứ 18 (1487), anh sau làm đến Thượng-thư, em *Thị-Lang*. Họ là dòng dõi *Đặng-Tất*. Các ông *Công-Thiếp*, *Tông-Củ*, *Thận*, *Điêm*, *Đôn-Phục* (3) đều là người họ ấy cả; *Nguyễn-Huân* (4) và em là *Kính* đều đậu khoa bình thìn năm Hồng-Đức thứ 27 (1496); *Lê-Tán-Tương* (5) và em là *Tân-Thiện* đều đậu khoa kỹ ty năm Cảnh-Thống thứ 2 (1499). *Riêng Huân* đậu Bằng nhữn. Anh em hai nhà ấy đều làm đến Thượng thư; *Lê-Khắc-Nhuộng* và em là *Đình-Vệ* (người *Nông-Cống* Thanh-Hóa); *Lê-Bá-Giác* và em là *Trọng-Bích* (người *Thụy-Nguyên* Thanh-Hóa)

1) Có tên huyện Kim-Hoa.

2) Vốn quê huyện Can Lộc Hà-Tĩnh, sau dời ra ở làng Mạo-Phổ huyện Sơn-Vi Phú-Thọ.

3) *Công-Thiếp* và *Tông-Củ* ở Sơn-Tây. *Thận* và *Điêm* ở *Lập-Thạch*, *Đôn-Phục* ở *Can-Lộc*.

4) Quê làng Kim-Đôi, huyện Vũ-Ninh Bắc-Ninh.

5) Quê làng Thượng-Cốc, huyện Lôi-Dương Thanh-Hóa.

cả bốn người đều đậu khoa Mậu Thìn năm
Đoan-Khánh thứ 4 (1508). Khắc-Nhuông làm
đến Thị-Lang, em làm Đại học sĩ tòa Đông
Các; Nguyễn-Tào (1) và em là Hòa-Trung
đều đậu khoa Mậu Dần năm Quang-Thiệu
thứ 3 (1518). Người sau làm đến Thị-
lang; Ngô-Uớc (2) và em là Hoành đều
đậu khoa bình tuất năm Thông-Nguyên thứ
5 (1526). Người sau làm đến Hiến sát sứ;
Nguyễn - Đàng Kiều (3) và em là Đàng-
Minh đều đậu khoa bình tuất năm Phúc
Thái thứ 4, (1647) anh đậu Tham hoa quan
đến Đại học sĩ tòa Đông-Các, con em đến
Tể tửu. Nhà này cha con anh em nối nhau
đậu đạt đến 4 người; Nguyễn-Quê (4) và
em là Sĩ đều đậu khoa Canh Tuất năm
Cảnh-Trị thứ 8, anh làm đến Thị lang,
em đến Giám sát ngự sử là chức Thượng
thư Tham tụng Nguyễn-Thực đậu liên sĩ

1) Quê làng Tam-Sơn, huyện Đông-Ngan (Bắc-Ninh).

2) Quê làng Nghiêm-Xá, huyện Thương-Phúc (Sơn-Tây).

3) Quê làng Hoá-Bảo, huyện Tiên-Du (Bắc-Ninh).

4) Quê làng Văn-Điền huyện Đông-Ngan Bắc-Ninh.

khoa Ất vị năm Quang-Hưng (1595) và là
cháu Thượng thư Tham tụng Nguyễn-Nghi
đậu Tiến sĩ khoa kỷ vị năm Hoảng-Định
(1619). Nhà này nối nhau đậu đạt đến 6
người; Trần-Danh-Ninh (1) và em là Lâm
đều đậu khoa tân hợi năm Vĩnh-Khánh
thứ 3 (1731), cả hai đều làm quan đến
Thượng thư và là con Tham chính Trần-
Phụ-Dực đậu Tiến sĩ khoa quý hợi năm
Chính-Hòa (1683). Con Lâm là (Trần-Danh)-
Ấn, cũng đậu Tiến sĩ khoa丁 vị năm
Chiêu-Thống (1787) nổi tiếng tiết nghĩa.
Lê-Đàng-Sĩ (2) và em là Bang đều đậu
khoa bình thìn năm Vĩnh-Hựu thứ 2 (1736)
cả hai đều làm đến học sĩ. Dương-Uông
(3) và em là Trọng Khiêm đều đậu khoa
giáp tuất năm Cảnh-Hưng thứ 15 (1754).
Người anh làm đến Thị lang.

Cháu cháu đậu đồng khoa có 6 người:
Nguyễn-Lệ (4) và cháu là Thủ đều đậu
khoa丁 vị năm Hồng-Đức thứ 1

1) Quê làng Đào-Triệu, huyện Gia-Binh (Bắc-Ninh).

2) Chính tên là Lê-Sĩ-Triệu, quê làng Lạc-Hà-Tĩnh.

3) Quê làng Lạc-Đạo, huyện Gia-Binh.

4) Quê làng Bình-Hồ, huyện Bình-Hồ.

(1487). Sau chú làm đến Thi lang, cháu thi Tham chính; *Vũ-Cầu-Hối* (1) và cháu là *Bạt-Hài* đều đậu khoa kỹ hội năm *Vinh-Thọ* thứ 2 (1959). Chú làm đến Tham chính, cháu thi Thượng thư. Nhà này nối nhau đậu đạt có 6 người; *Vũ-Huyền* (2) và cháu là *Huy* đều đậu khoa nhâm thìn năm *Vinh-Thịnh* thứ 8 (1712). Chú làm đến Hiệu thư, cháu thi Thi lang. Một điều kỳ tuyệt hơn cả là trong tất cả các khoa thi, chỉ có khoa nhâm thìn năm *Quang-Hưng* (1592) số người đậu có 3 mà cha con (*Ngô*) *Trí-Trí* đã chiếm đi hai rồi. (3)

Lại có một nhà 10 người gồm cả cha

1) Quê làng Mộ-Trạch huyện Đường-An Hải-Dương.

2) Quê làng Chấn-Thiên huyện Thọ-Xương Hà-Nội.

3) Người đậu thứ ba là *Trịnh-Cảnh-Thụy*. Tương truyền khi sắp thi, *Trịnh* mộng thấy mình gánh hai người Tàu. Vào trường mới hay rằng lẽ mình phải đứng ở giữa hai cha con họ *Ngô*. Khoa ấy đầu bài phần nhiều hỏi về kinh điển Phật giáo nên cả trường đều hỏng chỉ một mình *Ngô*. *Trí-Hóa* học rộng nhớ nhiều là làm được. *Ngô* nhờ *Trịnh-Cảnh-Thụy* đưa bài nháp cho cha mình thành thử cả ba đều đậu.

cha anh em, chú cháu kế tiếp thi đậu, là họ *Nguyễn* xã *Kim-Đôi*; 5 anh em là *Nhân-Bị*, *Trọng-Ý*, *Nhân-Thiếp*, *Nhân-Dự*, *Nhân-Dịch*. *Nhân-Thiếp* đậu khoa bình tuất năm *Quang-Thuận* thứ 7 (1466), *Trọng-Ý* đậu khoa kỹ sửu năm *Quang-Thuận* thứ 10 (1469); *Nhân-Dự* đậu khoa nhâm thìn năm *Hồng-Đức* thứ 3 (1472); *Nhân-Dịch* đậu khoa ách vị năm *Hồng-Đức* thứ 6 (1475); Hai người sau này đều Đồng tiến sĩ; *Nhân-Bị* đã cùng em là *Nhân-Thiếp* đều đậu Đồng tiến sĩ khoa bình tuất, nhưng *Bị* từ không chịu nhận, đến khoa lần sửu năm *Hồng-Đức* thứ 12 (1481) lại đậu. Đến khoa canh tuất năm *Hồng-Đức* thứ 21, con *Nhân-Thiếp* là *Hoành-Khoản* đậu Đồng tiến sĩ (1490). Khoa bình thìn năm *Hồng-Đức* thứ 21 (1496) con *Trọng-Ý* là *Đạo-Diển*, cháu gọi bằng chú là *Cung-Thuận* lại cùng với con *Nhân-Thiếp* là *Huân*, *Kính* đều đậu Đồng tiến sĩ, riêng *Huân* đậu Bàng-nhân. Dịch sau rồi làm quan đến Hiệu thảo viện *Hàn-Lâm*; *Nhân-Dự*, *Đạo-Diển* đều làm Án sát; *Trọng-Ý*, *Cung-Thuận* làm Thi lang; *Nhân-Bị*, *Nhân-Thiếp*, *Huân*, *Kính* đều làm Thượng thư; *Nhân-Bị* và *Trọng-Ý* thì được

đặt vào Tao-Đàn.

Một nhà 4 người gồm cả cha con anh em ông cháu kể thế thì đầu là: *Thân-Nhân* Trung đầu Đông tiến sĩ khoa kỹ sừ năm Quang-Thuận thứ 10 (1469) quan đến Thượng thư Đại học sĩ, Phụ-chính, Phó Nguyên sừy Tào-Đàn là đánh thâu một đời. Con là *Nhân-Vũ* đầu Đông tiến sĩ khoa tân sừ năm Hồng-Đức 12 (1481) (Vua Thánh-Tông có câu thơ rằng: 兩甲父子列尊榮 nghĩa là: Họ Thân vinh hiển cả cha con); Cháu là *Cảnh-Vân* đầu Thâm hoa khoa đình vi năm Hồng-Đức thứ 21 (1487); Cháu Cảnh-Vân là *Nhân-Tin* đầu Đông tiến sĩ năm Hồng-Đức thứ 21 (1490). Gặp được vua Lê-Thánh-Tông, thời bình chưa thành, hai nhà ấy cha con, anh em, chú cháu, ông cháu liên tiếp thi đậu, quý hiển ở triều đình, trên đời cũng ít có. (Từ đời Hồng-Đức về trước, dân ao mễ Tiến sĩ: nhất nhị giáp thì mũ « phước đầu lương cân » hai bên có hai cái tai, tam giáp cũng mũ ấy mà không có tai chỉ phía sau có dải bở xuống. Học trò bấy giờ chế nhau, có câu « Đốt có đuôi » cho nên người đậu Tam giáp hay từ chối. Vua Thánh-Tông biết được chuyện ấy, mới

cho bỏ cái dải sau. Nay ở Bắc-Kỳ còn có câu ấy. Lại lúc trước, khi các ông « Tiến sĩ mới » đi du nhai, có lệnh bắt người đậu cuối hàng phải dắt ngựa cho Trạng nguyên. Sau có người đạp dẫm vào cửa điện mà chết, mới bỏ lệnh ấy).

Cách thức phép thi triều Lý nay không thể khảo được. Sứ chép phép thi đời Trần năm Hưng-Long khoa giáp Thìn (1304) thì đầu tiên viết âm tả sách thư truyện, rồi đến hỏi kinh nghi, kinh nghĩa; trường nhì ra đề một bài thơ, một bài phú; trường ba một bài tứ lục; trường tư bài sách văn thể lệ rất nghiêm mật. Phép thi đầu đời Lê cũng chia làm bốn trường, bài kinh nghĩa thi trước hết phải chỉ chính văn của câu bài ra ở sách nào, kể phải dẫn bài truyện chú, sau mới dùng lời nói của mình phê diện ra đề cho đủ ý, đại lược cũng như thế chú luận, lời nói phải bình hòa rõ ràng, không đẽ gọt quá. Buổi Trung hưng (Hậu-Lê) về sau, kinh nghĩa dần dần biến ra những câu sáo giản lược; thơ dùng loại Đường, phú dùng 8 văn, ban đầu hay trau chốt hoa lệ như các bài phú Ngự phú thập đạo nguyên 漁父入桃源 Nghiện tri ngư 視他牛 v. v... Về sau

chỉ dùng điển tích các sách thường, nhưng không phải những người thông thuộc nghĩa sách thì không làm được, như bài phú Trương trung tín, Yên nghĩa mệnh 伏甲信安義命 có câu: 臣之忠貞照月臨卓兩險夷一致,

Thần chí trung nhật chiếu nguyệt lâm, trác nhĩ hiềm di nhất tri;

君之命朝聞夕赴坦然讓謗百端

Quân chí mệnh triều văn tịch phó, thần nhiên sàm háng bách đoan.

Dịch là: Tôi có lòng ngay, háng dương tỏ, bóng nguyệt lại soi, háng hêm một đường đều thẳng bước; Vua có mệnh lệnh, buổi mai nghe buổi hôm phải tới, đêm pha trảm mệnh cũng ngoài tai.

Bài phú Thần-tiên Hoàng-Bạch có câu:

使天下可無常道吐納屈伸舟

槳符錢聖人豈肯怠於修爲

Sử thiên hạ khả vô thường đạo, thổ nạp khuất thân đan được phú lục, thánh nhân kãi khảng đạo ư tu vi;

卽眾人皆可以仙歟食衣服宮

室舟車從古亦何勞於創造

Tức chúng nhân giai khả dĩ tiên âm thực y phục cung thất chu xa, tống cổ diệc hà lao ư sáng tạo. Dịch là: Vì thiên hạ

không có thường đạo, thì nhỏ, nuốt, duỗi, co, thuốc men bùa phép, thánh nhân cũng tu lấy không lười; Nếu chúng nhân ai cũng làm tiên, thì ăn, uống, áo mặc, nhà cửa xe thuyền, xưa nay phải làm chỉ cho một. Lời lẽ sâu kín, nghị luận thuần chính làm gương hay cho nhà làm phủ. Quốc triều ta ban đầu cũng nhân theo thể ấy chỉ có kinh nghĩa đời dùng học qui của vua nghị định ra (ngũ) kinh 5 bài, (tứ) truyện một bài, mỗi thứ cho học trò chọn lấy một. Bài làm cũng sơ lược mà học trò trong trường đã có kẻ làm thẻ văn tám vế (bát cổ) mời đời học qui thông dụng văn tám vế cả. (Buổi quốc sơ, trường Nghệ An làm thẻ tám vế trước hết). Đến đời Minh-Mệnh thứ 13 (1832) cải định lối làm văn: chế và kinh nghĩa đều dùng tám vế; thơ dùng luật Đường; phú theo như lối nhà Minh, Thanh. Nhưng có bọn học trò ít học, không nhớ chỗ xuất xứ các đề thơ phú, bèn góp lật những văn tự mẫu mực để làm bài kim văn tả dù lời nịnh hót, không nói đến ý nghĩa trong sách.

Xét buổi đầu nhà Tống về trước, gọi rằng kinh nghĩa là chỉ hỏi danh mục việc



cũ, cùng với bài viết trăm tương tự nhau. Như đầu bài: « Đức Khổng bảo thầy Tử-Sân đạo của người quân tử có bốn điều: (子謂子產有君子之道四焉) Bốn điều ấy là những gì? Lại đầu bài: « Kẻ làm việc có bảy người (作者七人矣) Bảy người là những ai? Học trò trả lời chỉ kể người hay là việc mà thôi, chứ không cõ lời gì trau chuốt phù hội cả. Danh thần như Lữ-Thần-Công (1) cũng theo lối bài ấy mà dạy. Nhưng học trò từ hoa lo rằng không có văn vẽ, chẻ làm thế là nghĩa đen, mới đổi ra lối tám vẽ do Vương-An-Thạch (2) bày ra đầu. Nói tóm lại lối văn làm vẽ vẫn cũng có lệ, kẻ học giỏi thì nói ra xuyên tạc cái xé, người học kém thì lượm lại những câu cũ, ý nghĩa không sát với đầu bài, cho nên ông Tô-Tử-Tiên (3) vì sợ sáng vàng lau trắng. (Như đầu bài: « đạo của bậc đại học » (大學之道) làm bài có để) vào tờ giấy, cầm chữ « đạo »

1) Tức là Lữ-Mộng-Chính đầu Tiến sĩ làm quan to đời Tống.

2) Nhà cải cách chính trị làm tướng đời vua Tống-Thần-Tông.

3) Tức là Tô-Thức hay Tô-Đông-Pha, danh sĩ đời Tống.

làm lời bàn suông, há phải cái ý cổ-nbản dạy người đâu). Du vua Khaog-Hi (1) cũng chẻ là phù phiếm, đã bắt cấm chỉ mà các Bộ theo cứ nhân tuân lối cũ, rồi lại pause hồi. Các quan chắm trường có ý chắm chước không chú ý, cho nên Khưu Toàn (2) nói: « Ngạch lấy đầu đã định số, không thể không lấy cho đủ ». Đời Minh cũng đã có tệ ấy. Ôi! Dùng văn đề lấy kẻ sĩ, từ nhà Đường lại nay vẫn được nhiều người, nhưng nhà Tống về trước, kinh nghĩa còn có chất thiệt, nếu bắt chước như thế thì người thông kẻ dối, dờ quyền biết ngay. Như lời báo của Khảo-Đỉnh (3) bắt phải dẫn những chủ thuyết của các nhà và đem ý mình bàn bạc. Ấy là tinh tương lắm. Lại sợ những học giả hiểu kỹ mà quan trường thì lại ý kiến riêng nên mới không định chuẩn được. Bại loại như Mao-kỳ-Linh, hay bài phê bác bài chú của thầy Chu thiệt gây thêm sự bạc). Nếu không thế thì cứ nghĩa trong truyện chú, bắt chước theo thể luận mà

1) Niên hiệu vua Thanh-Thánh-Tử (1662-1723).

2) Người đời Minh, đầu tiến sĩ làm Thượng thư bộ Lễ đời vua Hiến-Tông.

3) Tức Chu-Hy nhà nho đời Tống.

mà làm cũng có thể bỏ cái tệ xuyên tạc được chút dĩa.

Lại như quốc triều ta từ buổi định cho các học quan khảo hạch học trò, lúc đầu số học trò ứng thí có hạn, gần đây lại càng ngày càng đông, hoặc có khoa số lại gấp hai. Vì tất sĩ số (giỏi) nhiều hơn trước nhưng sĩ số nhiều thì ngạch đậu phải thêm mà chức học quan cũng theo số ứng thí và số đậu nhiều mà tăng lên, quan trảng nhân thế không khỏi như như để tránh cái tiếng ác nghiệt, ra bài lựa những đoạn dễ, chấm bài thi rộng ngòi bút, lâu nay thường như thế. Nay ngạch đậu đã phụng chỉ cải định lại. Ngày trước ở chỗ Kinh-Diên, Hoang-thượng đã nói đến việc Âu-Dương-Ta sung chức Cống cử mà đợi được tập lục học trò. Ý Hoang-Thượng như vậy, các nhà đương trách nên thể cái ý ấy.

Đại phạm việc gì không nên đề ý riêng vào. Đã dùng ý riêng thì trái với lẽ trời. Đời Lê, thi Hương, xong bốn trường, lúc xương tên phúc hạch có hỏi vài ba câu nghĩa sách gọi là *lược vấn*. Trường Nghệ có Nguyễn-Đình-Tiến, quyền bài thi nhờ người cùng huyện là Trọng-Dung gả cho

Đến khi xương tên vào cửa, quan trường hỏi:

« Bời thầy được ấn là ai » ? 因師獲印爲誰
Ông Nguyễn sợ cuống lên nghĩ rằng các quan đã dò xét được việc của mình, bèn thả thiệt. (Ấn) cho rằng đã biết thủ trước nên tội hai người chỉ bị tước ngạch, suốt đời không được đi thi. Năm xưa, trường Hà có một ông Phúc khảo, có người bạn đi thi, đến khi chấm quyền nhận biết được dạng chữ của người bạn, chưa kịp chấm phê đề lên trên các qu yền khác, tình cờ ông mắc đi chỗ khác, người này biết lóm được thầy mình đề ý vào quyền ấy, lấy trộm ra xem, trong quyền có chữ « thiên ngẫu » 千輒 không biết nghĩa, tưởng là viết sai, bèn lấy muối đèn viết thêm chữ « thảo » trên đầu chữ « ngẫu »

Đến khi ông về lại quên mất, chấm bài thấy có chữ « thiên ngẫu », 千輒, cả mừng rằng: « Đây là (anh nào) mượn người khác làm gả cho, đốt nát thế này mà cũng đi thi ». Rồi số toẹt mà đánh hỏng. Chấm xong nhờ lại quyền (của người bạn) trước thì tìm không được nữa. Người này to thủ thiệt. Sau ông Phúc khảo ấy cũng đưa việc đó nói chuyện với người ta để răn.

Đời gần đây, chính giáo chia ra làm hai chức Lại điển (1) vẫn phải lựa chọn cẩn thận mà chức học quan cũng không thể khinh cử được. Bởi vì có học rồi mới làm quan, người dạy mà không ra người thì cái làm lạc cử lựa truyền mãi. Và đưa tiền dân ở hương thôn, thường coi kẻ sĩ như kẻ đưa đường, cái thói của kẻ sĩ mà chính cũng có quan hệ tới phong tục của dân. Ta hay chính thiết bởi ở học quan khá hay không. Thường thấy ngài ông Bùi-Tồn-Trai (2) đang làm Đốc-học ở Nghệ-An, mỗi kỳ hạch học trò không, ai dám mao lam vì ông lựa những người có học lực hơn người cho nên được học trò tin phục. Ông đọc quyển mới vài hàng, xem văn đủ biện biệt được con người. Cứ qua vài chuyện: Nguyễn-Bùi-Nhã (3) và Nguyễn-Hoảng-Nghĩa đều có học với ông nhân kỳ hạch ra biểu đầu đề là: « Biện của bọn ông Lữ-Mông-Chính ta ơn cho đậu cấp đệ » (呂蒙正等謝賜及第表). Một

1) Chức quan coi sóc trường thi, phần nhiệm chọn những kẻ ít học.

2) Tức Bùi-Dương-Lịch (xem trước)

3) Quê làng Nộn-Liêu huyện Nam-Đàn Nghệ-An đậu cử nhân năm 1819.

quyền có câu:

寒燈空費家修,義理乏西藏之奧
Hàn đăng không phí gia tu, nghĩa lý pháp
đâu tàng chi áo;

尺日會逢昌運太平欣卯歲之徵

Xích nhật hội phùng xương vận, thái bình
hân mảo tuế chi trưng.

Nghĩa là: đèn lu những phí công học
nghĩa lý thiếu chỗ đậu tàng; Ngày vẫn
may gặp vận hanh, thái bình mừng điềm
mảo tuế.

Chăm nhằm quyền ấy, ông sai gọi hai
người đến. Nhạ đi vắng một mình Nghĩa
tới. Ông đang chăm quyền không ngó tới
Nghĩa vào lay ở sán. Người này sợ mờ
hỏi ra ướt đầm. Đứng đợi đến vài giờ, ông
chăm quyền xong, Nghĩa lại lay. Ông mới
quở rằng: « Một anh làm gà cho người ta
cũng đủ rồi, lại cùng cả anh Nhã nữa
ru » Nghĩa chỉ lay tạ xin lỗi; hỏi lâu ông
mới người. Lại một kỳ hạch có phú đầu
đề là: « Cao quang tài phú ».

Có một quyền có câu:

巍巍王迹伯圖並峙之群雄花面

Nguy nguy vương tích bá đồ, tịnh trí chi
quần hùng bắc diện;

赫赫廟謨雄斷，一辰之泰傑東方。

Hách hách miếu mô hùng đoán, nhất thời chí hào kiệt đồng phương.

Nghĩa là: Cao lớn thay cơ nghiệp bá vương, đều sánh với kẻ quân hùng phía bắc; Rõ ràng vậy mưu mô nhà nước, thời bấy giờ người hào kiệt phương đông.

Ông bảo môn sinh rằng: « Bài này hẳn là của Nguyễn-Sĩ-Giang làm ». Nhưng cũng lấy cho đậu. (Thường) mỗi kỳ hạch, ông bắt ai đậu thì phải tới ra mắt hoặc đề hỏi văn bài lại. Kịp khi tác giả bài phú trên tới yết-kiến. Ông hỏi thì người ấy lay tạ, thú thiệt rằng nhờ Nguyễn-Sĩ-Giang gả cho.

Năm mới đây, tôi làm Điền thi trường Nam-Định (1). Khi đầu lấy không đủ số đậu. Mọi người đều chê lời là hà khắc, tiếng oán trách đầy tai, nhưng người đồng sự cũng trái ý lộ ra ở tiếng nói, sắc mặt. Tôi không muốn thất hòa danh phải cưỡng lấy cho đủ số. Nhân nghĩ lại hồi mới đây trong trường đôi khi có ông Sơ khảo (2) không biết chấm câu. Đều là tội của Chủ khảo lúc trước lấy đồ rỗng. Trong

1) Hai năm 1848 và 1843, không rõ là năm nào.

2) Quan trường chấm quyền thi đầu tiên.

lòng tôi thường không an là như thế.

Lối văn trường ốc, học trò đi thi thường lấy nó làm mẫu mực. Gần đây học trò thường tập xem những loại thư biên ngữ, gộp lặt những chữ có vẻ bí hiểm (tích tụ) không ai hiểu mới mang gì cả, rồi cho kinh truyện làm lời ban suông (nhân đàm), những lời huân thích của tiều neo làm câu nói hủ (trần ngữ), không nên cứu nữa, thiệt là một bệnh lớn của học trò. Nói tóm lại thì họ toàn cho những Ngũ kinh, Luận ngữ, Mạnh tử làm văn vô dụng. Lại có một bang tư phụ là uyên bác, tìm tòi trong những thuyết của các tiểu gia được một câu chệ truyện chú của Trình Chu thì bôn hờ lấy làm suông. Lại (là những kẻ) không biết câu nhắc. Khoa thi Hội năm mậu thân (1848), có một quyền cơ câu «Bất tất cầu đến kinh lễ xa xôi» (不必遠求禮記). Trong trường cho nói thế là hội kinh, số toẹt mà đản bông. Các trường thi Hương cũng nhiều quyền giống như thế. Trước kia tôi đi thi chưa từng thấy lối văn ấy, không biết ai bày đặt ra đầu. Gần đây bên nhà Thanh thi Đình thấy cơ quyền đậu thứ hai là Viên-Mậu-Tích, cả bài nói ra, không có câu nào có điển

cổ thật. Thâm chi thi Quán ra bài sớ :
« Run sợ từ tình đề đôn khí hòa ngọt »
(恐怛修省以廷和甘) Quyền đầu đầu có câu
rằng : « Cầu nguyện vô sự ở Tang Lâm »
(禱無事乎桑林) (1). Như thế chả phải gần
như chế thánh nhân hay sao. Phũ bạc
sai lầm đến thế là cùng. Nên bài xích
đi, đừng đề cho hậu học lầm lạc.

Người ta chờ phiên về sự không đọc
được sách. Năm gần đây có tên dân tỉnh
Biên-Hòa có người anh chết mà không con.
Trong họ bàn lập con của người em để
làm con nối. Người em có hai con, quan
địa phương xử cho lập đứa con thứ. Vì
nhà ấy của rất nhiều, mới sinh kiện cáo.
Phải viên về khám lại, xử cho lập đứa
con đầu. Quan Hữu-tư (2) cũng y theo lời
xử sau. Bởi vì cơ không từng khảo đến
sách nghi lễ vậy. Thầy Chu có nói : « Sách
nhiều mà không hiểu, chẳng khác gì cơ
kẻ không bao giờ xem »

Người trong xã (tôi) là Hoàng (mỗ) có
lần đi theo hầu Lê-Quế-Đường (3) nói chuyện

1) Vua Thang đánh được nhà Hạ, bèn thân đến
cầu đảo ở Tang-Lâm.

2) Tức quan tỉnh.

3) Tức Lê-Quý-Đôn.

ông ấy xem sách một bận mười hàng, đã
đọc qua thì chung thân không quên nữa
mà tay không rời quyển sách chút nào.
Có lần đi đường qua những chỗ hang cùng
ngõ hẻm vào trọ một nhà người đàn bà già
có đứa con mới lên 10 tuổi, hỏi học sách
gì ? Đáp rằng : « Học sử đầu (1) Hiếu-Huệ »
Ông bèn cầm lấy sách, bên ngọn đèn xem
hết cả quyển. Rồi lại hỏi : « Trong nhà còn có
sách vở giấy má gì nữa không ? ». Người
đàn bà thưa rằng : « Không có sách gì
nữa, chỉ có quyển kế mà thôi » Ông
cũng bèn đưa ra xem, không lẽ nào là
không đề mắt đến. Người hầu (họ Hoàng)
nói : « Há tất phải xem những đồ ấy ». Ông
đáp : « Người ta ai cũng làm việc của
minh, há bỏ qua bóng quang ám sao ? »
Bạc tiền bồi sòng năng tư lệ như thế.

Năm quý đầu triều Gia-Long (1813), có
Phạm-Quý-Thích (2) hiệu là Lập Trai làm
Giám thi trường Nghệ. Sau khi đỗ vì rồi,
trú ở dinh Đốc-học, học trò tới hầu có
vài mươi người. Vốn người đa bệnh, ông
đưa gối nằm nghiêng, cùng với Đốc-học

1) Sử đầu tức là quyển đầu trong bộ Sử-ký Tàu.

2) Quê làng Hoa-Đường, huyện Đường-An Hải-
đương, đậu Tiến-sĩ năm 1779.

tên là Tráng bản bạc văn chương. Người sau nay nhân đọc bài phú : « Đuốc (Quan) Văn-Trường » (雲長燭) (1) của trường học Lập-Trai văn thứ bảy, có câu rằng :

愧歎死平生曹操鬼

Quý dục tử bình sinh Tào-Tháo quỷ ;

儼如生萬古將軍神

Lẫm như sinh vạn cổ tướng quân thần. Nghĩa là : Quý Tào-Tháo bình sinh thẹn muốn chết ; Thần tướng quân muốn thuở giống như còn.

Có người học trò huyện Hương-Sơn là Cao-khắc-Kỷ ít tuổi hơn cả, đứng dậy thưa rằng : « Gã đây huyện Thiên-Lộc (đều thuộc Hà-Tĩnh) có Lê-Hàn (2) cũng làm bài phú ấy lại dùng điệu khác » Lập-Trai bảo đọc lên. Cao hèn đọc văn thứ bảy, có câu :

開千古之昏昏,明可對人,幽可對鬼
照一家之賸賸,行不愧影,寢不愧衾,

Khai thiên cổ chi hôn hôn, minh khả đối nhân, u khả đối quỷ ;

1) Người đời Tam-Quốc, có lần cầm đuốc hầu vợ Lưu-Bị ban đêm, giữ được trọn tiếng.

2) Quê làng Thuận-Thiện, có tên là Lê-Hồng-Hàn, con thứ hai Lê-Sĩ-Lang, Đốc đồng đời Lê, Hàn nổi tiếng thần đồng từ trẻ. (x. Kho sách Bản Trẻ q. 5).

Chiếu nhất gia chi ám ám, hành bất quý ảnh, tâm bất quý khâm.

Nghĩa là : Mở muôn thuở tối tăm, sáng đối với người, tối đối với quỷ ; soi một nhà mù mịt, đi chẳng theo bóng, nằm chẳng thẹn chần.

Lập-Trai hỏi : « Câu chính diện thế nào ? người kia lại đọc :

燃激烈之丹心五更天地
印丁零之孤影四壁風霜

Nhiên kịch liệt chi đan tâm ngũ canh thiêu địa ;

An đi ninh chi cô ảnh, tứ bích phong sương.

Nghĩa là : Nhen lòng son rực rỡ, trời đất năm canh ; in chiếc bóng lênh đênh, gió sương bốn vách.

Lập trai bảo đọc lại, nhân đây gởi ngồi đây, nói : « Nó làm hơn ta nhiều ». Bậc tiền bối biết phục thiện như thế.

Đời Lê, Phạm-vĩ-Khiêm đi thi Hội (1779) Khảo quan văn ghét ông ta. Đến trường thi, họ thấy một quyển giống như văn Phạm, hèn nói rằng : « Ta biết rồi » Rồi đánh hồng. Đến khi phát quyển thi Phạm

lại đậu thứ nhất (1). Việc này giống với chuyện Trịnh Giải trong Mộng Khê bút đàm (2). Cho hay đối với ai, ta cũng nên có lòng bằng phẳng rộng rãi, hơi dùng đến yếu hay ghét một chút là chỉ nhọc bưng mà thôi. (Sách Mộng-Khê bút đàm chép Trịnh-Nghị-Phu tự phụ nổi tiếng thời bấy giờ, quan Đốc trưởng Quốc-Tử cho đậu đến thứ 5, ý rất bất bình. Bài khảo tạ quan Chủ tư có câu:

李唐事業自謂無雙

Lý-Quảng sự nghiệp, tự vị vô song;

杜牧文章只得第五

Đỗ-Mục văn chương, chỉ đắc đệ ngũ.

Nghĩa là: Sự nghiệp như Lý-Quảng, tự cho rằng không ai bằng; Văn chương như Đỗ-Mục mà chỉ được đứng thứ năm.

Chủ tư giận lắm, ngày sau thi Đình, ông ta lại được đi chằm. Mới quyết ý đánh hồng đề trả thù họ Trịnh bất tợn. (Thành thử) có quyền thi giống như văn của Trịnh bị đánh hồng oan, đến khi treo

1) Thực ra thì đậu thứ hai, kế chân Lê-Huy-Trâm. Lúc ấy đổi tên là Phạm-Nguyễn-Du.

2) của Trầm-Quát đời Tống soạn. Tác giả là một nhà học rộng.

bảng thi Trịnh lại đậu đầu. Thế mà bài khảo tạ của ông ta lần này cũng chưa bỏ cái khi kiên căng. Xem sách Tị thử lục thoại (1) (có chép chuyện) Hàn-Nguy-Công cùng Thượng thư họ Tống đề thi khoa Trung thư (2). Có người hỏi ông Hàn thì ông lấy làm thẹn mà tạ rằng: « Tôi đâu dám trông được như ông Tống, chắc có tin hồng ». Khí lượng khác nhau nên chí sự nghiệp cũng không bằng nhau.

Có day rồi mới biết khôn nạn. Năm đinh mão đời Gia-Long (1807), trường Thanh ra đề: « Cho Thương-Hà lua » (賜常何綯). Có Khảo quan họ Vũ cũng tự làm một bài có câu: « trượng phu khí phách » (丈夫氣槩). Có người làm thơ rằng:

渭上常何娘子軍

Vị thượng dương thời vương tử quân.

木蘭本是女郎身

Mộc-Lan (3) bản thị nữ lang thân.

1) Của Diệp-Mộng-Đắc biên tập những điều tai nghe mắt thấy cũ, soạn thành 2 quyển.

2) thì vào làm chức Trung thư lệnh, tức là Tổng thư ký trong cung.

3) Cô gái đời xưa giả trai đi đánh giặc thay cho cha.

藉非典考之衡筆

Ta phi Điền khảo văn banh bút,

將爾常向亦爾人

Tương vị Trương-Hà diệp phu nhân.

Nghĩa là:

Quan nương tử ở ven sông Vị buổi ấy.

Mộc-Lau vốn là thân con gái.

Nếu chẳng có ngôi bút quan Điền khảo,

Toan bảo Trương-Hà cũng là dân bà.

Người ta truyền tụng bài thơ ấy dễ chệ cười.

Gọi rằng làm nên tốt cho người là lấy điều thiện để khuyến nhau, chứ không phải lấy sự bao bọc cho người hay giấu giếm đi cho họ làm hơn. Nay năm gần đây, Trương Hà có Giám khảo mở thay quyền cho người. Người ấy văn hay vốn không cầu cạnh gì. Vì việc chưa phát nên sau người ấy không được vào trường sau. Như thế chẳng những mình tự hãm vào phép cấm mà còn làm lụy cho người ta, có làm nên cho người gì đâu? (Sách Quý tân tạp thức (1) chép chuyện Phùng-Kinh làm Tri cử, có Trương-Vân-Tiểu làm bài phú « Công sinh minh » (公生明) bỏ vào trùng diệp mà sau đậu đến thứ tư, Trương nghĩ thâm rằng quan Chủ tư lẽ mở không

1) Của Chu-Mật đời Tống góp nhặt những điều tai nghe mắt thấy gồm có 6 quyển.

biết gì. Đến năm Nguyên-Hựu (1) đi sứ, qua Bắc-Môn, Phùng đang làm Lưu thủ bên làm tiệc rượu đãi môn sinh. Phùng nhân nói: « Ngày xưa tôi làm Tri cử, bài phú của ông trùng vận, vì bài luận sách hay, nên tôi thay vào cho ông ». Trương đang uống rượu, tự nhiên chén rơi không biết, lấy làm thẹn, từ tạ đến hai ba lần. Bởi vì từ đầu đời Tống về trước, phép thi cũng giản dị, không nề hình tích chỉ lấy được nhân tài là mừng. Cho nên Lý-Trinh đã hỏng rồi mà Lữ-Vị lại lấy lên đậu. Đầu đời nhà Đường, (người đậu) trình lên quan Hữu tư, nếu không biết tài phẩm thường ngày của họ thì không cho đậu cao. Về sau những điều xảo nguy ngày càng thêm, ngăn cấm đã riết mà vẫn còn gian. Những việc ấy không nên làm, mình với người đều mang lụy cả.

Học không phải để cầu lộc mà lộc cũng ở trong đó ra. Nhưng được với không đều có mệnh. Gấu đây học trò hỏng hạch thường oán học quan, hỏng thi thường oán Chủ tư. Có kẻ đặt ra lời nói ngoa,

1) Niên hiệu Tống-Triết-Tông (1086-1093).

hay câu ca dao như khi Lê-Huy-Du (1) làm Giám thi trường Nam, bọn hồng thi làm bài văn quốc âm đề tế. Đó là do những bọn học ít, nết kém làm, chứ hạng nho gia không có như thế. Nhưng thói ấy là từ đời Đường, Tống đã có như Âu-Dương (Tu) làm Tri cử, bị bọn học trò, khinh bạc nhóm nhau lại chê bai. Thậm chí có kẻ lấy một chữ nói, hay câu nói xóc, cả đời đề vào bụng như Ngưu-Tảo-Như đối với Lưu-Vũ-Tịch; Nguy-Mộ đối với Lý-Hồi lại càng hay ghét ngấm, có ý muốn đánh đổ. Kẻ học giả nên lấy đó làm răn, chớ có ăn ở hiểm ác.

Làm văn không nên cầu thả. Năm quý tị đời Minh-Mệnh (1833) tôi đang hiệu lực ở Bộ, ngày nghỉ có dạy học trò làm văn. (Một khi) ra bài thơ: « Qua sông hái hoa phù dung » (涉江採芙蓉) ngẫu nhiên có sửa bài của một trò rằng:

自從投筆事疆場

Tự lòng đầu bút sự cương trường

1) Quê làng Bột-Thương, phủ Hoảng-Hóa (Thanh-Hóa) đậu Tiến sĩ năm 1787, làm giám thi trường Nam-Định năm 1819. Lê bị học trò gọi là « Bột tình giảng thế » ý trở người làng Bột-Thương (sao Bột lại là một vị ác tình).

未識天涯是異鄉
 Vị thức thiên nhai thị dị hương.
 忽見帶紅花似錦
 Hốt kiến há hoa hồng tự cẩm
 選憐才美囊爲常
 Giao liên dư (?) mỹ tập vi thường.
 生涯燒裡千莖雲
 Sinh nhai cánh lý thiên hành tuyết,
 弱理風前九曉香
 Nhược lý (?) phong tiền cửu uyên hương.
 及此修名猶未寡
 Cập thử tu danh do vị yển,
 莫教鷓鴣度年芳
 Mạc giao đề quyết (1) độ niên phương.

Đại khái nghĩa là :

Tự lúc ném bút đến nơi cương trường.
 Chưa biết rằng ở chỗ ven trời là làng lạ,
 Bỗng thấy (như) hoa sen đỏ tựa gấm,
 Xa nhớ... đẹp, kết làm xiêm.
 Trong gương sinh nhai có ngàn chồi
 giữa tuyết ;
 Trước gió có mùi thơm hoa lan.
 Bấy giờ công danh còn chưa toại,

1) Đề quyết: là chim đỗ quyên, tiếng nó kêu xui lòng khách nhớ nhà.

Chớ khiến chìm đở quyền qua một năm
(1). (1)

Vừa xong thi cụ trong Các là Hà (Tôn-Quyền) chớ người tới bảo có chỉ bắt tới đi tòng quân ở Nam-Kỳ.

Không những một việc này, đọc văn các bậc tiền bối cũng biết được nhân phẩm, hành chí. Phạm - Lập - Trai làm Giám thi trường Nghệ (1813) ra đầu bài « Công đức như trời sinh muôn vật » (功德如天生萬物.) Lê-Nguyên-Trung (2) có câu :

巍然神武聖文之盛美,九功七
德不盡形容

Nguy nhiên thần vũ thánh văn chí thịnh
mỹ, cửu công thất đức bất tận hình dung.

宛若太和元氣之流行,庶類萬
般咸資發育

Uyển nhược thái hòa nguyên khí chí lưu

1) Bài thơ này rất khó vì có nhiều chữ hoặc chép sai, hoặc không hiểu điển tích, dịch giả cố dịch đại khái, còn chờ sự đính chính của thức giả.

2) Quê làng Trung-Cần huyện Thanh-Chương (Nghệ-An) có tên là Lê-Nguyên-Huệ

hành, thứ loại vạn ban hàm tư phát đức.
Nghĩa là: Lớn lao vậy võ thần văn thánh,
chín công bảy đức không đủ bình dung;
Lưu hành như nguyên khí thái hòa, muôn
vật mọi loài, đều nhờ sinh đức.

Lập-Trai cả khen, tuy quyền ấy viết sót
chữ ở bài, chiếu lệ phải đánh hồng, mà
ông cũng phê lấy đạo. Khoa ấy đậu Hương
cống 12 người. Lập-Trai nói với người ta
rằng: « Từ khi người này hơn cả ! »

Lưu-Công-Đạo (1) lúc mới tới học với
Bùi-Tôn-Trai, làm bài phú « Vườn quan
Đồ đốc Thư-Châu » (舒州都督宅) có câu :

海內六年王事紛紛何處作生涯

Hải nội lục niên vương sự, phân phân hà
xứ tác sinh nhai ;

齊州幾載官遊,耿耿他鄉懷故宅.

Thơ châu kỷ tải hoan du, cảnh cảnh tha
hương hoài cố trạch.

Nghĩa là: Trong biển trời 6 năm vương
sự, lằng xằng biết chỗ nào làm: tha sinh
nhai; Châu Thơ từng mấy hạ hoan du,
thần thức nơi quê người nhớ miền cố
trạch.

1) Quê làng Ich-Hậu, huyện Can-Lộc (Hà-Tĩnh)
đậu giải nguyên năm 1813, làm quan đến Lang-
trung.

Tồn-Trai chế rằng lãnh đạm. Sau quả như thế.

Tồn-Trai thường phê văn của Ngụy-Khắc-Thần (1) rằng: « Khi (đốt) núi Hồng vào nhà người này hết » (鴻山秀氣盡入汝家) Thân là anh ông Thiện-Phủ (2) vậy. Người cha làm văn không hay trau chuốt. Tồn-Trai bảo là có dư vị nên « có hậu »

Lại thường xem thơ văn người xưa như bài thơ chết con của Tô-Đĩnh có câu:

試將明鏡照

Thi. tượng mình cảnh chiếu

何異月中看

Hà di nguyệt trung khan.

Nghĩa là: Thủ đem soi gương sáng
Nào khác ngó trong trăng.

Vật nhỏ nhỏi mà nói to lớn như thế.

Lý-Trinh thi làm bài phú « Mặt trời năm sắc » (日五色) có câu phá đầu rằng:

德動天驛祥開日花

Đức động thiên giám; Tương khai nhật hoa

1) Quê làng Xuân-Viên, huyện Nghi-Xuân (Hà-Tĩnh) dựa cùng khoa với Lưu-Công-Dạo, là cha Ngụy-Khắc-Đản.

2) Tức là Ngụy-Khắc-Tuần.

Nghĩa là: Đục động gương trời; Diễm nở hoa nhật. Sự nghiệp bậc tướng tướng, ngữ khí có khác.

Bạch-Lạc-Thiên (1) có bài thơ:

離離原上草

Ly ly nguyên thượng thảo,

一歲一枯榮

Nhất tuế nhất khô vinh.

野火燒離盡

Dã hỏa thiêu nan tận,

春天吹更生

Xuân thiên xuy cảnh sinh,

Nghĩa là: Trên đồng cỏ mọc mơn mớn, mỗi năm mỗi khô tươi. Lửa nội thiêu khôn hết, Trời xuân thổi cho lại sống. (Giọng văn) phong lưu nắn nọt như tác giả.

Cao-Phiên-Lý (2) có thơ:

恨乏平戎策

Hận pháp bình nhụng sách,

雪登拜將壇 (3)

Tam đăng bái tướng đàn.

1) Tức Bạch-Cư-Di, thi gia đời Đường, tác giả bài Tỳ bà hành.

2) Tức Cao-Biền. Năm 864 có sang Việt-Nam đánh quân Nam-Chiếu.

3) Có bản chép chữ 壇

手持金鉞冷,

Thủ tri kim việt lạnh,

身掛跌衣寒.

Thân quải thiết y hàn.

聖主扶持易,

Thánh chủ phủ tri dị,

恩深報效難.

Âm thâm báo hiệu nan.

Tam biên do vi tình.

何敢便休官.

Hà cảm tiện hưu quan.

Dịch là : Giận thiếu mưu đánh dẹp,

Lên đàn tương thẹn thùng.

Cầm giáo vàng run rẩy.

Mang giáp sắt lạnh lùng

Chưa giúp ta đánh dễ

Ta bảo chúa khôn xong,

Ba cõi còn chưa lặng,

Về hưu đâu dám mong.

Câu kết sau cùng gần như là những lời
bạn tai lạc họa .

Phạm - văn - Chính (1) làm phú có câu
« Kim giám Can - Tương ». Sau sự nghiệp

1) Tức là Phạm-Trọng-Yêm, đậu Tiến sĩ làm
quan to đời Tống-Nhân-Tông.

cũng như lời phú.

Thơ Đinh-Vị (1) có câu :

鸚鵡驚鳳輩穿花早,

Anh kinh phượng luyện xuyên hoa tảo,

魚畏龍顏上釣遲.

Ngư điều long nhan thượng điều trì.

Nghĩa là : Chim sợ sớ kiệu phượng nên
sớm chui vào trong hoa, Cá chậm đớp
câu vì sợ mặt rồng. Cái tình trạng lo được
lo mất hiện ra hết thảy.

Lại như Lý-Thân làm bài thơ « nhà làm
ruộng » rằng :

春播一粒粟

Xuân bá nhất lập túc,

秋成萬顆子

Thu thành vạn quả tử.

四海無閒田,

Tứ hải vô nhàn điền,

農夫肯斃死,

Nông phu do ngã tử.

dịch là : Xuân vãi một hạt mầm,

Thu nên muôn hạt lối.

Bốn biển không ruộng hoang,

1) Người đời Tống làm quan Tham chính, sau
phải trốn ra viễn châu vì việc xây sơn lăng
không cần thận.

Kẻ cay còn chết đời.

Thời-Quần cho là ngày sau sẽ làm đến
Tề-tướng.

Vương-Nghi-Công (1) có câu thơ (vinh
mai) :

雪中未論調羹事,

Tuyết trung vị luận điều canh sự ;

先向百花頭上開,

Tiền hương bách hoa đầu thượng khai. (2)
Dịch là: Ngon canh việc ấy ban canh

Hãy xem trong tuyết nở đầu trăm hoa (3)
Lữ-Công báo rằng: « Đứa nhỏ này đã
năm chắc cái Trang nguyên và Tề trưong »,
Đến khi đi thi làm bài phú « Loài vật hỗn
nền » (物混成) được Dương-Ước khen rằng
có tài vương tá. Nay xem phú có câu như :

得我之小者散而爲草木,

Đắc ngã chi tiển giả, tán nhi vi thảo mộc

得我之大者合而爲山川,

Đắc ngã chi đại giả, hợp nhi vi sơn xuyên

1) Tức là Vương-Hội người đời Tống-Thanh-
Tông làm quan lớn.

2) Bài này có kể hão là của Tống-Cảnh người
đời Đường được phong tước là Quảng-Bình Công.

3) Câu dịch của Nguyễn-Văn-Đề (Trong 99 chóp
núi).

Nghĩa là : Được (khi) bé của ta, tan ra làm
cây cỏ; Được khi lớn của ta hợp lại
làm núi sông. Ngữ khí như thể người
thường không thể kịp được.

Văn đối sách của Văn-Tin-Công được
Vương-Ước-Lân khen lòng trung như sắt
đá. Văn của Trương-Xương-Linh và Vương-
Công-Cận tại Vương-Sư-Đán, chề là khinh
bạc. Văn của Vương-Dương và Lô-Lạc thì
Bùi-Hành-Hiêm biết không phải là đồ dùng
dài. Thơ Lý-Viên có câu: 長日惟消一鬢
Trương nhật duy tiêu nhất cước kỳ; Nghĩa
là: Ngày dài chỉ tiêu khiến một cước tóc.
Vua Tuyên-Tông báo rằng không nên dùng:

Lê-Quát (1) có bài thơ đưa bạn:

驛路三千君攜衆

海門十二我還山

中朝使者烟波客

君得功各我得閒

Dịch là tam thiên quân cư an,

Hải môn thập nhị ngã hoàn san,

Trung Trừu sứ giả yên ba khách

Quân đắc công danh ngã đắc nhàn.

1) Người đời Trần đồng thời với Phạm-Sư-
Mạnh (x. V. N. C. V. H. S. II).

Dịch là :

Dám thẳng ba ngàn anh thẳng ngựa.

Mười hai cửa biển tở về ngàn.

Người vui mây sóng người đi sứ,

Anh được công danh tở được nhân.

Thư giả biết ông sẽ quý hiền.

Câu đối của Mạc-Đĩnh-Chi : « Trăng là cung sao là đạn » (月弓星彈). Người ta biết con cháu về sau sẽ có kẻ cướp nước.

Đàm-Thận Huy (1) ngồi cùng học trò, ra một câu khẩu chiếm 兩無鑿鑿能留客 Vũ vô kiếm tủa năng lưu khách ; Nghĩa là : mưa không có kim khóa hay mà giữ khách lại.

Ng.-Giản-Thanh (2) đối là : 色不波濤易害人 Sắc bất ba đào di nich nhân. Nghĩa là : Sắc không có sóng tở mà dễ đắm người.

Bị Đàm chế là phong đăng. Nguyễn-Chiều Huân (3) thi đối : 月有彎弓不射人 Nguyệt hữu loan cung bất xạ nhân. Nghĩa là : trăng có vòng cung chẳng bắn người : Đàm biết là người có nhân. Tuy là một nghề vảo-chương mà nhân phẩm hơn kém,

1) quê làng Ông-Mặc, huyện Đông-ngạn (Bắc-Ninh) đậu tiến sĩ năm 1490.

2) quê làng Ông-Mặc, huyện Đông-Ngạn (Bắc-Ninh) đậu Trạng Nguyên năm 1508.

3) quê làng An-khanh, huyện An-Phong (Bắc-Ninh) đậu Tiến sĩ năm 1514.

tiên trình lợi bất lợi, đủ thấy đại lược, chỉ vì nổi người ta không tự biết mà thôi. Cho nên làm thơ văn phải lấy ôn hậu, hòa bình làm chủ mà kiêng những câu phù bạc lãnh đạm. Tập làm những câu ôn hậu hòa bình thì đạo dưỡng được linh tinh dần dần đến thuần thực ; tập những câu phù bạc lãnh đạm lâu rồi quen tính không biết lấy trung hòa để nuôi khí thì sự làm lạc càng xa lìa mãi.

(Trí) phủ Tư-Nghĩa (Quảng-Ngãi) trước là Vảo (mỗ) kể chuyện một lần ông tới nhà quen là một nhà tấn thân (1) chủ nhà đi vắng, người vợ ra cửa đón mời vào nhà. Đang lúc nâng nức, rót nước chế pha gừng thiết khách, Vảo khen phong vị khá ngon. Người đàn bà nói : Khi khao khát thì nước gì cũng uống được. Nhưng cô nhân có nói : « Trên giường để cái củ (la-bạc) dưới để gừng, mùi què vẫn không xấu » Ông hỏi : « Câu ấy ở sách nào ? » Ra ở sách Cửu hoang (2) Xin cất nghĩa cho nghe » — « Người ta nhờ ngũ cốc để nuôi tính mệnh, năm mất

1) tấn thân : tiếng chỉ nhà làm quan lớn.

2) tức Cửu hoang bản thảo của Chu-Vương-Tác đời Minh soạn nói về các vị ăn năm đói.

mùa ngũ cốc không đủ, phải ăn củ rau lá cây, dạ dày và ruột không quen, dễ sinh bệnh, cho nên buổi mai ăn gừng, dễ khai vị, đêm ngủ ăn củ cải để cho dễ tiêu. Văn rằng: « Xưa ông Hinh-Thiệu có nói: « Sách trong thiên hạ học đến chết cũng không hết » là phải lắm ».

Không gì hay bằng biết đời lỗi. Phi-Minh đời Trần làm quan Yên phủ (sứ) ở Diên Châu (Nghệ-An) vì hối lộ bị tội. Sau khi phục chức lại được người khen rằng: « Quan Yên phủ Diên-Châu trong như nước » Cái thân con người trước sau tính hạnh khác nhau, nên chỉ người quân-ử quý về chỗ thấy thiện thì theo, có lỗi thì đổi.

Ngư-Tôn nói: « Nết kiệm là cốt của đức ». Trái xem từ khi có thiên hạ quốc gia ai cung kiệm thì được, ai xa xỉ thì mất. Lấy vua mà nói: ông hưng được nước thì thêm đất nhà sừng, ăn nhậu mặc xuyến; ông mất nước thì nhà cao tường chạm đèn ngọc, đai vàng. Cho nên đường hoa đá vẽ của nhà Hồ, điện lớn trăm gian của nhà Lê đều làm ra mà không ở. Lấy nhân thần mà nói: Dương-Chấn (1) dễ thanh

1) Người đời Đông-Hào, học rộng, dạy nhiều học trò, làm quan đến Thái-úy.

bạch cho con cháu mà sau đời đời làm quan lớn, hơn 700 năm không ra khỏi làng mà làm kẻ quý hiển mà hang vàng (kim-cốc) của Thạch-Sùng (1), (nhà) Yên Nguyệt của Lâm-Phủ (2) đều không kịp đến thân. Bởi vì đã xa xỉ thì tiền của, bạc trên phải gộp lượm nặng để cho nhiều của, kẻ dưới phải tham hối dễ hại người, nước không có lợi, nhà thì trộm cướp, chuốc lấy lợi oán, bấu vào lưới hình, đều tự mình mang lấy. Phương chi « vật đã đầy thì nghiêng » là lẽ tất nhiên. Đời Thiên-Bào nhà Đường (3) nhà cửa ở kinh sư làm rất nguy nga xa-xỉ, thức giả cho là mạ cây (mộc yếu). Trong đời Hàm-Thông (4) Đỗ-Vinh-Dụ làm quan Phan ở quán Hoảng-Văn cùng đồng liêu là Vương Đạc thường hoa mẫu đơn ở trong quán. Đỗ bảo ông kia rằng: « Quán này nếu cho người không hay ăn chơi ở thì chỉ một gian thôi, mà nay trang lệ thế này

1) Một nhà triệu phú đời Tấn.

2) Người đời Đường, giàu có, có ngôi nhà Yên-Nguyệt rất đẹp.

3) Niễn-hiệu vua Đường Huyền-Tông (742-755)

4) Niễn-hiệu vua Đường Ý-Tông (860-873)

Ông nên biết không bao lâu nữa sẽ ra tro bụi *.

Nhà Lê sau khi trung hưng, những nhà quyền-quý thế lực, võ quan v. v. thường có kẻ xa hoa vượt ra ngoài lễ tuc. Một nhà Ngô-Cảnh-Hựu (1) ăn ở cứ theo pháp độ, đời đời làm đến Công hầu, không có thế lực lừng lẫy gì khác, hơn hai trăm năm con cháu đông đúc. Gần đây thì thấy họ quan Hiệp điện đại sĩ Nguyễn-Khoa-(Minh) (2) làm đến quan lớn đã vài đời, con cháu trong họ áo mặc đều là vải thô cả. Lại thấy vài ông quan lớn trong nhà có vài mươi người, ăn béo mặc tốt, không cấy mà có cơm, không dệt mà có áo, rồi bị khuyhnh bại ngay, có người dỡ nhà được kim cương từng bốt, xa xỉ càng tận thì vợ càng mau là thế.

Giặc Trát (3) bị thua (còn) vài kỵ mã chạy trốn về phía bắc, chưa ai biết cả. Ăn cơm ở nhà quan Đại-Nại (Hà-Tĩnh) rồi là

1) Quê làng Trảo-Nha, huyện Cao-Lộc (Hà-Tĩnh) có công lớn với nhà Lê trung hưng.

2) Quê ở làng An-Cựu, huyện Hương-Thủy (Thừa Thiên) ở đời Gia-Long, Minh-Mệnh.

3) Tức Nguyễn-Quang-Toản, con vua Nguyễn-Huệ.

vào trong cối giã gạo bị bà chủ quán nạt cho, phải nhin nhục từ tạ mà đi. Bởi vì họ không bao giờ biết cái cối giã gạo vậy. Nhan-Chi-Thời nói : Bọn triều sĩ ở Giang Nam, tám chín đời không có ai làm ruộng, chỉ cấy vào bông lộc mà ăn, nếu có nữa thì cũng sai tới tờ làm cho, chứ không bao giờ đi xem vỡ một đám đất, cấy một bụi lúa, không biết tháng nào vãi giống, tháng nào nên gặt, thì biết gì đến việc đời. Cho nên việc quan không tri xong, việc nhà không liệu nổi, đều là lỗi ở sung sướng nhân hạ. Đại loại như thế cả.

Quan quân lúc đầu đánh giặc Khôi đi đến trạm Thuận-Biên nghe tin giặc đã chiếm giữ Biên-Long, bèn theo đường tắt, đi cả đêm đến một bãi hoang, nằm ngổ giữa đồng không có nước, quân lính không được đốt lửa. Sớm dậy kéo đi chưa được ăn, gặp giặc bèn đánh. Đến giờ ty, quan quân nhiều kẻ khát nước, có người phải vào làng xin uống. Dân làng tranh nhau đưa cơm nước ra. Đang lúc ngồi trên ngựa vừa ăn vừa cầm quân, Bình-Thành-Bá tự nhiên rơi nước mắt nói : « Tôi thuở bé mất mẹ, nhờ bà nuôi cho. Hồi 6, 7 tuổi

trong nhà tam đủ ăn, nhưng thường cho
ăn cơm nguội, uống nước lã, và bảo nuôi
trẻ phải nên như thế, chớ có cho ăn sung
sương qua miệng và da, nó rồi lớn lên
có gặp việc, gì khó nhọc, thì những món
cơm hạt không thể chịu nổi. Bây giờ lại
thêm cảm nhớ đến lời dạy (của bà tôi)

Liều-Tân dạy con rằng: « Con nhà phú
quý, học phải thêm chăm, làm phải thêm
gắng, mới sánh với người ta được chút
đình. Nết tốt tài thiệt người ta chưa hẳn
đã tin mà có tí vit gì một tí thì người
ta chỉ trích liền. Câu nói ấy đủ khiến
người phải động lòng mà hết sức tu tỉnh.
Cuối đời Lê ở Hà-nội có họ Đàm làm
quan Đình tư, (1) tước đến nhất đẳng. Sau
khí chết rồi, con chỉ cỡ bạc chơi bời đến
nỗ dờ nhà thờ và lấy gạch đá ở trên mộ
bán để ăn tiêu, lại toan đánh tiếng cải
táng để lấy của trong huyết, vừa bị mất
mù lại thôi. Gần đây lại có một nhà thuộc
đồng quý thích quan đến nhất phẩm, tước
bầu, phủ đệ rộng rãi xa xỉ, của cải lại
nhiều chết chưa được vài năm mà con
bán sạch nhà cửa, đem thân chủ bỏ dưới

1) là quan tam công, chức phụ tướng.

gốc bỏ dờ ở bên sông trong vườn nhà
thờ. Con nhà phú quý, không chăm nghề
nghiệp, làm nhục đến cha ông, rất đáng
sợ vậy. Nhưng do không chỉ một tội
của con thôi. Truỵên có nói: « Minh ở
không có đạo thì « ban phúc » không đến
được con em » Lại rằng: « Của lấy
trái nghĩa mà vào thì cũng trái, nghĩa mà
ra » Chưa điều thiện hay bất thiện tất từ
buổi đầu. Đỗ-Hoàng-Thường nói với Lu
Thần: « Đưa con nhà ấy, chơi với người
ác, sao chẳng xét kỹ » Lu-Thần, đáp:
« Đại phạm làm quan thanh liêm, dẫn
lam đến quan to cũng không chữa nhiều
của. Có những người hay chữa của làm
giao phải bạc tước của dân mới được.
Nếu con cháu khéo giữ, ấy là trời cho nhà bất
nghĩa làm giàu, bất nhọc xỏ thứ bất nghĩa ấy
ra cho người ta. Câu nói ấy tuy là tựa như trào
phúng, hiểu ra cũng đủ làm răn cho đời.

Cây tài khinh người, cô nhân đã lấy
làm răn. Cuối đời Lê, có Phạm-Vĩ-Khiêm
văn tài phú lệ, ban Giám thượng đậu
đầu, tiếng tăm vang dậy. Có Đoàn-Văn-
Tuấn là con (Đoàn-Nguyễn) Thục (1) mới

1) tức Đoàn-Duy-Tĩnh quê làng Hải-Yến huyện
Quyển-Côi Thái-Bình, đậu Hoàng giáp năm 1752.

lời hạch Giám lều đầu mà đầu đầu, Phạm chịu thua ở thứ hai, nhưng chưa biết mặt. Đến lần sau, đã nộp quyền rồi mà chằm chưa xong, Đoàn gặp Phạm ở giữa đường Bấy giờ người sau này đã làm Tri phiên có kiện long và linh hầu. Đoàn vòng tay đứng ra bên đường rất cung kính. Phạm đứng lại hỏi. Đoàn thưa rõ tên họ. Phạm nói: « Con đây à? Ta then không được biết nhau cho sớm. » Lại hỏi: « Kỳ hạch này có hơn ta nữa không? » Đoàn gọi Phạm bằng chủ, bèn đáp: « Cháu có dám sánh với chủ đâu, chẳng qua nhờ trời gặp may đó thôi »! Phạm lại hỏi: « Quyền của con có câu gì hay? » — Quyền cháu có câu: 不孩之國昆第之邦 Công có chí quốc; Côn đệ chí bang. Bỏ đầu đầu nữa là làm » Bởi vì đầu bài hỏi phép phong kiến nhà Chu nhà Hán 周漢封建 Phạm nói: « Con gắng gỏi lấy. Thiệt đáng gọi rằng hậu sinh khả úy vậy ».

Phạm-Vĩ-Khiêm đi thi Hội, đến trường cuối, ngồi gần lều voi Phạm-Quý-Thích. Người sau này tuổi chừng 20, Vĩ Khiêm thấy nhỏ, khinh lăm. Đến trưa, Quý-Thích toan nộp quyền ra trước, Vĩ-Khiêm còn ngờ người kia làm không nổi mới lấy

quyền xem, rồi kinh hãi mà rằng: « Ti nữa ta làm, không ngờ được chơi với một người ban vọng niên. Dầu thế, người còn trẻ này này nên nhường ta đã ». Quý Thích thưa rằng không dám. Khoa ấy trên bảng Hội và bảng Đình, Quý Thích đều đứng liền dưới Vĩ-Khiêm. Người sau này noi chơi rằng: « Ti nữa thì ta bị đưa trẻ dè đây ».

Ba đời quốc sơ có Cao-Huy-Diệu (1) văn chương mẫn tiệp. Ông làm Tri phủ Quốc-Uy, có Trần-Bá-Kiên (2) làm Tri phủ Tam-Đài (đều thuộc Sơn-Tây) hai người gặp nhau ở Bắc-Thạch. Trần ra câu đối: 文章致位兩府 Văn chương trí vị lưỡng phủ, nghĩa là nhờ Văn chương làm đến cai trị hai phủ. Cao đối tiếp khẩu: 兄弟分任三國 Huynh đệ phân sứ tam quốc nghĩa là anh em chia ra làm quan ba nước. Quan Tổng trấn (3) nghe tiếng Cao làm mau nhân ban đêm ngồi chỉ cây nến mà ra câu đối: 風吹燭燭半邊流半邊雨.

1) Quê làng Phú-Thị, huyện Gia-Lâm (Bắc-Ninh) hiệu là Vô-Song đậu cử nhân năm 1807.

2) Quê làng Văn-Canh, huyện Từ-Liêm Sơn-Tây, đậu cử nhân năm 1807.

3) Tức là Nguyễn-Vân-Thành.

Phong xuy lập chức, bán biên lưu, bán
 biên lưu. Nghĩa là: gió thổi ngược nên
 đưa bên này nửa bên ở lại. Cao liền
 ứng khẩu: 地指針畫一頭持一頭止 Địa thủ
 chân bàn, nhất đầu chỉ nhất đầu chỉ.
 Nghĩa là: đất đặt địa bàn một đầu trở,
 một đầu đứng. Ứng khẩu mau mắn
 đại loại như thế. Ông làm văn thi lập
 từ rồi cầm bút viết không nghĩ. Hồi chữa
 làm quan, hai hạch ở mấy trường học
 ở trường nước đều rất có tiếng ở Bắc-
 Thành. Lê-Hàn bắt đầu đến phủ Hoài-Đức
 kiêm chỗ để học, chưa giao thiệp với
 học trò ngoài này. Một hôm các ông
 thấy ghe hơi học trở tại hạch tại. Lê làm
 người quyền viên của con cháu quan, lại cùng
 thân quen với Cao-Rộc-phách, chăm
 quyền xong, đến khi họp phách vào th
 con cháu quan ấy dẫn đầu. Khi biết nhờ
 Lê ghe học, Cao mới thân phục. Lê cũng
 lấy đó làm sư phụ. Sau đi chơi ở Bình-
 Chiab (Quảng-Binh) gặp Trần-Ngọc-Quán
 陳玉瑄 Cai bộ Quảng-Đức (1), có tang vợ
 ở nhà, Lê vào phúng, ban đầu có ý khinh
 Trần. Vào đến nhà thấy câu đối treo

1) Tức Thừa-Thiện

(1) 此句... 對曰... 此句... 對曰...
 đây cột đã xếp bỏ gan hết chỉ còn một vĩa
 nhân được qua loa rằng: 橫券如影沒隨森
 Cơ hạn như ảnh một tùy thân. Nghĩa là:
 đời rớt như bóng chết theo thân. Sắp
 khi ra, Lê báo với người khác rằng:
 * Kề danh sĩ văn không phải là hư sĩ,
 (đời chịu thua xa.
 Nguyễn-Trọng-Vũ lúc đầu ở Đan-Hải
 (Hà Tĩnh) chơi với mấy người làm thơ,
 ngày cứ ngâm vịnh luôn. Bùi-Tồn-Trại
 đưa thơ rất có câu:

吟題感離詞人耳

Ngâm đề cảm ngộ từ nhân nhi,
 幾見真儒古已遲.

Ký kiến chán nho cổ dĩ hoạn.
 Dịch là: Ngâm nga cảm hưng người thơ phú.
 Nào thấy chán nho có mấy ai?
 Đỗ-phủ có câu thơ: 將詩莫浪傳 Tương
 thi mạc lãng truyền. Nghĩa là: làm thơ chớ
 đem truyền bậy. Dương-Quán 楊綰 làm
 văn không đưa cho người khác xem,
 cũng đã rõ như thế. Văn của Phan Cứ (1)
 cũng mãn thiệm, cầm bút thì viết ngay,
 vì hay làm thơ chơi ở nơi công phủ mà
 sau bị bầm vào tội.

(1) quê làng Thổ-Hào huyện Thanh-Chương (Nghệ
 An) đậu cử nhân năm 1821.

Quối đời Lê có Đặng-Trần-Côn (1) với
Đương-Huân đều có tiếng hay văn, lại
đáng giới lối phú tác văn. Đặng làm đến
vài ngày mới xong còn Dương thì ha hủt
viết không chữa chữ nào. Làm ra một
bài, chùng dề truyền tụng, người ta ví
với Trần-Vô-Dĩ (2) và Tần Thiệu-Du (3)
Cả lâu cùng làm bài phú tiếng kêu cửa
đêm tuyết. (4) Văn thứ hai cùng làm rằng:

無情私弟方閑駭駭之更

Vô tình tư đệ, phương nhàn điềm điềm
chỉ canh

已銷朱門為有登登之叩

Dĩ tóa chu môn, bất thỉnh thanh thanh
chỉ khẩu

dịch là: Nhà riêng vô tình, canh vira dứt
tí từng hiệu trống:

Cửa son đã khóa, tai thoát nghe
văng vẳng tiếng kêu;

Cả hai người dề in như nhau không
sai một chữ. Đến văn thứ tư Đặng làm
rằng:

(1) quê làng Nhân-Mục, huyện Thanh-Trí Hà-
Đông trong năm Cảnh-hưng làm Tri-huyện Thạch-
Ốy. 2) tức là Trần-Sư-Đạo, một văn sĩ nổi danh đời
Tống. 3) tức là Tần-Quan, người đồng thời với Trần
nổi danh văn chương. 4) Sự tích vua Tống-Thái-Tổ.

.1581 mian nhen wo uet (ta

室際席開談笑酒食之妻嫂亦聞
Đương bệ lịch gian đàm tiếu, tửu thực

chỉ thế tảo diệc văn;

乾坤否塞經營斯興之山何款助

Càn khôn bĩ lý, kinh dinh, hân thúy, chỉ
sơn hà dục động.

dịch là: Cười nói trên giường đương bệ,
rượu cơm vợ thím từng nghe;

Kinh dinh trong chén càn khôn
giác ngay giang sơn muốn dậy.

mà đương thì làm rằng:
堂分叔嫂重姻之坐轉溫

Đương phân thục tảo, trùng thân, chỉ tọa
chuyển ôn;

圖椅萬壽千古之管思登

Đồ chỉ U yên, thiên cổ chỉ thủ tư tuyết.

Nghĩa là: Nhà ngán chủ thím, giường hai
lâu nệm càng êm;

Đồ trỏ U Yên, thủ ngán nam xưa phải
rửa.

Một người phải chắp hông mời xông,
một người làm trong giờ hạch đến có câu

hay cả. Đặng có làm bài Chính phụ ngâm
có ý phảng phất theo Trình-thân-danh-miền

Nam. Thương tư cho mình bởi Dương
nhân thì hơn kèm ra đầu đề (bài phú) Kỳ

lâu chơi vườn Uyển-Hưu 驕登苑園 恨

mỗi câu phải có một tên loài vật. Đăng
câu từ chưa xong, thấy Dương đã viết:

龜鶴豈馬不出河

Quy đọ traps Lạc; Mã bất xuất Hà.

綱徒有能之世邑于涿鹿之阿

Diễn bị Hữu-Hùng (1) chm thế; Ap vu

Trác-Lập (2) chỉ a.

nghĩa là: Rùa còn nắp ở sông Lạc; Ngựa
chẳng ra ở sông Hà.

Nhờ hơi vua Hữu-Hùng, đóng đô ở gò
Trác-Lộc.

liền phục tãi nhanh. Cuộc thử ấy liền bãi.

Phan-Kinh (3) và Nguyễn-Huy-Oánh là
người một làng, hươu trẻ làm bạn với
nhau. Phan đầu cấp đệ trước. Còn Nguyễn
đậu ở trường thi Hương rồi bỏ học về
làm thầy cũng không thi nữa. Phan khuyến
mãi không được bèn tuyệt giao, gặp ở
đường cũng không chào hỏi. Làm thế để
khơi mối giận của Nguyễn. Người này đỗ
tức về học lại, sau cũng đậu cấp đệ. Bèn
lại làm bạn như cũ.

1) chỉ vua Hoàng-Đế vì đô đóng ở đất Hữu-Hùng.

2) tên núi, vua Hoàng-Đế đánh rợ Xuy-Vu, và
đóng đô ở đó.

3) quê làng Lai-Thạch (Hà-Tĩnh) đậu Thám hoa
năm 1743, làm đến thừa chích sự.

Phan-Bảo-Đình (1) làm Lễ từ tư, và cũng là
mình lúc bé học rất giỏi, 18, 19 tuổi mà đỗ

một ngày không thuộc 20 hàng, đọc đến trăm

lần mới nhớ. Nhưng chỉ có ngày nguyên

dân và ngày trừ tịch mới nghỉ, còn bữa

không ngày nào là không học, sau đậu

Tiến sĩ. Mọi biết người ta chỉ sợ không

chăm học chứ không sợ lu chất tội

Nguyễn-Văn-Quốc làm quan Trấn Phủ

Yên, mời Bùi-Văn-Lý (2) đến dạy nghĩa

sách. Đến khi Nguyễn dời vào coi coi biên

hình ở Gia-Định mới điều đờ của Bùi

Người này bèn nói thi dụ việc Phùng-Mông

(3) xưa. Quốc đờ khen.

Hồi quốc sơ có Quân công mô (1), coi
quân đội, làm Tổng trấn Gia-Định

là người bên ngoài. Khi về cai trị tỉnh
nhà, lối sửa sang làm quan, đem ơn

trả ơn, bày bắt dân làm những công
việc không hợp một hôm, về nhà huyện

1) quê làng An-Toại, phủ Đức-Tĩnh Hà-Tĩnh,
đậu năm 1787.

2) quê làng Đức-Brun, huyện Phú-Việt Thừa-
Thiên, đậu cử nhân năm 1821.

3) Phùng-Mông học bần với Hậu-Nghệ, học hết-
tài nghệ trở lại giết thầy người lập sai

4) có lẽ Lê-Văn-Duyệt.

Vinh-Yên (An-giang), linh hầu cũng ít, hơn
áo biệp lại cướp và hỏi đã chưa chưa?
Quan ta phải xin xỏ từ ta họ, mới được
thả. Từ ấy có đẹp bời.

Nguyễn-Dư (1) làm Hữu tham tri bộ Lễ,
ngay đi sứ Tàu, qua Nghệ-An vào yết kiến
quan huyện, huyện mình (Nghị-Xuân). Quan
Nguyễn đang đứng trước thềm. Quan hỏi
là ai? Nguyễn nói rõ họ tên. Quan chào
mời vào ngồi bên khách bên chủ. Uống
trà xong, Nguyễn ra, nói với người khác
rằng: « Người này hơn ta » Từ đó ra kinh
trong quan huyện. Xưa, Lưu-huyền-Tá
trầy quan qua huyện nhà là Khuông-Thành,
muốn hầu quan như lễ một dân làng với
quan huyện nhưng quan từ chối mãi không
đám nhận. Lưu thỏ than lấy làm giận chề
là ngu hèn. (Tư-Mã) Tương-Như về đến
đã, Thục, quan huyện mang tên nó đi
trước, từ lấy làm đắc ý. Khi lượng con
người ta kẻ hơn người kém vẫn như thế.
Nhưng lại có kẻ vốn là quan cũ, giận
người ta không ở dưới mình, mới
hãm hạ người như Đỗ-Vinh-Du đối với
Tân-Khuông-Mưu. Ấy lại kém hơn nữa.

2) tức là tác giả truyện Kiết-tử lại viết ở đây là Lê-Vân-Duyệt.

Hoàng-Quyển hay khôi hài, Ngày làm
Tham biện Ninh-Bình qua phủ Hà-Thành (1)
(Hà-Tĩnh) nghỉ ở trạm gần phủ, lấy thẻ
phiên hỏi trạng viết mấy chữ lớn rằng: « Có
cơm rượu đơn tiên sinh xơi » 有酒食先生饌
Rồi bảo pho trạm cầm vào phủ. Quan
phủ thấy liền giết lợn làm cơm xơi Quyển
đến, quan phủ ra đón ngoài cổng phủ. Họ
vẫn chưa quen biết nhau. Ngồi xong quan
phủ ra trước lay, Quyển đứng dậy từ chối,
mời ngồi nói chuyện khi cơm xong ra.
Quyển cười rằng: « Ông chủ vì có khách
phải giết lợn ư? » Quan phủ từ tạ một
cách khiêm tốn. Đến khi từ giã, quan
phủ đưa ra đến ngoài thành, Quyển chào
bảo trả lại. Thấy quan phủ còn đứng
dâng chưa trở về, mời mời: « Quan phủ
có biết tôi là ai không? » Đáp: « Tôi là
kẻ bán sinh, xưa nay vẫn chưa được hầu
ngồi ». Quyển trả lời: « Tôi là Hoàng-
Quyển đây ». Rồi cười to lên mà từ biệt.
Phủ doãn Nguyễn-Công-Trứ giải bốn cợ
Lục làm Tuần vũ An-Giang (2) có lối bẻ
đòi về kinh, Lục đi qua Bình-Định có ghé
vào chùa viên, Huân đạo Tuy-Phước là m

1) nay là huyện Kỳ-Anh.
2) tức Bến-lưu và Trà-Vinh bây giờ.

cũng người Nghệ. Người hay ra chào hỏi
trò chuyện hỏi đi đâu lại. Nguyễn đáp là
người Nghệ làm Tri huyện trong Hà-Tiên
bị giáng về bổ ở ngoài. Ông Huân
lạ lùng nhìn hỏi: Ngai ở trong Nam
về sao biết họ Tuấn An-Giêng họ Nguyễn
có mặt ở ngoài không? Năm ngoài cậu còn
vào làm ngai, có ghé vào nhà tôi nghỉ
đêm, hơn năm nay về lại vào đây, sao đã
lâu chưa thấy? Nguyễn trả lời: Quan
Tuấn Nguyễn studi đã già gần đây đau yếu
lên, còn cậu con gái ngai mới đã lấy
mạnh ra bổ ở ngoài. Hôm sao, quan huyện
Tay-Bước ghé sang nơi ông Huân, người
này chớ thấy bạn khách, ông huyện sai
bụng bác mời. Đến khi sắp ra đi, Nguyễn
bảo ông Huân rằng: Thấy ông thốt thà
không nói với tôi, tôi là Nguyễn Công-Trứ
đây. Ông Huân vội vàng sụp lạy. Ông
Huyện nghe nói cũng tôi lấy chào Nguyễn
đứng dậy từ chối rồi mới cũng ngồi. Hai
ba lần mời mà họ vẫn không dám. Ông
tạ nói: «Lễ thường không biết nhau thì
không gọi với nhau. Lúc trước hai ông không
biết tôi mà còn mời với tôi, nay biết nhau
rồi, không ngồi sao được? Đoạn rồi qua
tỉnh, có viên huyện lại đi theo, thuật

chuyện với người đồng tòa ai cũng cười
cười.

Đời Lê, Nguyễn-Văn-Giải làm Thượng-thư
năm cả 6 bộ. Sau khi hết đang sớ rồi
kính phục chức, đi qua đàng Bồng-Bào (1)
người làng đàng trong họp. Nguyễn bản
áo tang nón lá đi qua. Ông ấy vốn là
quan Tỉnh-Tung dân rất tự kiêu bên ra
đoạt đương bắt tội vớ để. Nguyễn cũng từ
ta không biết lệ đàng cũ người ăn mặc
đồ tang đi qua. Sau rồi họ mới biết là
Nguyễn-văn-Giải bên rap tay xin lỗi. Xưa
nhà Tống có Đỗ-kỳ-Công tên là Đền khi
thời lễ tương về làng không hay đời mũi
mang đai. Một hôm ra ngồi ở quán Phố
Hà-Nam, bạn áo thâm đôi mũ thường, vừa
quan Phủ đi ra, hình bầu không biết đó
là Lê-Trung ngày trước, thấy không đứng
dậy chào, bên lên tiếng hỏi: «Tao họ
trước làm quan gì?» Đỗ đáp: «Sẽ
«Đỗ trong thư môn hạ Bình chương sự»
Châu-Quốc-Khả kể chuyện và chép lại việc
ấy, có nói: «Chỗ khách và chỗ tiệc không
quen biết nhau thì phải tự xử ra lỗi.»

1) tức là xã Bồng-thượng, phủ Quảng-Hóa (Thanh-hóa)

hà, không nên nói chuyện bậy và hỏi (tên họ người, vì sợ đối với con em người ta nói tên cha anh họ) có khi bị tai bay và bực đến mình.

Người đời xưa có nói: « Làm quan cũng tựa như đọc sách, còn chậm mới tốt ». Nguyễn-Trung-Mậu (1) ban đầu làm Tri huyện, đến 12 năm không được thăng, trong triều thì không quen ai cả. Sau khi được làm Viên ngoại lang bộ Hộ, không đầy 10 năm lên đến Chính khách. Người ta làm quan, kẻ nào người nào đã có định phận không nên có một tí gì ý riêng để tea cho mau. Ngô-Nhân-Tinh (2) làm Hiệp trấn Nghệ An, đến nhậm được một tuần, tình cờ qua trường đả tre gỗ, thấy tre chia làm hai đồng, bèn hỏi người thu tre vì sao? Người ấy thưa rằng: « Đồng này hàng tốt dùng được đã bao giờ, thu vào đó, còn đồng kia không dùng được nên loại bỏ ». Ông cười rằng: « May gọi phân biệt tre như cửa đàng góp lại nộp đày, không ai được loại cả. »

(1) Quê làng Văn Tập, Huyện Đông-bách Nghệ-an, đậu cử nhân năm 1807.

(2) Chính người Quảng-Đông sang ở Gia-Định, làm quan triều Gia-Long.

đực, tước ngạch người ấy. Từ đó các viên lại đều sợ không dám làm khó dễ để sách nhiễu nữa.

Bình-Thành-Bá nói lúc trước ông ở bộ Binh, một hôm đang trưa ngồi một mình ở công thự, có một người với tên đầy tớ đội một cái thùng tre vào, trong có ít món đồ chơi, tự nói đưa bán. Xem ra thì cái nào cũng rất tinh xảo. Trong mấy món đồ ấy, ông chỉ để ý có một cái nghiên. Hỏi giá thì người ấy nói: « Quan lớn vừa ý, xin ngài lấy dùng, giá nó cũng không bao lắm ». Hỏi lại thì nó bảo hai lượng. Ông toan gọi người nhà lấy bạc trả, trong bụng có ý ngờ về chỗ giá rẻ. Bỗng người ấy ngánh ra ngoài cửa, rồi có một người cầm đơn khúm nôm vào quý ở sân. Ông mới biết là tên lính xin người thế chân lập tức đi ra cả. Vài ngày sau trong buổi triều hội, thấy người nọ từ xa nhìn ông mỉm cười. Bình-Thành-Bá lại nói: « Cổ nhân sở dĩ cẩn thận từ cái vi-ân, cũng giống như việc này ».

Thiệu-Tri năm đầu (1841), tôi ở bộ Lễ xét việc năm kỳ mao đời Gia-Long (1819) trong giấy tờ cũ không thấy chép, nhân hỏi Hoàng-Đặng-Thận, Ông nói: « Đàng

thời tôi làm chức Tiền hiền, đến ngày 19
Thiên hoàng ra lệnh gọi các hiền minh năm
nghe lâu Doan-Môn đánh trống. Sáng hôm
sau, bày đồ lễ bệ hương, ngài lễ triều đình
bồi đãi hội mới biết ngay các quan tể
khạo, chế độ. Tuy việc làm lần đầu mà
trần có thu tự, rồi sau đó làm tới một
năm, đầu đời Thiên-Trị, Hiến-TĐ, Chương
Hoàng đế là ngài làm lễ yết miếu xong,
sai quan đầu hồ tìm diển cũ vua trước.
Tìm đến vài tảng đá cũng hỏng không
cái việc gì, quỉm vào yết. Hơn một tuần
sau, bỗng tra lại giấy cũ được bản văn
gáo chú và chú thích nghi lễ. Mọi việc
bắt đầu việc gì, phải cho rõ ràng kỹ
lưỡng, chớ có khinh xuất nghe người
ta nói. Một năm trước, trấn Nghệ-An sửa lại sổ bộ,
có một làng gọi là làng Văn-Thai, quan
Trần nghe nói đóng dân bắt thêm diển,
thêm tí không cho, phải thêm theo số đã
đi rồi. Giám tra đến mấy ngày, lý trưởng
làng ấy chịu không nổi, mới lấy những
chữ như: nguyên, ban, lợi, triêu, nhân,
nghĩa, lễ, trị, làm tên, trước bày vào sổ.
Nộp xong rồi người làng hèn dặc nhau
đi trốn, đến nay chưa phục hồi.

Phủ Hà Thanh năm xưa, có một dân
mang. Nguyên chức dịch làng kia tên cáo
vợ lính, hồ biển (1) rằng làng đó có một
người thông với giặc. Cả đêm lính coi
học bắt giải về. Đọc đường, báo tể
nó chết. Hồ biển sợ hèn dân coi thấy cho
có thương tích rồi, tể báo phủ, nói nó
chống cự quân lính, bị thương nặng, mà
chết. Quan phủ sai viên Lại tới khám
biện, thấy chết ấy có 8, 9 vết thương,
có dấu tri mạng. Đưa con gái người chết
kiến rằng cha nó không có tội gì, bị
lý dịch dẫn hồ biển về bắt cáo trời đất
chết. Tra người chết khai trước chưa
từng can án, lý trưởng bắt tội bọn hồ biển,
nhưng vì nó bị hương đảng ghét nên cứ
dùng đảng chữa làm án. Để mãi cho
đến khi Tri phủ Dương-Vân-Kiều xét tiếp
án ấy cũng lấy làm nghi, bèn hồ đưa
con gái người chết dâng. « Họ đã
đam cha mấy giải về, thì sai người gánh
hay bắt đi bỏ? » Nó đáp: « Đi bỏ ».
Lại hỏi: « Đọc đường nó có cho cha mấy
ăn nống gì không? » — « Tôi cho cha tôi
ăn ». Ông bèn đòi bọn hồ biển cất vãn

1) lính đi bắt như lối cảnh sát, tuần thành
bây giờ.

rằng: « Nó đã bị thương nhiều, hà lẽ nào lại đi bộ được ». Bồ-đhiên cũng hống phải thò thiệt. Lại hỏi: « Sau khi ăn rồi nó làm bộ dạng thế nào mà chết? ». Đáp: « Nó oẹ mửa một chốc rồi chết ». Bèn tra lại, quả nó bị trúng độc và chết rồi mới bị thương, ăn ấy mới rõ.

Hồ-Thức-Tướng làm Tri châu Bồ-Chính có cái án giết người, hung phạm trốn mất không bắt được. Hồ lo sợ thuê người đi tìm. Người ấy đi theo thuyền buôn tỉnh cờ vào Hà-Tiên, đêm ngủ ở quán, chiêm bao thấy có người báo cho rằng: « Cái đứa mà mày tìm nay nó bện áo đen đang ngồi trên bờ sông một bên thuyền ». Giật mình tỉnh dậy, quả thấy có người bện áo đen đang sửa thuyền cho người ta. Bắt thì đúng.

Hiệp biện họ Hà có nói khi ông ta làm Tri phủ Hoảng-Yên (1) có khám một cái án giết người. Tên giặc đã chịu thú hết cả. Đưa cây đao giết người ra mài sáng rửa sạch bả nó chỉ vào chỗ có rây máu giết người, theo phép nung đỏ lên rưới giấm vào thì máu tươi theo chỗ đó phun

1) Có lẽ là phủ Hoảng Tri thuộc tỉnh Vĩnh-Long.

ra. Tên giặc cúi đầu nói rằng: « Nay mới biết có đao trời. Đây không phải chính cây đao giết người, chẳng qua noi lão đề mong nó đừng nghiệm, may ra mà khỏi tội. Nay đã như thế thì chết còn chối gì nữa ». Nó lại thò chỉ đích thiệt cây đao giết. Đem ra thì nghiệm cũng như thế.

Trong năm Mi h-Mệnh tỉnh Hưng-Yên có tên dân thưa rằng đứa con nó làm thuê cho người bị giết chết. Đến khi tra người chủ thuê thì nó tự thú là đánh chết rồi quăng thây xuống sông. Lại tra những người khiêng thây và những kẻ đồng cư thì chúng đều nhận như thế, chỉ có cái thây không thấy nổi, cho là theo dòng trôi mất. Ân đã tư lên bộ, bộ cũng y, nhưng chưa thi hành. Người chủ thuê bồng cho người vào kinh kêu oan. Bộ bèn tư ra xét lại. Quan tỉnh không biết vì dân sinh xuất việc ấy, bèn đòi chủ thuê ra hỏi lại. Nó thưa rằng có đánh và la dầy tờ chứ không giết, chỉ vì không thể tự mình biện lẽ được, cho nên phải nhận liền. Sở dĩ kêu tới bộ là để xin khoan hạn cho một tuần. Bèn bắt đi tìm, sau quả kiếm được đứa ấy

đang trốn làm đũa ở giữ voi ở Nam-Định.

Tỉnh Gia-Định có cái án án cướp liên can đến một tên tẩn binh (1) là đồng loã với cướp. Bất tra thì tên lính thú hết. Án bỏ đũa y, tư ra sắp hành hình, nó mới van khóc kêu oan, bên tra hỏi lại thì ra nguyên nó thuê một người khác, đổi tên mình đi thay. (một tên trong) bọn cướp ở tẩn ấy là người nó thuê. Lúc đầu nó không biết tôi thuê người (đi lính thay) với tôi ăn cướp năng nhẹ thế nào, vì ngon roi tra khảo bức bách, nên phải nhân ân.

Nguyễn-văn-Hiến làm Lang trung bộ Hình bị đau, trong lúc hoảng hốt thường thấy có ba người đới mang. Lâm lễ ký yêu mãi không thôi, sau không dạy được.

Năm bình-thần đời Minh-Mệnh năm (1836) có Thống chế Hồ-văn-Khue làm Đê đốc tàu biêu chưa về. Một hôm có họ Hà làm quan ở bộ Công nói khi đêm chiêm bao thấy ông Hồ xưa tóc chạy vào nhà ông Hà có ý với vàng, thờ mãi không thôi, nói bị Trinh-Đường đuổi bắt nhờ

1) lính đóng ở đồn coi giữ ngã sông.

cứu với. Vài ngày sau, tên ấy bị tố, Hồ cũng bị chết đuối. Việc này cũng giống với việc Điền-Đậu chép ở Sử-ký (tàu).

Xử việc có cái rất khó hiểu rõ. Ngày trước tôi ở Quảng-Ngãi có dân xã nộp một tên phạm án trộm, và xét nhà nó được một cái ấn bằng gỗ khắc bốn chữ «đốc chiến hành sự» Tra thì chữ xưng nó là một đũa ăn trộm đã lâu, còn cái ấn thì chung quy nó không chịu nhận. Cách một tuần có xóm bên cạnh xã ấy, đưa một người dân hà góa tôi. Người dân hà ấy tự khai là cha nó trước theo nhà Ngụy Tây-Sơn làm chức Đốc chiến, cái ấn ấy là của nhà nó bị mất trộm. Trong bụng vẫn biết là không phải, nhưng cũng nghe cho.

Xã Đông-Lỗ có ông Tú Trương-Xuân, Dục có biết môn học xem sao. Tháng 8 năm át đầu đời Minh-Mệnh (1825), sao Chổi mọc ở giữa sao Tất sao Sâm. Sau một tuần tôi cùng ông ta ngồi cả đêm, nhân hỏi sao Chổi đến kỳ nào thì mất và ứng vào việc gì? Ông đáp: «Độ 80 ngày nữa nó đi đến phía bắc sao Thiên-cương thì mất. Không đầy ba năm thì Vạn-Tượng bị mất nước, tỉnh Nghệ-An bị khổn về sự

bất linh ». Sau rồi quả đúng, Ông Trương mất rồi, hỏi người trong huyện thì không một ai biết cả. Hoặc giả nghề thuật số, bị người ta khinh bỉ, và tục hay kỵ huy, vì phỏng có kẻ biết chẳng nữa, không những không chịu nói mà còn không dám nói. (Mùa xuân năm canh thìn đời Minh-Mệnh (1820), Trương và tôi nhân gặp Nguyễn-Nghi-Trong là người đồng huyện cùng ngồi. Trương nói : « Sắp có dịch lớn » Hỏi ông sao mà biết thì đáp : « Trong gò lớn chưa thấy sáng giáp giới bói thường ». Nguyễn bảo : « Ông biết gì được việc trên trời ». Lúc bấy giờ tôi còn ít tuổi không hiểu ra sao. Sau cũng quả nhiên như vậy »

Khoảng năm Minh-Mệnh ở tỉnh nọ có Án-sát (mổ) tâu vua xin bắt cắt cổ những tên phạm tội giảo. Có Bồ chính (mổ) cũng tâu rằng con cháu nhà Lê thác vào ở tỉnh có nhiều kẻ trốn mất. Xin thứ xâu tai để tiện sự tra hỏi. Họ đều bị Hoàng thượng cả mạng không cho. Người tỉnh Quảng-Nam mới đem tên họ hai người ấy đối nhau có câu : « Xâu tai là ông Bồ... cắt cổ là ông Án... » Sau ông Án nọ bị tội, chết ở ngục. Trần-Sùng dạy con xử án phải nhẹ tay, còn Án-Dương Sùng-Công

lại vì đưa tù cầu cho nó được sống. Người nhà đức dung tâm như thế.

Cuối nhà Lê có một ông Cử tới đến Chân-Vũ để cầu mà năm mộng không thấy gì. Hôm sau toan đi, nhân năm nghỉ ở quán thấy một người đàn bà khá đẹp bèn thông dâm với, rồi không đi nữa mà trở về nhà. Đêm nằm chiêm bao thấy thần đáp ở trên vai mà bảo : « Ông Tiến-sĩ mới! sao không nghĩ đến sự nối dõi à? » Khoa ấy ông Cử đậu Tiến-sĩ làm đến chức Trấn, sau mất không có con.

...
...
...



CHƯƠNG III

Vật Loại

Sách Vật lý luận (1) có nói: « Ba loại
đạo, lương, thực có đến 20 thứ ». Nước
ta loại lúa (đạo) có rất nhiều thứ, có
thứ tế có thứ nếp. Từ Bình-Định ra bắc
loại no hai mùa tháng 5 tháng 10 khác nhau.
Lúa tháng 5 thì mùa thu vãi giống, mùa
đông cấy, đến xuân hạ thì lúa chín. Ở
Bắc-kỳ có khi mùa đông bắc mạ, mùa
xuân cấy, cũng đến hạ thì chín. Lúa
tháng 10 thì mùa hạ bắc mạ, mùa thu
cấy, đầu mùa đông thì chín. Tỉnh Quảng-
Nam, Quảng-Ngãi lại có thứ lúa trĩ (trí
đạo) tháng 8 tháng 9 cấy, cuối đông thì
chín. Nam-kỳ chỉ có một mùa, hạ cấy

1) Có lẽ là sách Vật lý tiền thư của Phương-Đi-Trì đời Minh soạn.

...
...
...



...
...
...

đóng gặt. Tỉnh Phú-Yên, Khánh-Hòa ruộng xen vào khe núi, bốn mùa đều bắc mạ và cấy được, lúa kế tiếp chín, chắc cũng không ra ngoài 20 thừ vậy. Kê, bắp (tương) có thừ kê vàng kê trắng có taur bắp to bắp nhỏ. *Kê vàng* (hoàng lương) to nhỏ có hai thừ: thừ to thì bông dai, lòng nhiều, rất dẻo; thừ nhỏ thì bông ngắn lòng thưa không dẻo bằng thừ kia xứ nào cũng có. *Kê trắng* (bạch lương) giống như thừ kê vàng nhỏ. Tỉnh Nghệ-An, Cao-Băng đều có. *Bắp to* (đai mạch) sản xuất ở Lang-Son, so với thừ *bắp nhỏ* (tiểu mạch) mà các xứ hay trồng thì nó chỉ có rất ít, người ta không dùng làm lương thực. Loài đậu (thức) có 10 thừ: *Taur hoàng dai đậu* cây không cao lắm, lá có nhiều lông, hoa vàng mà nhỏ, vỏ kín mà bẹp, dài chừng một tấc, tục gọi là *đậu nành*, dùng để làm tương, thừ *hắc dai đậu* cây giầy, lá hơi lươn, hoa biếc, vỏ tròn dài 5, 6 tấc, thừ *xích dai đậu* giống thừ đen mà hoa thì đen thẫm, hai thừ này tục gọi là *đậu đũa*, có rất ít; thừ *bạch dai đậu* lại gọi là *đậu quăng*, cây giầy bò lan, hơi ngắn, hoa vàng, vỏ dài 4, 5 tấc, hạt tròn lớn mà trắng; thừ *hắc liêu đậu* giống

hắc dai đậu mà nhỏ; thừ *xích liêu đậu* cũng giống xích dai đậu mà nhỏ; thừ *đậu xanh*, cây là giống hoàng dai đậu mà nhanh, thưa, lá rộng, hoa trắng, vỏ dài hơn hai tấc khi non thì xanh, khi chín thì đen, hạt có thừ to thừ nhỏ, to thì thiệt xanh, nhỏ thì xanh thẫm, người ta trồng rất nhiều, hệ sản bột làm bánh ngấm gia đều dùng nó cũ; thừ *đậu gạo bạc* giống bạch dai đậu mà nhỏ, hơn; thừ *đậu đen mảy* giống đậu gạo bạc mà hoa diềm xanh biếc, giữa đùn hạt thì đen; thừ *đậu ván tục biền đậu* hạt có thừ đen thừ trắng mỗi sắc giầy và lá đều có một thừ to thừ nhỏ, to thì hoa xanh biếc, nhỏ thì hoa trắng; thừ *đậu đao* cây giầy bò lan, hoa lá rậm rạp, hoa biếc vỏ dài 7, 8 tấc, rộng hơn một dắc, hạt bẹp mà to như vỏ hến, các thừ đậu lấy từ Thừa-Thiên ra bắc, mùa xuân (trị), mùa hạ chín, vắng to thì khó; từ Quảng-Nam cho đến Bình-Thuận thì đông (trị), xuân chín, hệ thì khó; ở Nam-kỳ lại thu (trị), đông và đầu xuân thì chín, xuân già thì khó. Chỉ có *đậu ván*, *đậu đao* thường nằm ở trên cây không khô, từ thời đều có trái cả. Thừ *xích đậu* lại có một giống ở mọi phía tây

(tây phiến) đưa về, cây gậy, lộc và lá đều nhỏ, hạt rất bé.

Định-Tường, An-Giang và Cao-Mên có một thứ *thủy đạo* tục gọi là *lúa ma*, mọc ở các nhánh sông chầm nước tùy nước mà dài không phải vãi cấy gì cả, chỗ nước sâu cây lúa có thứ dài đến 6, 7 thước, hạt nhỏ mà dài, râu dài hơn một tấc, khoảng thu đông thì chín, người ta chổng thuyền con, dùng gậy đập ở đầu bông cho hạt rụng vào trong thuyền rồi dựng vào sọt ngâm xuống nước vài đêm, vớt lên lại dùng gậy đập cho rụng râu đi, rồi mới phơi khô. Sắc gạo đỏ, nấu cơm ăn thì cứng. Nhà đói và năm mất mùa thì đi lấy nó. Những cây còn sót, hạt nó rụng xuống bùn sang năm sau lại mọc.

Vương-Hội (1) bảo thứ đậu mọi (nhưng thực) là ở Sơn - Nhung (2) Sách Nhĩ Nhã (3) : «*húc, a đậu mọi*» Sách Quân-Tử (4) : «*Hoàn-*

1) Người đời Tống (x. trước).

2) Họ phía bắc nước Tàu xưa. 3) tên sách nói về vật loại, rất cổ của Tàu, tương truyền của Chu-Công soạn ra, môn phái họ Khổng sửa lại, nhà nho đời Hán thêm vào. 4) hệ sách phần nhiều nói về kinh tế của Quân-Trọng đời Xuân-Thu.

Công (1) đánh Sơn-Nhung truyền giống đậu mọi cho thiên hạ » Quách-Phác bảo đây là thứ *dại đậu*. Sách Bản-thảo (2) bảo là thứ *thanh-đậu*. Nước ta loài đậu cũng nhiều mà không có thứ thanh đậu ấy. Năm gần đây có người đi sứ Tàu mang giống nó về. Hạt nó giống như thứ hoang dại đậu mà sắc lại xanh, trồng ra không được tốt. Ý giả giống này vốn ở Sơn-Nhung trồng về đất ta không chịu được nắng nóng.

Lúa bắp (*ngọc-thạch mạch*) có vàng trắng hai thứ, lại có thứ 5 sắc lẫn lộn : thứ 5 sắc thì dẻo, thứ trắng cũng có tế nếp tương tự như lúa, nhưng thứ nếp không nên cấy lại ở chỗ khác. Hễ tria hạt về đầu tháng thì bông nó cả đầu liền đuôi đều mập và dài, mà hạt lòi ra ngoài đầu vỏ ; tria về giữa tháng, thì cũng mập và đủ hạt mà dãn dần hạt không lòi ra ngoài ; tria về cuối tháng thì được hai phần (ba) mà dãn dần thì gãy không thành hạt.

1) tức Tề-Hoàn-Công bá chủ đời Xuân-Thu.

2) Sách nói đến 365 vị thuốc tương truyền của vua Thần-Nông soạn, kỹ thuật làm đậu vào khoảng Hậu-Hán.

Sách Tề dân yển thuật (1) : « thứ ngũ cốc
vãi về đầu tháng thì được hơn cả, giữa
tháng thì vừa vừa còn cuối tháng thì được
ít ». Sách Tái thu (trồng cây) : « Hễ trồng
cây nên trồng trước rằm, trồng sau rằm
thì ít trái ». Cái ấy cũng có kinh nghiệm.

Hễ lúa *bắc trang* (2) đủ 60 ngày thì có
đốt (mạ ống), cây không tốt nữa. Chỉ Nam
định, Ních-binh và ở Nam-kỳ đất rất tốt
cắt gốc đi chỉ để đốt no mà cây cũng tốt
và cũng có hạt, nhưng không « được » cho
lắm.

Hễ những ruộng cấy lúa, sau một đêm
nước trong thì được mùa, được mãi thì
mất. Sau khi gặt rồi vỏ lúa và lòng dai
mà không rụng và khi sấy phơi dính vào
thùng và đầu thì mùa sau chắc được. Nếu
vỏ lúa sang trơn, không dính vào các đồ
dùng ấy, thì mùa sau ít mất. Chó ăn lúa
mèo ăn cám đều là cái triệu mất mùa.
Nhà nông từng lấy làm nghiệm.

Cam như, tục gọi *củ lang*. Nhà nông

1) của Giả-tư-Hiệp đời Hậu-Nguy soạn, gồm 92
thiếp, toàn nói về nông học.

2) tức bắc rớt, lúa, để mọc ruộng, rồi vãi trên
lũng bùn ướt.

trồng nó để dõ vào lúa, lợi nó rất nhiều
Vỏ nó chia ra hai thứ đỏ và trắng,
Thứ vỏ trắng lại chia làm hai : một thứ
lá chẻ mà nhọn có nhiều rìa, củ hơi nhỏ
vỏ có vân ngang, thịt rất trắng, chật và
nhiều bột ; một thứ lá tròn cũng chẻ ra
nhọn mà không rìa, củ to, vỏ vân nhỏ
thịt hơi nhão, giống thứ khoai đỏ vỏ. Sách
Lĩnh Nam Tập Kỳ : « loại *phiên thực* có
hai thứ đỏ và trắng ». Chính là nó vậy
Sách Thảo mộc trang của Kê-Hàm (1) « vỏ
tía thịt trắng » và sách Thực vật bản thảo
« vỏ đỏ » ấy là chỉ nói thứ khoai vỏ đỏ
mà thôi. Hễ trồng khoai lang, ba tháng thì
có củ tạm ăn được, đến năm tháng nó
mới sinh nở nhiều.

Sách Vân đài loại ngữ (2) : « Thứ *hoàng
độc* ở Thanh-Hóa, tục gọi là *củ cáo* »
Xét từ Nghệ-An vào nam, tục gọi là *khעי
vạc*, cũng là khoai này. Củ củ dài một
thước năm, thước sáu mà thẳng thì gọi
là *khoai ná*, cong như ngà voi thì gọi là
khoai ngà hình bẹp, ngắn, đầu củ thì

1) tức là sách NAM PHƯƠNG THẢO MỘC TRANG
gồm có 3 quyển. Tác giả là người đời Tấn.

2) của Lê-Quý-Đôn.

súc sùi, thì gọi là *khoai cảnh tiên*, như củ phục linh vỏ rất tía, thì gọi là *khoai tía*. Các thứ khoai ấy đều ở vào khoảng tháng hai, tháng ba cấy củ mà trồng, đến tháng chạp thì bới mà nấu ăn. Thứ khoai tía thịt chắt mà vị lại có ngon hơn. Lại có một thứ nữa, mầm cao vài thước, không có lá bỏ lạc ra, giống như dưa chuột mà tròn, tục gọi là *khoai đi* 薯 củ tròn, lá vàng, thịt trắng vị như khoai môn, thứ này lợi không bao lắm, nếu là ít trồng.

Vụ tục gọi là *khoai môn*, có vài thứ: thứ tía lại có tên là *khoai sấp*. Cây là và vỏ đều tía, cây cao vài thước, củ dài bốn năm tấc, có mọc ảnh con thịt vàng như sấp rất bở vị, người đi lý ăn nó nhiều khi khỏi. Lại có thứ gọi là *khoai sọ*, cây ở hơi ngả và nhỏ, thịt trắng, già thành bột làm bánh rất ngon. Hai thứ ấy trồng ở ruộng khô. Có thứ đỏ gọi là *môn hành* giống như khoai sấp mà cây là đều xanh, bẹ đỏ, rễ và vỏ đỏ, thịt trắng thứ trắng có tên là *môn tròn*, lại có tên là *môn khôi*, lá tròn, lá và cây đều xanh ảnh còn bỏ lan. Có thứ tên là *môn áp* trên lá có điểm tía, ảnh con phụ với củ nhỏ mà trắng, đều trồng ở ruộng nước.

Sách của Phiếm-Thắng-Chi (1): « có thứ môn khô (*hạn vu*) và môn nước (*thủy vu*) ». Có lẽ là loài này. Hễ trồng môn phải dày năm mới bới được. Thứ môn nước cũng ăn dỡ vào gạo, lợi gần bằng khoai lang. Môn ở hai xứ Gia-Lâm, Đông-Tà (Bắc-Ninh) là hơn cả. Lấy cả cây nấu canh rất thơm và mềm, vào miệng thì tan ngay. (Xét môn cũng có tên là *thỏ chí*, lại có tên là *cốt đố* tức là thứ mà Lãn-Tân (2) dùng phan trần khô nướng ăn. Đó là thấy ở sách Lâm tụy sơn gia thanh cũng).

Sách Chiêm thư: « Muốn biết ngũ cốc được hay má thì chỉ xem 5 giống trái nhiều hay ít ». Trong 5 giống trái có trái lật chủ về lúa, nghề nông nước ta lấy lúa làm chủ mà đất lại có lật. Tục lấy chuối bới để xen lúa tháng mười được hay mất rất có kinh nghiệm. Dầu ruộng

1) người Tàu làm quan Nghị lang đời Hán. Thành-Đế 32-7 tr.J. giỏi về nghề nông có làm một quyển sách 18 thiên, được nhiều kẻ chuộng

2) tên hiệu Minh-Toán Thiền sư, tinh nhắc mà tên nên lấy hiệu là Lãn-tân. Lý Bí lấy làm lạ tới thăm, thấy sư đang bươi lửa lấy môn nướng ra ăn, bẻ một nửa cho Bí mà rằng: « Đừng nói nhiều, âm lấy mười năm Tề-Tướng » (Tứ nguyên)

cuối ruộng đều đầy thịnh thì tháng mười
lúa sớm lúa muộn đều được. Nhiều trái
đầu ruộng thì được lúa sớm, giữa ruộng
thì được lúa giữa, cuối ruộng thì được
lúa muộn. Nếu đầu và cuối đều gầy thì
mất mùa to.

Loài chuối, ông Quế-Đường gộp kể cũng
khá nhiều (1) *Chuối quế* (quế tiêu) này
giờ chưa từng nghe. Ý giả *chuối cam*,
chuối cau. Chỉ nơi những thứ sản xuất ở
Hà-Tiên có khi cũng chưa hết vậy. Chuối
cau ở Nam kỳ rất nhiều, bây giờ các xứ
cũng có, to bằng trái cau, dài hơn hai
tấc. Các thứ chuối khác ngoài vỏ đều có
cành, chín thì bay bầy, chỉ thứ này vỏ
đều non thì xanh luộc, chín thì vàng đỏ
thịt đỏ mà trệt, để được một tuần mới
có dấu lấm chấm như ốc tía mà không
bầy, rất ngọt thơm, hơn cả trong các thứ
chuối.

Các thứ trái như mít (ba-la-mật), xoài
(am la) vải (lệ chi), đào (đào), mận (lý),
dứa hoặc thơm (hách nhãn lè) đều chín
về mùa hạ; nhãn (long nhãn) hồng (thì),
bưởi (đu), đều chín về mùa thu; cam

1) chép trong Văn Đai Losi Ngữ

(cam), quýt (quất), thanh yên (câu duyên)
đều chín về mùa đông. Chỉ có chuối thì
bốn mùa đều chín, dựng vào mâm thì nó
hơn cả, nhưng vì nó dễ sinh trường nên
người ta không quý cho lắm. Chính chữ
sách Thảo mộc trang nói: cây *thủy tùng*
(1) Người Nam không hay đeo chữ người
Linh bắc rất ưa.

Mít sản xuất ở bờ khe miệt Đường
Hào (Hải-Dương) trái không to lắm, bằng
hai nắm tay, thịt chỉ được một múi,
trong có một hạt mà vị rất ngon.

Hồng ở Bắc-Ninh, Hải-Dương, Nam-Định
tục gọi *hồng móng* đều ngon. Từ Thanh-
Hóa trở về thì không bằng.

Sách Quảng dư: « Am la tục gọi là
huong cái là cực phẩm trong các trái ». Nay
thấy to nhỏ hai thứ, cây đều cao
lớn; thứ to vị rất ngon ngọt, tục gọi là
xoài tượng, từ Bình-Định trở về rất nhiều.
Bình-Định, Phú-yên phải cống vua, Quảng-
Nam, Thừa-Thiên cũng có mà ít. Từ
Quảng-Trị ra bắc cũng trồng mà ít có
trái. Thứ nhỏ thì vị đã chua, rất thanh
mà thơm, gọt vỏ nó rời hơn một canh

1) 1 loại gỗ thơm không rõ là cây gì.

mà tay còn người thấy thơm, tục gọi là xoài cơm, lại gọi là xoài muôm, từ Thừa-Thiên trở về rất nhiều. Quảng-Binh ra bắc cũng có mà ít. Lại có thứ sơn trà, cũng là loài xoài, nhánh và lá đều nhỏ, trái nhỏ hơn xoài muôm, ở Hà-Tiên thì rất ngọt mà thơm, ở Quảng-Binh ra bắc thơm mà rất chua.

Vĩnh-Long, Biên-Hòa có trái măng cụt cây cao đến vài trượng, nhánh lá giống cây vải mà thô, trái to như chén uống rượu, vỏ dày non thì xanh, chín thì tím, thịt trắng, có khía, hạt nhỏ mà mềm vị không thua xoài, nhưng thịt hay có troi. Ở Biên Hòa vị ngon hơn, cũng có tên là thỏ lỳ. Xét sách Quảng dư chép rằng: « Xoài ở Hà-nói gọi là hương cái, ở Chân-Lạp gọi như trên (măng cụt) là nó như lá cây mạn (lỳ) ». Kỳ thực thì lá xoài khác hơn là mạn nhiều. Hoặc giả nghe nói hay cây ấy giống nhau, nhân chép vào chăng?

Trái hám lăm, có tên là trái trung gián, tục gọi là trái ca na 哥那 lại gọi là trái trám rất hay tiêu thực. Trái tro (bồ quỳ) cũng ăn được, cũng giống trám nhưng thịt nó xơ, vị hơi lạt.

Cây sa kê, cao hơn một trượng, lết như lá thu đủ (mộc qua) mà dày hơn, đầu nhánh mập rậm, nhiều bông, trái như trái mít, vị béo nấu với thịt lợn ăn ngon.

Sách Lĩnh biểu lục dị (1): « Xứ Quảng-Châu không có cây lạt, chỉ xứ Cần-Châu trong núi có thứ thạch lạt trái nó một năm mới chín, vỏ dày mà thịt ít vị tựa như hồ đào nhân ». Sách Thảo mộc trạng: « Cây thạch lạt sinh ở Nhật-Nam. Thứ ấy nay tục gọi là trái trám ~~đ~~ sinh trong núi, cây nó không phải giầy cũng không phải cây, vị chính là vị hồ đào nhân, ngoài vỏ có lông, chùi không sạch ăn nó đâm vào miệng.

Bài phú Thục đồ có nói: « có thứ bột cây quang lang », và chú rằng: « nó sản xuất ở Cửu-Châu, Giao-Chi ». Sách Lĩnh biểu lục dị: « cây quang lang nhánh và lá đều nhiều mà rậm hơi khác với cây táo, cây cau (tân lang), dưới lá có râu tựa đuôi ngựa. Người Quảng-(Châu) hái nó để dẹt hẳn tay và làm giầy neo, vỏ

1) Gồm có ba quyển, của Lưu-Tuân đời Đường soạn, nói kỹ về động, thực vật.

trái nó có phần như bột có thể làm bánh
ăn. Câu này tức tức gọi là *cây hoác*
栲 (1). Lá như lá cau, vỏ như da cây
móc (*linh lư*) người ta cũng lấy vỏ nó để
may nón và buộc đồ đạc. Trỏ buồng kết
trái đều như móc, trái nó nấu ăn được,
người ta hái trái làm bột gọi là bột hoác.
Lại có một loài nữa, cây và lá giống
hoác mà nhỏ, bột ở trong vỏ, trong núi
tỉnh Sơn-Tây có.

Cây *thiên tuế* gốc và thân cây thấp ngắn,
lớn chôn như cục gi, lá như lá cau mà
nhỏ, cứng, mọc xung quanh đầu cây, trái
hàng năm không rụng, cây cũng làm bột
được, trỏ buồng kết trái cũng giống móc,
trái bằng ngón tay cái, nấu ăn vị cũng
như lật. Sách Thảo mộc trạng nói : « Thiên
tuế có giấy lan ra đất, trái ở dưới gốc
rán sắc lục, giao kết lại như dẹt, một
chùm có hơn vài trăm trái, sắc vỏ thì
xanh vàng, trong có thịt như lật, vị cũng
như thế. Khô thì vỏ và thịt rời nhau,
lúc lắc có tiếng như bột nhục đậu khấu.
Sinh ở Giao-Chi » là chỉ cây này. Nhưng
xét cái thuyết nói, cây giấy lan và rần

1) Đại-Nam Nhất Thống Chí chép tên hạt tướng
hay hạt bàng.

sắc lục thì lại không biết là thế nào?
Lại xét sách Uyên giám (1), bài ký Nghi
đồ sơn xuyên của Viên-Tùng-Sơn nói:
« Núi Hằng có thứ cây có trái, người ta
không hề thấy nó hủ nát, tên là thiên
tuế, lá như lá táo, sắc như sắc cây dâu,
mùa đông cũng xanh, cứng cáp, ít mất ».
Đáng chừng lại biệt làm một loài khác.

Cây *bối đa* sinh ra ở Nam-Kỳ, cây như
cây dứa (da) lá như lá-trơ (bồ-qui) mà đây
tục gọi là cây *thốt lốt*. Người nước Cao-
Mên lấy lá nó viết kinh Phật rồi lấy giấy
đóng lại. Ở giữa các lá trỏ buồng nở hoa
vàng, kết trái, tròn to như dứa, vỏ trơn
không có dún, cũng không có xơ, vỏ vàng
mỏng mà mềm, nước và mù cũng như
dứa mà lạnh hơn, ăn vào bị đông-phong.
Người Cao-mên lấy nước và trái nó, khi
chùm non mới trỏ ra, cắt đầu ngọn mà
bắt quýt xuống, lấy đồ hứng mù nó nấu
lên thành đường, sắc vàng đồng cục, kém
thua đường mía. Xét sách Đậu dương tạp
trợ (2) : « Cây *bối đa* dài đến 6, 7 trượng
mùa đông không tàn, có ba thứ : 1) đá la

1) tức Uyên giám loại hàm, thuộc loại bách khoa
450 quyển, do vua Khang-Hi sai soạn.

2) của Đoàn-Thành-Thức đời Đường soạn gồm
có hai ba chục quyển.

bà lục soa bối đa 2 đa lê bà lục soa bối đa, 3 bộ trà bà lục soa bối đa. Bối đa Tàu dịch là lá; bà lục soa Tàu dịch là cây. « Sách Tây vực kinh (1) : « nếu biết quý trọng giữ gìn nó thì cũng sống được 5, 6 trăm năm ». Sách Phiên thích danh nghĩa (2) : « Hình như cây móc, rất cao dài 8, 9, 10 trượng hoa như hạt gạo vàng. « Sách Đại nghiệp thập di của Đỗ-Thực (3) : « Lá dài thước năm thước sáu, rộng 5 tấc : « Sách Minh nhất thống chí : « Nước Diên điển có thứ cây trên đầu rậm, lấy mù ngao làm đường trắng, lá tức là lá bối, nước bọ dùng làm sách để viết » là cây này. Năm gần đây, Nguyễn-vân-Thanh ở sông Cửu-Long về có được một quyển sách nước Diên, cũng dùng lá ấy. Sách Loại hãm, thiên Thủ Quảng-Châu ký : « như cây ti-ba mà tròn nhẵn, dấp dơi ánh trời, nhánh nó cách dầy 4, 5 trượng, có rễ thông xuống, rụng đất thì dần dần lớn như nhánh cây, một cây cũng có được vài

1) tức Tây-Vực-ký, bản du ký của sư Huyền-Trang đời Đường.

2) như Phật học từ điển, của sư đời Tống là Pháp-Vân soạn lối 20 quyển.

3) có tên là Nam bộ yêu hoa lục, không rõ tác giả.

mươi rễ như thế, đều như gỗ cá, hoa trắng, trái không ăn được. « tục gọi bằng cây da; Bắc-Kỳ gọi là cây đa. Lá mềm không viết được cũng tức là cây dung. »

Cam đường (dĩ cam) sinh ở Hải-Dương lối hơn, ở Thanh-Hóa thứ hai đều phải công vụ. Đưa trồng ở xứ khác thì vụng dơ.

Bưởi (đu), phiên đào, thỏ nai (tục gọi bằng trái chay từ huyện Bình-Chính ra biển trong vườn tược trồng nhiều) đều có trắng đỏ hai thứ: trắng ngọt, đỏ chua.

Cà có nhiều thứ: thứ vú trâu, to bằng ngón tay cái, da xanh luộc (tục gọi là cá vú chấu; to bằng ngón tay mà tròn da trắng, tục gọi là cá pháo. Hai thứ ấy chum sây. To bằng nắm tay con nít mà bẹp, hơi có khĩa, da hoặc trắng hoặc đỏ, hoặc đầu xanh bụng trắng, tục gọi là cá dĩa. Những thứ ấy ăn sống, ăn nấu và muối đều được cả. To bằng chén uống rượu, dài độ vài tấc, da tím thịt mềm, tục gọi là cá dài để ăn nấu hoặc ăn nướng chứ không muối. Trái bằng ngón tay, tròn vin, non thì xanh, chín thì đỏ, vị chua là khuyết vô lõi ra, cây yếu mà bỏ lao, tục gọi là cá chua, chỉ nấu canh cá thịt. Các thứ cá ấy đều trồng vào khoảng đồng,

xuân, giữa hè thì khô. Duy thứ cá pháo lại có một loại nữa tròn như viên đạn, tròn không sây, hết thu cũng không khô, từ thời đều có trái, trồng một lần ăn được ba năm hay năm năm tục gọi là cá bắc đầu, trong các loài cá thì nó hơn cả. Sách Thảo mộc trang : « trong vườn trồng cá, để gốc lại ba hay năm năm, cây và cành cao lên lần lần rồi thành cây lớn. » Tức là thứ ấy. Những nhà làm ruộng lấy sự trừ và muối cá làm chủ.

Sách Thảo mộc trang : « Năm Thái-Khang thứ 6 (1) nước Phù-Nam có công mẩy cây mía (giá) dài một trượng có ba đốt. » Sách Thế thuyết (2) « Mía Phù-Nam dài một trượng ba đốt, có mặt trời thì tiêu tan (?) gặp gió thì gãy. » Thường thấy cây mía ở Bình-Thuận — tức là đất nước Phù-Nam xưa — một đốt dài được 7, 8 tấc rất mềm nhưng không cây nào dài một trượng ba đốt có mặt trời thì tiêu tan cả.

Cây củ tương (trầu không) ở Hán thư, Thảo mộc trang gọi là cây iất bát (lốt),

1) niên biểu Tấn-Huệ-Đế (280-289).

2) tức Thế thuyết tân thư hay tân ngữ của người đời Tống soạn.

Tống-Kỷ (1) nói : « Lá dày mà tròn, leo vào cây cứng mà sống, trái như trái dâu (tang thâm), khi chín thì ngoài đen trong trắng, làm tương để nêm đồ ăn. Có tên là phù lưu (trầu không). » Xét cây lốt (iất bát) với cây trầu không (phù-lưu), trái nó đều như dâu, non thì xanh, chín thì tía, cây trầu không, lá dày leo vào cây cứng, trái rất ít không làm được tương. Cây lốt lá mỏng, mọc lan giữa đất trái nhiều, vị nó như tiêu (tiêu), lá với trái đều nêm đồ ăn được, nấu với ếch không có nó không ngon. Vậy (thứ mà sách trên nói) làm tương tức là nó chăng? Cũng giống như bây giờ làm tương có tan hột cải (giới tử) bỏ vào để trừ trùng và dầm tiêu để làm tương vậy. Nhưng Thảo mộc trang lại nói : « Mọc ở Mọi (phiên) nhỏ mà tía, gọi là iất bát; mọc ở Phiên-Ngung to mà xanh, gọi là củ mà vị ăn được nên gọi là tương. » Lại tựa như chỉ vào cây phù lưu nhưng còn phân biệt tinh tế; Tống-kỷ gồm chung làm một thứ gọi rằng thứ lá dày phụ vào cây cứng cũng có trái (Nói rằng) làm được tương

1) Người đời Tống đầu tiên sĩ làm đến Thượng Thư bộ Công, sử bộ Đường thư.

thì chưa chắc. Lại sách Tứ lục tất đóc có chú rằng: « Cây tiêu (bồ tiêu) người Nam hái lá nó ăn với cau, gọi là phũ lưu ». Đó là thấy lá tương tự mà nhận lầm.

Cây tiêu ở Hà-Tiên hơn cả, Quảng-Trị thứ hai. Cây hâu phác (cây vối) cũng sào xuất ở Hà-Tiên hơn cả.

Sắn (cát) có một thứ, tức là sắn quảng (quảng cát) mọc bằng mầm cao 6, 7 thước lá có nhiều cạnh, xanh trắng mà trơn, trồng vừa đủ năm, thành củ, nấu rồi bỏ ruột, ăn vị ngọt, có độc, ham ăn có khi chết, ăn vào thấy buồn bụng, phải ăn mật mía hay cam thảo thì khỏi ngay. Chỉ mài bột làm bánh lộn đường, sắc đẹp như hồ phách, ăn rất ngon, không độc.

Củ đậu (đậu cần) ở Sơn-Tây, Hà-Nội và huyện Quỳnh-Côi thuộc Nam-Định trồng nó. Cây, lá, hoa vô đều giống cây đậu chỉ hạt cứng không ăn được (1). Đủ năm, củ bằng trứng ngỗng, thịt trắng, vị ngọt thơm, ăn sống và nấu với thịt heo, thịt heo, thịt chim đều được, cũng chữa được độc rượu. Để trên gian bếp sau một

1) ăn vào chết.

tuần, thì ăn càng tốt. Quảng-Nam và Bình Thuận cũng có, nhưng thịt thô, vị không bằng (các tỉnh trên). Đưa trồng ở xứ khác thì củ nhỏ dài mà cứng không ăn được.

Hoàng tinh ở Quảng-Bình, Quảng-Trị hay trồng trong các vườn, mãi ra làm bột. Quảng-Bình phải sung cống.

Người miệt Chương-Đức, Thượng-Phúc (Hà-Đông) lấy lúa tẻ (hàng đao) cấy hai, ba năm, rang bỏ trấu, gạo trương như con ong mà không phải phơi, ngào với đường rất ngọt và mềm, đưa đi bán gọi là bông, cũng gọi là phùng. (1) Xét sách Chu lễ: « quan Biên nhận coi việc cơm phong, cơm phần, cơm trắng cơm đen. » Tiên Trịch chú rằng: « ngào lúa bắp (mạch) là cơm phong, vừng (ma) là cơm phần, lòn (đao) là cơm trắng, nếp (thử) là cơm đen » Hậu trịch (2) chú rằng: « Ở miệt sông Hán sông Ha lên bắc, nấu bánh bắp đem đi bán gọi là phùng thanh. Thi tiếng gọi cũng gần nhau, nhưng họ thì ngào bằng

1) có lẽ là cơm Vòng.

2) Sách Chu Lễ của Chu-Công soạn. Lần đầu được Trịch-Hưng, Trịch-Chang chú thích gọi là tiên Trịch, sau được Trịch-Khang-Thành chú nữa, gọi là hậu Trịch.



bấp mà đây thì bằng gạo tẻ.

Rượu thì miệt Hoàng-Mai thuộc Hà-Nội (Hà-Đông); Hào-Kiệt thuộc Nam-Định; Ngọc-Điền thuộc Hà-Tĩnh; Kim-Lung thuộc Quảng-Trị; Gò-Cát thuộc Định-Tường đều có tiếng.

Cải bắp (quan âm thái) chỉ có người huyện Giao-Thủy thuộc Nam-Định trồng mà thôi, không hoa trái lấy cành cắm xuống đất thì mọc mầm, đến mùa đông thì tốt, lá xanh tía như thứ cải lớn (dại giới) mà dày, vị có hơi chát. Sau lần lần lá cuốn vào làm bắp như bắp chuối. Khi mới non chưa cắt ra sắc trắng vị rất ngọt xứ khác trồng nó dẫu tốt nhưng không cuốn lại thành bắp được.

Cây *Cầu khế* có trong sách Nhĩ-Nhã. Quách-Phác chú là: «cây cầu lâu, lại có tên là *vuông qua*, trái rất đỏ, vị đắng.» Hình-Bình (1) dẫn giải bộ Bản thảo nói: «*Vuông qua* cũng có tên là *thỏ qua*, lá như lá *quát lâu* tròn mà không khuyết vào». Thường trồng ở nơi rào giậu cũng có hơi, chín thì đỏ như viên đạn, rẽ như sắn, nhỏ

1) người đời Tống dẫn giải bộ Nhĩ-Nhã và Bản Thảo.

mà nhiều bột. Thứ ấy gọi là *dừa chuối* (thiên thứ qua) lại gọi là *củ nhưng*. Cây tốt thì lá có chẻ vào, lấy củ làm bột, gọi là *bột nhưng*, nấu cháo làm bánh, lộn đường ăn được vị thanh mà ngon; nấu với cháo thịt cũng tốt có tính giải thử.

Cây chè (trà), từ Bình-Định ra bắc xứ nào cũng có, từ Phú-Yên vào nam thì không. Nó có một thứ tục gọi là chè ngọt đắng (*cam khê trà*). Bình-Định rất nhiều. Thừa-Thiên. Thanh Hóa cũng có. Sách Quảng-bác vật chí: «Cây cao lư là tên riêng của chè». Bản thảo chú rằng: «cao lư không phải là chè, lấy một miếng bỏ vào ấm, vị rất đắng, bỏ ít thì trái lại vị ngọt.» Tức là nó.

Nâu (*vũ dư lương*) thuộc loài cây giày có gai, lá như lá *cây kim cương* (tất giới) Người miệt núi nói củ nó chín thì vị rất ngon, nhưng khô mà được. Củ sống thì người Mường Mòi cũng lấy để ăn đỡ gạo. Họ bóc vỏ, ngâm giữa dòng nước chảy để mất chất rồi phơi khô, đem qua đem nấu ăn. Hình-Bình thích sách Nhĩ-Nhã; «Cây *mạch đông* có kẻ bảo là *vũ dư lương*». Mới biết xưa nay đặt tên nhiều cái không nhất định. (Phạm

cây giầy thì củ ở dưới đất, chỉ có loài này củ phụ ở bên rễ nổi trên mặt đất).

Liên tiền thảo tục gọi là rau má cũng có tên là bán thiên thảo, ăn sống được và nấu canh ăn. Có thể làm tiền đồng được (?)

Sách Thảo mộc trang : « Trái lưu cầu hình như trái dành dành (chỉ tử) khía sâu mà hai đầu nhọn tựa như trái vừng (kha lẻ lẻo) mà cứng. Đến khi nửa vàng là đã chín, thịt trắng mà ngọt » Thứ này tục gọi là trái lại. Sách Bản thảo gọi : Cây thuốc đụn (sử quán tử) (Dùng phải cho chẩn số nếu lê thì bị nức củ).

Loài nấm rất nhiều, đều phụ vào cỏ cây mà sinh ra. Cây nào không có độc thì nấm cũng không độc, ăn được. Hương-dâm ở Lạng-Sơn tục gọi là nấm hương, vị ngon có tiếng hơn cả. Nấm lợn sinh ở dưới cây lam vị hơi đắng mà thanh thì được thứ hai. Nghị khuẩn sinh ở trên tổ mối tục gọi là nấm mối. Hóa khuẩn sinh ở gốc lúa tục gọi là nấm rạ béo như mỡ lợn, đều đứng thứ ba. Ngoài ra nữa thì không hằng.

Hoa sen ở phương nam khoảng thu đông mới có, vì khí đất ấm. Có lẫn vào Gia

đình, tôi thấy ao sen ở trước nhà Hộ tào đầu mùa đông đang có hoa. Hỏi thì họ trả lời rằng lấy lưu huỳnh lộn với bùn mà trồng mới được thế.

Hậu Hán thư chép : « Nước Ai-Lao có cây (vòng đồng) hoa dẹt thành vãi. « Có lẽ chỉ cây bông gòn (mộc miên), Đường thư chép : « Nước Bà-Lai đi vòng thẳng đến phía đông nam có thứ cỏ cát bồi, góp hoa làm vãi, thứ xấu là bồi ; thứ tốt là chiêm. « Đáng chừng là cây bông cỏ (thảo khoáng) Nay nước ta dẹt vãi đều là bông cỏ, cũng gọi là mộc miên. Cây cao độ vãi thuốc, người ta trồng liền đôi ở ngoài đồng, từ Khánh-Hóa ra bắc, xuân trồng hạ chín ; Bình-Thuyền Nam-kỳ và Cao-mê» đông trồng xuân chín, lợi khá lắm. Sách Quảng-Kỳ : « Thứ hoa đỏ, chùm rất nhiều, xúm xít lên nhau, sản xuất ở Giao-Chi, Vinh-Xương, tức là Ai-Lao » Sách Thông Giám chú rằng : « Miền Giang Nam khoảng tháng 2 tháng 3 thì trồng » Sách Ngô lục : « Sản xuất ở Giao-Châu, Vinh-Xương, trái bằng chén rượu, ấy là mộc miên » Cây cao to, mùa xuân nở hoa vàng có vỏ kết lại nhọn mà dài, nhiều trái thành từng đôi, đến mùa thu nở ra bông, cũng như bông cỏ tục

gọi là bông gòn. Sách Quảng-Châu ký: «Cây như cây vông lá như lá bồ đào mà to sinh ở hai châu Giao, Quảng» là cây ấy. Người bầy giờ hái bông nó dễ nhờ gổ nhẹ hơn bông cỏ, nhưng sợi mềm không dệt làm vải được, hai thứ ấy giống mà không phải một loài.

Cây bông cỏ, lá non làm rau sống được, tục bảo rằng ăn nó thì bại mất. Hột nó ngâm làm giá ăn được, cũng như giá đậu xanh mà vị lại càng thanh, ngon hơn giá đậu.

Lông cu liên (kim mao cầu tích) là loài cây giầy, lông nhỏ nhẹ mà mịn hơn bông sắc tia dùng để nhồi gối và làm dây rất nhẹ và mềm. Đứt tay chân, dịt vào cũng hiệu nghiệm. Sản xuất ở Hưng-Hoa, một cái dây nó giá đến 30, 40, quan tiền, Quảng Trị cũng có mà ít.

Cỏ bắc (dạng tâm thảo) lại có tên hồ tu, người miệt Đông-Yên thuộc Hưng-Yên cấy nó ở ruộng nước.

Cây Cối (thỏ phu vương) trong Nhĩ nhĩ, Quách-Phác chú rằng: «Sinh ở miền biển như cây hoàn lan. Người Nam-Việt dùng làm chiếu.» Lại người Phú-Yên có dệt chiếu cừ du, rất trơn đẹp nhưng bắt cỏ

mềm không bằng chiếu lác.

Cỏ lác (hoàn thảo) có một loài sinh ở giữa ruộng, cây thấp ngắn mà cứng như sa thảo, thứ to cũng không dệt được chiếu, chỉ làm thuốc vẫn cần, lấy rễ nó nhai sống nuốt nước và già lấy xác rít vào rất hiệu.

Bạch đậu khấu sinh ở núi Mô-Giao nước Cao-Mên. Núi ấy có nhiều đá gàn, tiếng Cao-mên gọi đá là mô, đẹp là giao cho nên đặt thế. Núi ở vào giới hạn nước Cao-Mên và Tiêm-la. Cây ấy như cây sa nhân, nhưng cây mọc phía đông nam núi về phần đất Cao-mên. Vỏ trắng khi thanh dùng làm thuốc được, còn cây mọc phía tây bắc về phần đất Tiêm-la thì da xám khi tảo, không dùng được. Khí âm dương có khác nhau như thế. Có kẻ lấy cây nó trồng ở xứ khác, cây cũng tốt mà không có rá. Sách Thảo mộc trạng: «Cây như cây lau (lư) lá như lá gừng (khương)» là chính nó. Còn như sách Quảng ký: «Cây như cây muớp (tí qua)» thì không phải.

Núi Thiên-Quan ở Ninh-Binh, núi Hoài-Yên ở Hà-Nội, núi Vệ-Linh ở Bắc-Ninh, núi Hồng-Linh ở Hà-Tĩnh, đều có thứ cỏ

mọc tới cao 4. 5 thước, cây lá cành đốt đều nhỏ như thứ trúc con, nhưng cây yếu, lá ngắn và mềm, nhiều chùm, thò nhão, mặt sạch hơn một thước, đời truyền rằng đây là cỏ thi. (Cũng có từng bụi chừng một trăm cây.

Cây quý, cây hoác đều hương theo mặt trời. Quý hương theo mặt trời bằng hoa nhưng chỉ một hoa ở đầu cây nở theo chính hướng đông, còn những hoa ở bên cạnh thì không. Cây hoác cũng là loài dâu, hương theo mặt trời bằng lá. Lá cây tiêu biểu đều buổi mai nghiêng về phương đông, trưa bằng ngang, chiều thì nghiêng về tây.

Hoa bông phấn (gên chi), giờ mào, đậu thì nở, qua hai giờ ấy thì cúp lại.

Hệ loại cây cỏ có lá đối nhau đều ban ngày mở ra, ban đêm ấp lại. Loại cây giầy thì ấp phía trên thì như sắn, đậu; loại cây gỗ thì ấp phía dưới thì như khế ngũ liêm) chua me (hợp hoan).

Sách Quảng dư chép: «cây nha đam (lô hội) sản xuất ở nước Tam-Phật-Tê (1).

1) tức là Can-Đà-Lợi hay Thất-Lợi-Phật-Thệ hay Palembang, tỉnh thành của đảo Sumatra ở Úc-châu.

loài thảo hình như đuôi con sam (hậu vĩ), hái nó về lấy đồ bằng ngọc nghiền thành cao, gọi là lô hội». Nay xứ Nam-Kỳ có (cây) mũ rất nồng, hễ ra thì mũ chảy ra rồi đông lại thành khối, không cần đồ bằng ngọc giã nữa.

Phương nam khí dương thịnh nên có nhiều loài cây tốt, những loài kỳ trầm quế ở trung châu không có. Kỳ nam giống với trầm hương nhưng có phần biệt: Trầm là cây thương lục (1) già rồi, cành lá khô héo, khi thơm kết tụ người ta lấy cả cây và gốc, chọn thứ tốt làm trầm hương, xấu làm tặc hương. Kỳ là khi thơm phụ vào cây mà ngưng kết chỉ một vài chỗ ở thân hoặc ở cành cây, còn cành lá thì vẫn xanh tốt như thường, người ta phải xẻ cây ra mới được. Nó hình như tim râu nhiều lỗ trống, to có vài cân, nhỏ một hai lượng còn toàn cây đều là gỗ.

Kỳ nam có vài thứ: một thứ gọi là hổ ban hương sắc vàng xám như vẩn hổ, chất mềm nhuận, bấm móng tay vào có dấu, chẻ ra mà đầu mũi cuốn lại là tốt; một thứ gọi là áp lục hương sắc xanh

1) loại cây làm giấy tốt hơn đó.

lúc như dầu vẹt mềm là thứ vừa, cứng lại kém nữa; một thứ gọi là *nộn dong hương* 嫩冬香 sắc xanh trắng như lá dong mơ nõ, chất khô hương ít là tốt. Chỉ Phú-Yên, Bình-Thuận, Khánh-Hòa có mà thôi.

Trâm ở đảo Phú-Quốc sắc xám, trong thô, nhai mà mềm là thứ tốt nhưng ít được. Trâm ở Bình-Thuận, Phú-Yên, Bình-Định, Khánh-Hòa thì thứ hai. Trâm Hà-Tĩnh, Quảng-Bình sắc đen sớ cứng vị đắng là thứ xấu.

Tô hợp hương ở trong núi Phú-Yên, lấy nó phải xé da cây lấy ống tre mà hứng, dùng nó đưa tặng bầu ban.

Giáng chân hương ở Quảng-Bình sắc xanh đen trừ ác khí, nghiên nhỏ để bôi vào vết thương, cầm máu sinh da rất mau. Dân gian tế tự từ Quảng-Bình vào nam dùng thứ thanh bạc *duyên hương* và sơn điệp hồ hương. Từ Bình-Chính ra bắc dùng hắc *huyền hương*, đã than hòa với nhựa trâm đen (ô hãm lăm) mà có trái ăn được, rồi lấm vào que tre mà dùng. Bắc-kỳ lại dùng *hương trắng* (bạch hương) do người xã Lai-Triều thuộc Nam-Định làm. (góp các hương vụn bỏ vào que tre, hương Lai-Triều thì khác).

Cây *xám mộc quế* trong Nhĩ Nhã, Quách Phác chú rằng: « hoa trắng không có trái » Sách Nam bộ tân thư (1): « Đem râm tháng 8, chùa núi Linh-An thường có trái » quế rụng. « Thơ Lý-Đức-Dụ có câu: 桂子落寒山 Quế tử lạc Hàn sơn, nghĩa là Trái quế rụng ở núi Hàn. Thơ Lưu-Ngạn Xung có câu: 落子半飄雲 Lạc tử bán phiêu vân, nghĩa là trái rụng bay theo mây. Có lẽ do ở đó. Kề ra ở phương bắc cũng chưa thiệt thấy cây ấy. Cây quế ngày nay, hoa trái như dâu, non thì xanh chín thì ha. Người miền núi Quảng-Nam, Quảng Ngãi hay trồng xen vào cam quýt, mộc tề, hoa không kể trái. Lại xét sách Tập di ký của Vương-Gia (2) chép: phía bắc Âm-hà có thứ quế tia mọc thành rừng, trái bằng trái táo, các tiên hay ăn ». Thiên địa vạn độ kinh chép trong Loại hãm rằng: « Phía bắc Thái-Sơn có 70 cây quế trái đỏ như trái quít » (đều là hoang đường không thể tin được).

Kim giao mộc, cây cao lớn, lá như lá

1) của Hiền-Dị đời Tống soạn, chép các việc cũ đời Đường. Ngũ-Đại gồm 10 quyển.

2) tác giả là người đời Tần, đều là những chuyện hoang đường.

quit hẹp mà dài không có răng cưa, sắc cây (ta. Tinh : Sơn-Tây, Hải-Dương, Thanh-Hóa đều có. Người ta dùng làm dũa để trừ thuốc độc, nói rằng gập đồ ăn thì thuốc độc phun ra.

Ở mộc có hai thứ, đều sản xuất ở Bình-Thuận : một thứ như cây ôi (thiên-đào) lá như lá quit, cây cong không cao lớn, đường kính chỉ 4, 5 tấc, số thịt hay rắn, dùng làm đồ vật đen nháng như sơn tuc gọi là *gỗ mun*. Sách Động thiên thanh lục (1) « *Gỗ mun làm được chân đờn cầm* » ; một thứ lá như lá dứa, lá cau mà mỏng, cây lùn thẳng, người ta lấy đan buồm và rèm. Sốt lá làm cung và roi, sắc đen sẫm mà cứng tuc gọi là *lá bun* 𣎵. Bản thảo chép là *vân mộc*, lá như lá móc lá phải, nhưng lại nói gộp ở mun là một loại với cây này thì không phải, chớ trừ thuốc độc là cây *gỗ mun*, không phải cây lá bun. Lại có thứ ở *thị mộc* nài nao cũng có tuc gọi là *lam thị* 𣎵, chất cứng làm các đồ vật được, sắc đỏ cũng như *gỗ mun*, nhưng trơn nháng thì không bằng.

Cây me sinh ở phương nam, cây cao to

1) của Triệu-Hi-Hộ đời Tống soạn.

là như lá hòe mà nhỏ. hoa vàng trái dài hai tấc, cây này cành lá hoa vô đều như cây *dâu hợp hoan*, vỏ rất chua, non thì xanh, chín thì đen, nấu canh cá, vị như khế cũng có nước chua, bỏ nước chua sao đường để làm mứt. Gỗ sắc xanh, số thịt dày dùng làm xe súng rất kiên cố

Cây *Giàng hương* sinh ở Nam Kỳ, mùi thơm như cây *hoàng tử đơn*, có n. cây to, đường kính có vài thước, cưa ra, sắc tia có vân, dùng làm đồ vật cũng đẹp

Tỉnh Cao-Băng, Thái-Nguyên, Tuyên-Quang có cây *hoài nân* không có cành lá, chỉ có rễ, từng đốt lùm xùm trên mặt đất như con trâu nằm ngủ, người Mán gọi trâu là *hoài*, ngủ là *nân*, cho nên có tên ấy. Gỗ rất cứng, dùng làm mâm bàn cũng tốt. Lại từ Thanh-Hóa ra bắc có cây *lược* (*sơ mộc*) như cây trắc, nhẹ mà cứng ong làm mâm bàn tốt.

Trái dứa vỏ có xơ như bưng to, người ta xẻ vỏ lấy xơ, bện làm giầy rất bền, lại ở nước mặn dùng làm giầy thuyền rất tốt. Người xứ Tân-Quan (Bình-Định) lấy những trái nhỏ dùng gạo làm môi múc nước, bầu dưng thuốc v. v... Lại có *dừa nước* (thủy da) biệt ra làm môi

thứ riêng, giữa gốc trở lá, thân cây sát đất, không hoa trái. Người ta lấy lá nó để lợp nhà.

Sách Loại hám: « cây từ phi sinh ở nước Chân-Lạp cao hơn trượng, lá như lá quít, mù cây nhào mưa chảy ra ». Cây này tức là *cây cánh kiến* (từ nghị) bởi vì kiến cắn vỏ cây, mù chảy ra ngoài rồi đọng lại. Các miệt người Nghệ-An, Thanh-Hoa cũng có. Lại có thứ *trần hoàng* sản xuất ở Hà-Tiên tức là mù cây thành ra, sắc như sáp ong, dùng làm thuốc.

Sách Thảo mộc trạng: « Cây *hạp dăng* leo vào cây cứng mà sống như cây giấy thông thảo, trái nó sắc tía đen ». Có tên là *đậu voi* (trương đậu). Bè năm mới chín, vỏ nó đựng thuốc, trái bằng năm không nát. Cây này tục gọi là *cây lam gáy*.

Sơn (tái) *mãnh hỏa* du đều rạch cây mà lấy mù. Cây sơn trồng trong vườn thành từng đám, được vài năm vừa non mà tốt. buds mà khi mặt trời chưa mọc, rạch vỏ cây ra lấy đồ mà hừng, đến thin thì xong. Sáu, bảy năm thì cây già mù loãng, không thành nhựa sơn nữa, lại đảo đi mà trồng thứ khác vào. Cây mãnh hỏa dù rất cao to sinh ở trên núi, đục

cây ra một lỗ, lấy lửa đun qua, mù trong lỗ chảy ra mà lấy.

Nhựa trám (hám lăm chi), cây như cây cam đường, nhựa nó do vỏ cây chảy ra thành từng khối, đầu chót lá cũng có. Cây này cũng kết trái như trám đen (ô hám lăm) mà bẹp không ăn được, sắc nhựa vàng, kuống giống với thứ nhựa người Bắc dùng làm hương đen. Thứ nhựa dùng làm hương sắc (trắng như nhựa thông (tùng chi) phải nấu lên mới đông lại thành khối.

Làm nhà cửa, đồ thuyên thì nhất là *nam mộc*, *gỗ lim* (thiết mộc). Cây gỗ lim ở Thanh-hoa tốt hơn hết, Nghệ-An thứ hai, các xứ kém hơn. Lại dùng thứ *mộc* tức *kiến kiến tử mộc* (táu), *cụ mộc* tức cây *săng lê* là thứ nhì. Làm đồ vật thì nhất là *gỗ trắc*, thứ hai là *gỗ cầm lai*, *gỗ mun*. Làm quan quách nhất là *gỗ nam mộc*, *gỗ vàng tâm* (hoàng tâm). (Khưu-Toàn cho *gỗ du sam* là tốt hơn, tục gọi là *gỗ de*, *gỗ này* trừ được thấp, nhưng tục lại bảo hại xương vì khi nó cay nồng quá thì cũng có lý, người ta có dùng phải lột một tầng gỗ khác ở trong). Làm ghế dựa thì dùng *gỗ nhơn* (long nhũn). Làm

yên ngựa thì dùng gỗ *ưu bát*. Làm con
vận thì dùng gỗ *nam mai* tức là gỗ *má u*.
Làm ván khắc thì dùng gỗ *thị* (thị mộc).

Nhựa thông hay giữ được hơi. Thợ nhà
nước dùng nó để bọc đồ kín, gắn những
đường mạch đường rãnh rất tốt. Người
xưa sở dĩ dùng *lich thanh* (tức nhựa
thông) cũng nhận biết tính nó.

Cây *sanh*, cây *cừa* hay ứng theo mưa.
(Sách) xưa chú : *sanh* là *hà liễu*. Nay tục
ta gọi cây *sanh* là chỉ cây cành lá như
liễu : *Cừa* thì cây cành và đốt có nhiều
u. Hai loại tùy xứ mà sinh, hoặc ký sinh
trên một cây khác. Rễ nó bén xuống đất
lại thành thân cây. Cây *cừa* ưa sinh ở
bờ sông, rễ phụ nó ứng theo mưa. Cẩu-
Trai (1) cho cây *hà liễu* tục gọi là *cây*
bần, lá tròn sinh ở bãi sông, chung
quanh gốc có mầm nhọn từ dưới đất
mọc lên, gần mưa thì sẫm trắng. Lại có
cây *dung* (*dung mộc*), cây *lãng tiêu* hoa.
Đại phạm loài thảo mộc có rễ phụ đều
biết trước mưa. Và có *cây lưỡi rồng*
(*long thiệt*), không thân không cành, đầu

1) Tên hiệu Trịnh-Hoài-Đức tác giả bộ *Gi-
Định thông chi*

tiên cắm một lá xuống đất, dày và to như
lưỡi trâu, sau mới thứ tự tiếp tục nhau
mà sinh thêm, dang thẳng ngang mà sinh
lá non rất có mưa.

Đại phạm những cây khô sinh trường
là gỗ tốt, dễ dàng là gỗ xấu. Cây đa
không làm được đồ dùng chỉ trồng ở
chỗ đình miếu nên nhiều cây sống lâu.
Các núi ở Phú-Yên, Khanh-Hoa lại có một
thứ vỏ và sớ đều trắng, tục gọi là *gỗ cò*
cờ 檫木 rất cứng đến nổi sứt riu mè
cừa, người ta cũng không dùng.

Cây *trai* (1) rất cứng, nhưng thân cây
cong không dài được mấy, người ta dùng
để kê cột nhà thay đá vì chịu được âm
thấp.

Bản thảo chú rằng : « *Long não* tức là
nhựa cây sam mộc ». Nay có bọn khách
ở Thái-Nguyên, Cao-Bằng lấy *cỏ đại bi*,
cây này không ra thảo cũng không ra
mộc, cao vài thước, lá to bằng bàn tay
ngã ra, nhiều lông, dùng chảo gang bỏ lá
vào, trên đây vung đồng rồi nấu, nạo
lấy sương nó đông ở trên vung làm
long não, lại nấu một lần nữa thì làm

1) Có lẽ là cây *châm trai*.

bằng phẳng như cách nấu hoàng đan, nhưng mùi nó giống mùi sam mộc.

Tre hoa (ban trúc) ở các xứ Cam-Lô (Quảng Trị) Thiên-Quan (?) Thái-Nguyên đều có cả. Vân (ngoài vỏ) như vỏ ốc, chất rất cứng, người ta thích dùng làm đòn võng. Miệt Qui-Hợp thuộc Hà-Tĩnh cây tre nhỏ, chỉ làm được gậy và ống diều v.v. Tre ở núi Yên-Tử thuộc Hải-Dương cũng như tre Qui-Hợp mà mắt lại nổi lên gọi là gỏi hạc (hạc tẩu). Tre hoa sắc hơi tốt ở Viab-Long, An-Giang rất nhiều nhưng vân (ngoài vỏ) thì thưa, chất yếu; xấu. Mọi biết sách Bắc vật chí có câu: 兩山有栢 Tương sơn nhiễm lệ, nghĩa là nhỏ lệ ở núi Tương, (1) hoặc cũng có thể.

Cây tre rất cứng, tục gọi là *cây trắn* 箭 竹 cây thẳng mà nhỏ, chu vi chỉ được 3, 4 tấc, trong ruột hơi đặc, dùng làm lược và xương quạt rất tốt.

Trúc phổ của Đại-Khai-Chi: (2) *cung trúc*

1) Có tích vua Thuấn chết ở Thương Ngô, hai bà phi theo kịp khóc rất thảm. Nước mắt giọt xuống tre, ở núi Tương thành từng vết sần tre ấy có tên là Tương phi trúc.

2) Người đời Tấn soạn, một quyển kể ra hơn 70 giống trúc.

như mây (dông) dốt dài mà cong, phần nhiều nằm giữa đất, đứng thì phải tựa vào cây cứng, dài gần trăm tầm, hình như chắp nối nhau, cây có vân hoa, song phải xoa mỡ mới hiện. Thù này tục gọi là *cây giang* dùng để bện giầy. Nhưng phàm tre xoa mỡ rồi un lửa thì thành vân hoa gọi là *tre xông* người ta dùng làm xương quạt và ống diều thì không chỉ một loài cây này mà thôi.

Nam-Kỳ chỗ nào cũng có tre thành rừng, mỗi lần có kết trái tròn bằng nắm tay, vỏ và mo bọc từng lớp, thịt trắng như măng mà thô sơ. Thù này so với thù má sách Trúc phổ chép, 60 năm thì đổi rễ, có trái, rồi khô mà chết, thì không giống nhau. Bản Tứ dân nguyệt lịch trong Loại hàm: « ngày 13 tháng 5 gọi là *tre say* lại gọi là *tre mê*, tháng ấy trồng tre thì nhiều cây tốt ». Sách Ty thủ lục thoại: « Tháng 5 trồng tre tốt ». Sách sơn gia thanh sự: « Nghinh dương thì trồng tháng chạp; thuận khí thì trồng mùa mưa (?) » Nay có câu ngạn: « Tháng giêng trồng trúc, tháng lục trồng tiêu » (1) Bởi

1) Hoặc « Tháng giêng trồng tre, tháng hè trồng chuối ».

vì phong khí có khác nhau vậy.

Hễ măng tre mọc ra ngoài bụi thì năm ấy không có bão, mọc lẫn vào trong thì có nhiều, nhà nông thường xem nó mà biết trước. Lại khoảng đầu tháng mà chặt tre thì hay mọc, chặt khoảng cuối tháng thì lại bền cứng.

Sách Bản thảo : « Cây móc (lư, móc) sản ở An-Nam, tính cứng sắc tia hồng, thứ nào có hoa thì gọi là móc hoa (hoa lư) làm được giường ghế xương quai. » Bây giờ giường ghế xương quai, mỗi thứ dùng một cây khác nhau. Thứ làm giường ghế, tục gọi là máy hoa (hoa dăng), vẫn hoa ở ngoài đa, sinh ở các núi Khánh-Hòa; thứ làm xương quai, tục gọi là gỗ lồi 朶, núi nào cũng có vẫn hoa ở trong, hai thứ ấy khác nhau. (Bản thảo lại bảo là nhược thảo có tên là liêu điệp, mọc ở chân phía nam, rễ và cây đều như tre con, lá và mo như lau, lấy lá làm nón. Nay ở Quảng-Trị và Khánh-Hòa vào Nam, những người lấy lá nó làm nón, tục gọi là lá mặt cắt sắc xanh. Nghệ-An và Quảng-Bình dùng làm toại. Từ Nghệ-An ra bắc và Bình-Định dùng làm nón, tục gọi là lá bổi; lại gọi là lá tro, tức là cây bồ quỳ,

lại là một thứ khác. Lại còn một thứ nữa giống như bồ quỳ, mà hơi nhỏ, đầu ngọn cây chia ra mười hai tua, người ta cắt ngọn làm toại tục gọi là lá toại. Mấy thứ ấy cũng tương tự cây móc mà to nhỏ có khác.

Bao-Chiều có câu thơ 龙引藤輪. Hoaman dẫn dẫn luận, nghĩa là dùng sợi lác dệt thành hạp. Vương-Thù chú rằng : thơ Đỗ-Phú cho rằng luận là chiếu (hồ đoàn) lấy lác làm ra. Nay người miệt Bình-Chính (Quảng-Bình) dùng lác làm dây kín (ấn nang), nhuộm màu dệt cách hời vẫn lan can, (1) cũng là loại này.

Năm Tây-Sơn sắp mất, một nhà ở xứ Việt-Yên-Thượng (Hà Tĩnh) có giàn bầu, tự nhiên cành và lá đều co rúm lại làm hình con rồng, đầu, sừng, râu, chân đủ cả, lá chất từng lớp như vậy, được một tuần rồi héo. Bùi-Tồn-Trai cho là rồng thuộc hỏa, mượn cây ma sinh, chủ về hỏa tai. Được hơn một tuang, xã ấy cháy hết hơn trăm óc nhà.

Đà thị núi Yên-Hoạch thuộc Thanh-Hóa

1) Dệt có những đường chạy ngang dọc & bốn bề.

tốt hơn, núi Than ở Đông-Triều thuộc Hải-Dương thứ hai, núi La-Vân thuộc Quảng-Nam thì chót. Đá núi Yên-Hoach sắc xanh sớ mịn rất trơn nháng, thứ sắc trắng hơi loạn (sớ) không bằng thứ trên.

Hà hoa (vân thạch) sản ở núi Mộ-Giao thuộc Cao-Mên thì tốt hơn, ở núi Ngũ-Hạnh thuộc Quảng-Nam thì thứ hai. Đá Cao Mên có đủ năm màu già màu lục. Đá Quảng Nam chỉ có sắc đen và trắng. *Đá đỏ (chữ thạch)* sản ở giếng sơn núi Phương-Hoàng thuộc Hải-Dương thì tốt hơn. *Đá nam châm (lư thạch)* sản ở núi Nam-Châm giữa biển Quảng-Nam. Các núi sản mỏ sắt (ở ta) cũng có.

Đá huyền (huyền thạch) sản ở đảo Phú-Quốc thuộc Hà-Tiên. người xứ đó lúc mặt trời mọc thấy đám cỏ nào mũ sương lâu khô ở đảo tất được, như lối lấy phục linh. Chất đá nhẹ, sắc rất trong bóng, người ta hay dùng làm chuỗi hạt chân, có kẻ dùng làm nghiền mực hay sinh sắc đen nhưng mau khô nước. (Ở hải đảo có thứ *vỏ sò tai voi* rộng hơn một thước, giống như tai voi, sừng làm nghiền mực, trắng mà hèn, cũng hay sinh sắc đen.

Cua đá (thạch giải) bay sinh ở chỗ bờ

biển, sóng và đá xát nhau, cũng có khi sinh ở giữa ruộng. Huyện Kim-Đông thuộc Hưng-Yên có ruộng cua đá chỉ có vài sào. Lúc mới đào lên cua còn mềm và cử động được, có gió và ánh mặt trời thì cứng lại.

Có tên tù Mối đưa cho Bình-Tuấn-Bá một cái bát đất, chất rất nhẹ có vân lẫn lẫn giấp giấp, bảo là vật có từ 500 năm về trước, đánh cá được ở giữa sông. Hỏi sao mà biết thì nó nói: Hễ đỡ sành ở trong bùn 500 năm, đem đựng cơm, cách một đêm cơm còn mềm, vì cũng không đổi, chửa đủ 500 năm thì không thể. Thí nghiệm quá đáng, nhưng lại trả cho nó.

Có người làng đào đất được cái bình con trong chỉ có nước lạnh và bày đồng tiền đời cổ. Tôi thấy tiền thì đang còn tốt so với tiền đời nay thì to hơn một vành, sắc lốe mà rất nhẹ, mặt sắp có hai chữ triện « ngũ thù » 5 đồng cân, mặt kia không có chữ. Xét tiền ngũ thù nhà này trở về trước thượng lưu hành, không biết đời nào đúc ra.

Cửa chảy như suối, nước suối chảy mà không động, tiền cũng giống như suối, cho

nên tục bảo rằng chôn tiền dưới đất lâu năm có khí bay mất. Xem sách Xuân Chữ Kỳ Văn của Hà-Viên (1) chép việc Ma-Thanh thì cất tiền trong nhà cũng thế (Đời Tuyên-Hóa (2) thì phục được Yên-Vân, bèn đánh thuế quan huyện chiếu theo dân; để xuất tiền thêm, tha khỏi tiền phụ. Ở Hoa Nhân thuộc Hải-Chân có bà họ Lưu, chồng là Dương-Lục đầu Tú-Tại mất rồi ở với một đứa con, nhà vốn giàu thấy quan trên đuc đời nghiêm gấp, những nhà nghèo không biết lấy gì đóng góp, bèn quan huyện cúng ca gia tài 100 000 quan để tha đóng góp cho dân nghèo. Sau khi chớ hết kho tiền bầy gian được ba ngày sáng dậy vào xem kho thì tiền lại chắt đầy, điếm lại thì đủ 100 000 quan mà lối xáo tiền thì bằng gai đỏ, mỗi năm quan đóng làm một vác, dầu vác có thể cỡ nhỏ để hai chữ « ma thanh » không biết có sao. Có kẻ bảo là mới đây có nghe nói ở châu Thanh có Viên ngoại họ Ma nhà rất giàu gọi là « Ma Thập Văn » có khi thân chớ tiền ấy đến đây chăng? Sai người

1) Người đời Tống. Sách chép các việc vật, gồm có 10 quyển.

2) Niên hiệu vua Tống Huy-Tông (1119-1126)

đo hỏi thì quả có người chôn ấy họ Ma giàu đã ba đời. Từ đời ông cất 100.000 quan vào kho mà không bao giờ dùng đến. Một hôm thấy mất, không biết đi đâu. Bà Lưu liền cho người đến bảo họ Ma đưa thuyền xe đến để trả tiền ấy lại cho song họ ấy lại từ tạ không dám nhận. Bà bèn đem tiền ra phát hết cho dân nghèo, không để lại một đồng. Sau lại gian thêm). Lúc tôi còn bé nhà cha tôi ở làng Chi-Châu (Hải-Đôn) một hôm vào khoảng giờ vị nghe phía ngoài có tiếng như tiếng sóng, ra cửa xem thấy ngoài một tràm trượng ở giữa đồng có một đôi tiền từ phương bắc đến dài chừng mười hai trượng, cao 6, 7 thước, trước đội như có một cây cờ nhỏ thoắt đỏ thoắt xanh, có kẻ gặp nó bắt lấy, đứng vào tay thì nhẩy hay qua sông, không biết đi đâu?

Phàm mọi vật không ra ngoài khí Âm dương, dầu đã khô cháy rồi cũng vậy. Đĩa đèn rơi xuống đất, ban ngày thì sắp, ban đêm thì ngửa. (Bởi vì) đất và than cân nhau, khí trời đông chỉ đã tới thì than nặng, khí hạ chỉ thì lại đất nặng.

Tháng năm (1) đã có khí Âm, cho nên nấu nước thiết sôi mà thò tay vào đáy

nổi được, đến khi thêm nước lạnh vào thì lại nóng không thể nguội vào được. Tháng một (khâm) đã có khí dương, cho nên dương bồi mùa đông thịnh mà nước suối thường ấm, mức lên mới lạnh.

Làng chài ở sông hồ thường cần nước đoán lụt lội. Mỗi năm, đem trừ lịch (1), khoảng canh hai, mức nước giữa dòng sông đem dựng vào một cái đồ gỗ. Đến canh tư lại mức, dựng riêng ra một cái khác, trước sau phải mức ở một chỗ. Rồi đem nước mới và nước cũ ra cân, nước mới nặng thì năm ấy nhiều lụt, nhẹ thì ít. Sách Nghiện bắc tạp chí (2): *Cân nước để đoán (lụt) không phải là chuyện ảo*.

Cải nóng (phát sa) ở huyện Hòa-Đa thuộc Bình-Tuân do nước suối nóng đọng lại thành hồ, giặt áo rất trắng nhưng mau rách (người ta bỏ một vài giọt vào đồ ăn mà nấu, đồ ăn mau bầy, nhưng ăn độc).

Từ-Triều-Tuân nói: *Mưa đá* (bạc) bởi khí dương quá thịnh đẩy trên các hang cũng, khiến cho âm băng rơi xuống thành mưa đá. Thuyết ấy chưa chắc đã đúng.

(1) 30 tháng chạp.

(2) Sách của Lục-Hữu đời Nguyên soạn gồm 2 quyển. Hạng có hiệu là Nghiện Sinh Bắc.

Thường thấy mưa đá, phần nhiều là đám mây quần lại thành trận mưa mau, khoảng khắc lại tanh có khi không ngoài vài mươi dặm, không phải là mây cả trời mưa khắp đất. Phương nam không có băng từ đâu mà sinh mưa đá, bởi vì khí âm phục ở giữa trời bị khí dương vây ép mới kết thành khối không rơi ra từng giọt được cho lên thành mưa đá. Lại sách Tinh lý có chép tủy của Trích-Tử (1): *Có Tham nghị họ Vương lên trên núi Ngũ-Đài thấy con thần lân (tích địa) ngậm nước phun ra làm mưa đá được một chốc mưa dỏ xuống. Bởi vì con thần lân cầm lấy khí âm sui nước làm phun ra bị khí dương xa đẩy không kịp tán ra từng giọt nên cũng thành mưa đá.*

Gà con mới nở phải đợi nước xuống mới nở ra đất. Những nhà ở xa sông biển không như con nước thì mức mặt gạo nước dổi lên mái nhà cho chảy xuống rồi sẽ nở ra đất. Nếu làm mà thả khí nước lên thì gà sẽ bị chết dịch hoặc quạ điều thả mái (bởi vì) gà gáy sáng là trứng về dương. Lại gà ấp trứng cách năm (2)

(1) Từ-Triều-Tuân đời Tống.

(2) Nghĩa là lập cốc năm này sang đầu năm khác mới nở.

thì không nuôi được. Cái đó không thể giải ra.

Cu ngói (ngõa cu) *cu cườm (lục cu)* tục bảo đều do cá hóa ra. *Cu ngói* là cá mèi hóa ra, nhỏ bằng chim sẻ (trước) sắc xanh hồng, xứ Bắc-kỳ đến tháng 8, 9 nó bay từng đàn, người ta đánh lưới bắt được. Cá mèi thì sắc vàng. Sách *Giao-Châu Ký* (1): «*Biển nam có thứ cá vàng đến tháng chín thì hóa làm chim cú (thuần). Ấy tức là cu cườm mà do cá chim hóa ra. Cu này to bằng bả cá (cá) sắc lục tiếng kêu như mõ. Hà-Tĩnh, Quảng-Bình khoảng tháng 4, 5 thì có. Nó không bay từng đàn, người ta bắt được huyết tiếng, đánh lưới chụp được. Phàm các loại cu, mặt nó ngọt thịt đều ngon, cho người bệnh ăn không độc.*

Con quạ cú nói trở lại cho mẹ nó là thứ chim có niếu trong loại chim. Nó cũng hay thưng đồng loại. Có kẻ bắt sống được một con quạ, khoanh khắc có hàng chục hàng trăm con bay lại mổ, hùa như muỗi cừ. Lại có khi thấy

1) Sách của Triệu-Công (hay Triệu-Vương) và Tăng-Côn đời Đường soạn nói về *Giao-Châu*.

chim dữ nào thì nó quần tụ lại vừa kêu vừa dũi.

Sách *Nhĩ nhĩ* có kể một thứ chim *diên mãn mẫu*. Sách *Linh hiếu lục* đi: «*Chim mãn mẫu hình như chim thanh lịch, mỏ to mà dài hay bắt cá trong ao mà ăn. Khi hót thì trong mỏ văng ra những muối, nếu cũng có tên là chim nhà muối (thỏ máu).*» Tôi tới Nam-Kỳ ban đêm nghe tiếng như người ọc mưa, dân ở đây bảo là chim ác kêu thì nhà muối ra. Nam-Kỳ nhiều muối, đại để là con cụng quăng (kiết quyết) ở trong nước hóa ra. Có lần đi thuyền từ Hàu-Giang qua bãi soi Kiềm-Hà, muối bay che sông, tiếng kêu như hũy ong, giữa sông thấy cây xác cụng quăng.

Khoảng miền Vĩnh-Long, Định-Tường, An-Giang có loại chim cao đồ vai thưng sắc xanh, lông đủ 5 sắc, tục gọi là *phượng hoàng*, ngày nấp đêm bay, bay rất mau và mau, (vùn vút) như tiếng gió hú, trịch dậu trên cây cối ả. Xem sách *Bắc Nhã*. (1) «*Các giống chim e, toan, tặc*

1) Có tên là *Quảng nhũ* của Trương-Áp đời Nguyên soạn gồm. Về sau có nhiều nhà chú thích.

mạch, sắc thốc, có dung, tuần nghĩa quảng
 xuong, tiền minh đều thuộc loài chim
 phương-hoang. » Sách Cầm kinh (1) « Đồ
 gọi là *đan phương*, xanh gọi là *vũ trường*,
 trắng gọi là *hóa dục*, huyền gọi là *âm
 chỉ*, vàng gọi là *thổ phù* ». Lại sách Tỳ
 nhi (2) dẫn bản Cổ cầm kinh: « phương
 xanh gọi là *chim hạt*, phương đỏ gọi là
chim thuần, phương vàng gọi là *chim loan*,
 phương trắng gọi là *chim tác*, phương
 tía gọi là *chim sắc* ». Bản Nhạc thổ đồ
 trung (3): « 5 loài phương đều có 5 sắc
 làm điềm tốt chỉ có một mà điềm xấu
 thì đến bốn (4 loài này đều giống phương:
 1) Chim *túc xuong* mỏ cù (cưu), mắt tròn,
 mình có nghĩa, đội tin, giữ lễ, mang nhân,
 đeo tri, nó đến thì ứng việc (bình) dịch.
 2) Chim *phát minh* mỏ quạ, cánh và cổ
 to, mình nhân, đội tri, giữ nghĩa, mang
 tin, đeo lễ, nó đến thì ứng việc tang.
 3) Chim *tiêu minh*, cổ dài, lông thưa,
 dưới tròn mình nghĩa, đội tin, giữ nhân,

1) Một quyển, bảo của Sư-Khoảng đời Xuân
 Thu làm, chỉ là bày đặt.

2) Của Lục-Điền đời Tống soạn, 20 quyển,
 thích các vật loại đầy đủ.

3) Một bản trong loại VI thư. (Sách này có
 một số bản khác nhau về số lượng quyển)

mang tri, đeo lễ, nó đến thì ứng việc
 nước (lụt). 4) Chim *u xuong* mắt sáng dần
 nhỏ, mình to, chân nhỏ, ống chân có
 vây, mình tri, đội tin, mang nhân, đeo
 lễ, giữ nghĩa, nó đến thì ứng về (lại)
 hạn. Bốn thứ chim này đều được điềm
 xấu). Ôi! Phương thuộc về dương tính
 là điềm tốt thấy ở kinh Thi, Thư,
 Luận ngữ, Lễ ký không lẽ nơi bậy. Những
 lời sách VI thư (1) nói không đủ tin. Và
 lại 4 thứ chim ấy đã mang dấu ngũ thường
 mà lại đời điềm xấu, theo lẽ càng nên
 bác. Hoặc giả nhà nào đời Hán thấy
 các triều vua ra điềm tốt nên đặt ra
 thuyết ấy để phung thích đó chăng? Và
 loài vật tương tự nhau cũng nhiều chưa
 chắc đều có điềm tốt xấu. Ở Nam-Kỳ
 loài chim này không có gì lạ, nó bay ra
 thì các chim khác không theo. Bởi vì nó
 dù 5 sắc cho nên tục gọi tên ấy, nhưng
 vì nó ngày gặp đêm bay là loài âm điều
 thường đậu ở vườn cây, người ta cũng
 ghét.

1) Có bảy thứ: Dịch vĩ, Thư vĩ, Thi vĩ, Lễ vĩ,
 Xuân thu vĩ, Hiếu kinh vĩ, thạc lời Không-Tử,
 của bọn nhà nho đời Tây-Hán nhân môn sùng vĩ
 thích sách, đặt ra.

Chim sơn khí phương lớn như con ngỗng (nga) cao một thước hai, mỏ đỏ mà cong dài hơn 5 tấc, to bằng cánh tay trẻ con, đuôi và chân đều ngắn, lông cánh dài hơn lông đuôi và lông chân, mình đỏ, trên đầu có lông trắng cò và lưng cánh đều có vân ngang sắc vàng, đỏ đen như giải thất có lông thứ không lã lỏn, sản xuất ở chằm núi ít khi có. (Khoảng năm Minh-Mệnh có người được dâng lên, vua sai đeo thẻ cùm một đồng tiền vàng rồi thả đi. Chim này tục gọi là *phượng đất*).

Yến sào sinh trong hóc đá ở hải đảo, sắc trắng nõn cũng có thứ có điểm hồng. Người lấy yến nói rằng : tháng xuân lấy lần đầu thì trắng nõn, lấy được rồi bỏ thứ vàng đi, lấy lần thứ hai thì đang kỳ mà ấp con, nó phải khổ công làm tổ đến nỗi phun máu ra cho nên có lông điểm hồng, nếu chim con đã nở mà lấy được thì hơi có màu tro, thứ này giá rất đắt, mà thứ có điểm hồng gọi là *yến huyết*, tục lại càng quý, thứ có sắc tro thì hơi rẻ.

Hồi quốc sơ, có Quận công Nguyễn.

Hoàng-Đức (1) cùng thủ hạ từ Nghệ-An chạy sang Tiêm-La, đi đường núi hết lương, qua đèo một cây lớn trầy lá rụng đầy đất, trông xa thấy nhúc nhích hai gần thì hoa ra chim con cò, nhàu lấy ăn. Người Tàu gọi thứ cây *bưôm bưôm* (giúp điệp) cũng là loài ấy ; thực vật hoa làm đờng vật vậy.

Đã Kiêu-Giang (Hả-Tiên) nhiều chim sắc chim thương đậu ở bãi soi, không biết bao nhiêu mà kể, làm tổ nuôi con rất nhiều, thấy người không sợ lắm, gọi là chỗ chim đậu (đều đình) thổ nhân bắt lấy lông có cái lợi làm quạt lông bầu. Khoảng năm Minh-Mệnh, (vua) nghĩ rằng hại nhiều sinh vật, mới cấm đi (đều là loài thủy điều xấu như chim bồ nông (đê hồ) chim theo (thốc thu) v.v... họ bắt chim con lấy lông).

Loài lông vũ thuộc dương, cho nên thân đáng nhỏ mà tiếng kêu nghe xa, loại lông vào thuộc âm cho nên thân đáng thô mà tiếng kêu lại đục. Hồi trước có con chim

1) Quê làng Khanh-Hậu tỉnh Tân-An, vốn họ Hoàng có công giúp vua Gia-Long được ban quốc tịch.

tên là *q* *chay* 阿待 ở bên Tây dương đưa qua, mình chim lông thú, không lưỡi, không bay và kén đợc, trạng mạo xấu xí đáng ghét. Xét sách Tục văn hiến thống khảo: (1) « nước Tô Pháp Nhi (?) có con chim đá kê mình bẹp cổ dài như hạc, cao 3, 4 thước, trên mỗi chân có hai cục lông như lạc đá » Tức là chim này (2)

Vật có thứ khắc nhau như thủy ngân làm mềm được vàng, lấy vàng bỏ vào đồ đựng thủy ngân thì nổi chứ không chìm; cương sa làm tan được vàng nếu lấy cương sa hợp với mỡ lợn đựng vào trong một đồ gì, để cách đêm thì hóa thành nước. Có vật do khí nó theo nhau như làm thịt trâu, lợn, bỏ muối vào tuyết, tuyết gặp chất mỡ thì tan ra không đông lại. Đánh tuyết cho đều rơi vào bong bóng, lấy giấy bọc đều miệng rồi xối nước lên tay đến trăm lần, nấu lên cất ra thì đông lại. Lại lấy vai chực trứng vịt đập lấy riêng lòng vàng và lòng trắng đánh cho đều, đổ lợn vào

1) Chính là sách của Mi-Đoan-Lâm đời Nguyên, đời Minh có Vương-Kỳ tục vào, triều thần vua Lan Long nhà Thanh lại tục thêm nữa.

2) Gọi là đá đều, là chay chặc dịch âm từ chữ *nutriche*.

bong bóng lợn, buộc chặt xối nước trăm lần hay để ở dòng nước chảy một đêm, nấu lên cất ra thì thấy lòng vàng ở trong lòng trắng bọc ngoài y như một trứng. Bởi vì khí theo nước chuyển vận nên mới ngưng kết đợc. Lại như lấy cỏ roi ngựa (mã tiên) đốt ra than để chữa gẻ ngựa và dấu ngựa cắn. Nước miếng mèo chữa chuột và rắn cắn. Gạch cua chữa sơn ăn. Mỏ con lấy chữa hóc xương cá, là lấy cái lẽ nó khắc nhau cả. Chim còộc (lư tư) hay bắt cá, thịt rất tanh, làm thịt nó phải bỏ vai còn cá đã nấu rồi vào nồi nước sôi để trung lòng sẽ nhỏ lòng làm thịt ăn đợc (rồi còn) rửa một sây gạo lấy nước mà uống. Cóc (thiền thú) cắn thì đập rudi lấy xác bôi vào là lấy cái lẽ nó theo nhau. Lại như lấy cây bị xét đánh chẻ làm gậy, bề thấy dền bay qua dưới ánh mặt trời dùng gậy ấy đánh vào bóng nó sẽ sa xuống ngay, cũng là do khí xui nên như vậy. (Bài Thiên kim phương trong sách Nguyệt-Linh tập yếu (1) có nói trong tháng 9 theo hướng tuất đào một lỗ sâu ba bốn thước, chôn năm cân than lấp đất lại để

1) Không hiểu có phải là sách Nguyệt-linh minh nghĩa của Hoàng-Đạo-Chu đời Minh soạn chăng?

trừ hỏa tai, vì hương tuất là mỡ của hỏa.
(Lâm thế là) chế trừ ở khí vậy.

Theo lời người Cao-Mên thì sừng tê thiệt vẫn khó được bởi vì dục cái khó (giáo) hợp nhau. Tê cái mỗi lần giao hợp với trâu rừng (Sơn ngưu) sinh con cũng như tê mà sừng dài, ấy là bò tót (chủ) Chỉ cha mẹ đều tê thì sinh con sừng ngắn, lờm chờm như ngọn núi, mới thiệt là sừng tê, dùng (ốt hơn cả. Thuyết này cũng giống như thuyết con lừa (lư) và con la (lo) (1).

Loài cạp mình nó lạch lẹch nên người ta sợ nhưng cũng có người cạp lại phải sợ. Lang Hương-Duyệt thuộc huyện Kỳ-Anh (Hà-Tĩnh) có Dương-Tao trước làm Đô đốc Tây-Sơn. Buổi q ốc sợ, qui thuận làm chức Cai doi. Ông ở nhà mỗi lần xóm lân cận bị cạp quấy, tới đêm thì được ngay. Đi đêm trong núi, gặp cạp thì ông thét máng (nó) phủ phục không động dấy. Bởi vì người ấy đã có định thần. Người Tàu nói: « Qui thần không sợ người dưng mãnh ma sợ người quả cảm » cũng một lối ấy.

Loài vật đều có một điểm sáng của nó,

1) Con la là cha ngựa mẹ lừa sinh ra.

cho nên chó ngựa biết báo đên cho chủ. Giống khác cũng vậy. Năm trước ở Kỳ-Anh có đứa trẻ chăn 2 con trâu ở ngoài đồng bị cạp vỡ, nhờ có cái toi nên bị thương nhẹ với vang gọi: « Trâu lại cứu tao! » Hai con trâu bèn lại bặng cạp, cạp phải thả người để đấu với trâu, nhưng thua chạy bị một con trâu rượt theo vào núi, còn một con ở lại giữ bèn đưa trẻ. Chốc lát người đỡ ra đồng, được về sự.

Người ta bảo cạp không sợ dao gậy mà sợ roi ngựa vì roi ngựa chất nhỏ mềm và bặt. Khi (nó) nghe tiếng roi vút không dám vỡ người vì sợ roi quất phải mắt. Khoảng đường Bình-Thượn, Khánh-Hóa, pau trạm đi đêm gặp cạp thì lấy roi ngựa quất, nhiều nơi cạp phải tránh. Nhưng đó là loại béo (bưu) chứ thiệt cạp thì chắc nó không sợ.

Mũi cạp không có lỗ nên nó cứ hác miệng luôn. Cá sấu (ngạc ngư) không có cổ và lưỡi nên ở chỗ nước sâu, sức không có. Bất vật gì nó phải nấp ở trong cỏ bùn hay ở mép bờ sông bám vào đất dùng đôi quất cho vật ấy ngã xuống nước rồi mới nuốt. Năm trước sông Cẩm Đàm thuộc tỉnh Gia-Định có con sấu to làm

hai nhiều người, có một ông Tri bỏ nó bị sấu ăn mất, sấu bèn thành ma-tránh như cộp người ta gọi là « *Bộ Cầm* » Thuyền đi qua đây dân nhậu phải đi giữa dòng chớ không dám đi gần bờ. Quan Tổng trấn sai người ngoắc con vịt vào lưới câu buộc giấy gai vào thuyền nhỏ, mỗi vịt nổi ở bờ sông, khi sấu đã mắc câu, thả giấy ra để mặc nó lội lên xuống vài ngày, đợi khi mệt sức vào bờ thỏ, mới lấy giấy đâm.

Cá sấu lâu chết, người ta bắt được nó lấy giấy tre trói lại chôn xuống đất chừa một lỗ ở chỗ mũi để cho thở, mỗi ngày lấy nước gạo đổ vào, được vài tháng thì nó càng mập và trắng, trước hết cắt đuôi mà ăn, không chạm đến tang ruột. (Ăn thì dần) đến một tuần nhật vẫn không chết. Chặt đầu nó sau vài ngày, miệng bây còn ngáp.

Nam Kỳ chỗ nào cũng có sấu mấy năm gần đây nó chẳng làm hại gì, chỉ làm đồ ăn cho người. Duy những gà heo thả rong ở ngoài bến sông thường bị nó ăn cũng như cách chồn cáo. Sông Hàm-Long thuộc tỉnh Vĩnh-Long có một con sấu to bằng vài mươi học, người đi thuyền qua thấy

nó lội ở giữa nước mà cũng không lấy làm sợ.

Hồ biển ở dưới núi Thạch-Bi thuộc tỉnh Phú-Yên cũng có sấu nhưng không làm hại gì. Hồ ấy ở hạ lưu các sông Bàn-Thạch. Dân ở đây nơi thường có hai con sấu giữ cửa sông. Các sấu khác theo nước lên mà vào sông đều bị nó cản đuổi phải trở về, nhưng gián hoặc có con nào vào lọt thì con ấy phá tính dữ tợn làm hại người. Thuyết ấy cũng huyền hoặc.

Nước Cao-Mên trong núi có thứ trâu gọi là *diên*, lông và sừng đều trắng cả, người ta bảo thứ trâu ấy hay ăn rắn, sừng nó chữa được độc rắn.

Con gấu tư cho bàn tay mình ngũ, khi nó ngũ thì bỏ tay vào miệng cho nên tay nó là mền ăn ngon.

Sừng *nai* (mê) *hươu* (lộc) rụng (lại mọc) nhưng mùa đông mùa hạ. Nhánh sừng theo lông trắng hay vàng đen mà khác nhau. Sừng hươu chẻ ra ba nhánh, sừng nai hai, là theo số dương thì lẻ mà âm thì chẵn. Lại có lần thấy họ săn được con nai sừng dài một thước tám, giống như sừng trâu, hơi thẳng mà không có nhánh. (Chẻ sừng nai bẹp bằng quân

cờ lấy bát cau dốt cho thành than, làm thuốc hút độc trùng và độc rắn).

Con sơn mã tục gọi là con cá lóng, mình giống như hươu, lông vàng, sừng rất to đến 7, 8 thước, nhánh sừng cái dài cái ngắn, bắt tề, xoay tròn bằng cái đầu, thịt ngon hơn nai hươu (Sách Châu-Lạc phong thổ ký của Chu-Đạt-Quan đời Nguyên (1) có nói: «loài thú có con sơn mã là vật mà nước Tàu không có». Nay chỉ ở Nam-Kỳ có thôi).

Thương thư Phan-Mai-Xuyên (2) nói có lần thấy con cá bông (hồ sa) hóa làm con nai. Xét sách Loại hàm: «Cá lộc tử, đuôi đỏ, đuôi và vây đều có điểm hoa vàng đỏ như hươu. Giữa Nam hải có bãi cồn soi đến mùa xuân loài cá ấy nhẩy lên bãi hóa làm hươu». Có lẽ nó cũng giống như chim sê hóa vạc (cáp), chim trĩ hóa sỏ (thần), nhưng giảo hoặc chỉ một vài loài, không phải hết thảy đều như thế.

(Thần) con thỏ chỉ có 8 lỗ, cho nên

1) Một quyển. Chưa đi theo sử bộ đời Nguyên Thành-lông.

2) Biệt hiệu Phan-Thanh-Giản.

tục bảo nó không có con đực, chỉ trống trắng mà nhà con ra. Sự thật thì thỏ cũng có đực cái. Sách Bản thảo dẫn bài Mộc lan từ: 雉兔脚撰切 Hùng thổ cước phác sóc nghĩa là chân thỏ đực «ánh gió bắc đủ làm chứng hiện ra sự thật.

Nhím (vi) là một vật dù cả Âm dương, cũng thường ở cặp đôi nhau.

Đời này nuôi ngựa tốt nhờ khi bảo rằng nó có thể trừ được dịch ngựa. Sự ấy không biết ai bày đầu. Xét truyện Quách-Phác: «ông ta có lần tới nhà Trương quân là Triệu-Cổ vừa khi con ngựa tốt của Triệu chết, tiếc lắm. Quách bảo lựa hai hũ mười đũa khỗc mạnh đều cầm sào dài đi về phương đông 30 dặm, thấy có gò lùm dền miều nào thì đập (vào bụi), hễ được vật gì thì đem về cho mau, ngựa sẽ sống lại». Họ nghe theo, quả bắt được một vật như con khỉ đem về. Con vật ấy thấy ngựa chết bèn tới thỏ hơi vào mũi ngựa, được một chốc ngựa sống dậy được? Ý giả gốc ở chuyện này.

Tính khí của cây dã già cũng hóa làm khi. Sách Pháp Uyển châu làm (1) «Trương

1) Của Thích-Đạo-Thế đời Đường soạn gồm 120 quyển.

Bá-Cao đần cây, có 6, 7 ông lão đột nhiên ở lỗ cây đi ra, cây ngã thì cũng chết nốt, nhìn kỹ thì khắp người đều có lông. Có lẽ là loại mà người ta gọi là khi bay (phỉ hầu) cùng quý vọng lượng». Nguyễn-Bá-Thần (1) trước làm An sát Ninh Bình nói khi làm Tri huyện Lôi-Dương (Thanh-Hóa), có một hôm đi đâu về gần tới nhà, trời đã chiều mây nổi đen sì và có sấm chớp sắp đổ mưa, bèn cùng vài đứa hầu đi bộ về trước cho mau, qua dưới một cây to thấy một vật như con cáo cứ quần theo chân, trong bụng lấy làm lạ, bèn cởi áo chụp bắt được, học lấy đem về, sai người nấu nước làm thịt, khi bắt ra thì giống cáo mà không phải cáo, giống khi mà không phải khi, mềm nhũn. Làm thịt ra thì không có xương thử cho chó mèo ăn thấy không hề gì, bọn hầu nhân cũng ăn bảo thịt rất ngon. Một tuần sau, cây ấy chết khô.

Kinh Thi có câu : « Trâu ơi tôi đây !
Tai mây phe phây ». Tục đời nay xem tướng trâu, tai và sừng muốn uớt, vai muốn nở, chân muốn nhỏ, móng muốn

1) Quê làng Hạ-Dương, huyện Đông-Ngan (Bắc-Ninh) đậu Cử nhân năm 1825.

khít, lông xoáy muốn cân, răng muốn bẹp và to như vỏ sò mà khít. Ghét lông sọc che trán, ghét trên cổ trước hông và dài có xoáy, ghét mắt đỏ, ghét sớ da thô, ghét răng tròn mà thưa. Trâu mà lông sọc lấp lánh và ngựa chạy phất đuôi thì tục rất kiêng. (Sách xem tướng trâu của Ninh-Thích (1) « Hồ thọ của trâu cách sừng gần thì đi nhanh, mắt cho to, trong mắt có đương trắng đi xuyên qua con người thì rất tốt, xương dầy dai và to, bước đi cho rộng; chỗ cưỡi cho được như thất lưng ngựa; đình cho rộng lớn; quan (hàm) cho đứng thẳng, xương như cây lan dù xuống; châu cho to lớn; nhạc (u) cho to, đầu cao, các bộ xương cho khít; thùy tinh (ráu cằm?) được như cò dánh giậu; bắp thịt cho to mà sa xuống; móng chân cứng bát; âm hồng thuộc dầu dương diêm (?) cho rộng. Thương trán nào tiếng như chim hót ấy là có (ngựa) hoang. Hồ và châu sâu thì không thọ; chỗ thượng tri mà lông loạn thì phần đầu; thân như cuốn lại, bắp chân sau

1) Tướng vua Tề-Hoàn-Công, lúc hân vi vừa chần trâu vừa đọc sách.

to và xương sườn thưa thì khó nuôi
dầu như dầu rồng, mắt lồi thì hay vọt
nhảy. Gân cốt đều đặn, lông ngắn và dày
nền dài và thưa thì không chịu rét,
đuôi chơ dưng com dài quét đất, đuôi
lông ít mà xương sườn mới mạnh; bắp
thịt cho cứng, sừng cho nhỏ, mũi như
gương thì khó dắc, miệng vuông thì dễ
nuôi. Con thú ngu nào lo mập dưới
xanh thì mảnh lắm; dưới cổ có lông
trắng hai khoanh rõ ràng thì không sợ
dịch tễ.

Ngày nay tục thấy đám mây đen sì có
vòi hổ xuống, gốc to ngọn nhỏ thì báo
rừng rồng lấy nước. Lúc trước tôi ở Tân-
Bình (Gia Định) một hôm gió thổi mưa
phùn, khi mây đầy cả bên cửa sổ, ban
đầu tôi lấy làm lạ bèn ra cửa xem thấy
mây loạn trời chày như tên bắn. Cách
nhà môn vài trăm trượng có đôi ruộng
can, nước chỉ có vài tấc, giữa không trung
có một vết xanh đen rất dài, trên to che
được vài mẫu ruộng, dưới có vòi hổ xuống
cách đất hơn trượng, phò chỉ bằng còi
nhà, nước giữa ruộng vọt lên hết, cỏ rác
lá cây gần đây đều bị bốc lên trời cả,
người đứng đó thì áo quần cũng cuốn

ngược, chân đứng hình như không vững.
Chừng một giờ dần dần rui vào mây, gió
lớn cũng theo đó mà mất. Rồng khi nhỏ
khí to, chỉ có cái vòi hổ xuống không
rõ là vật gì. Từ Triệu-Tuấn báo rồng là
koi giữa dải hút lên mà thành, như không
phải hình nó như thế. Lối ban cửa nhà
nhỏ thì rằng: Khi dưng, dải kẻ dưới đất,
gập lổ ùn ra cũng như khói bay ra cửa
bếp gốc nhỏ mà ngọn to, chuyên sóng dưng
nhờ ở sức gió. Thì cũng có thế, nhưng
tất cả ở trên có mây dày từ hơi bốc
rờ mờ như thế, khi sắp đi, lại có gió
theo quét sạch, thì ngờ là có vật ấy. Đến
như Nhâm-Khai-Vân nói rồng lấy nước, nó
thì dưới xuống chứ không lấy đâu. Nói
thế là giải cái nghĩa bầy rồng không dầu
phải hơi vòi bện bị lâu chứ không xét đến
nơi (khoảng năm Cảnh-Hưng nhà Lê (1740-
1786) có rồng hiện trong phủ họ Trị h,
xanh và trắng, dầu như dầu trâu, dài vài
trượng, uốn mình trên nóc nhà. Thử giả cho
là không có bằng cứ.

Ương rồng (long cốt) sản ở Lôi Đa,
Bách-huyệt Vĩnh-Lộc thuộc Thanh-Hóa. Dầu
ở cây đao lấy làm thuốc. Rồng, móng,
đốt chân đều có cả, không phải đá cũng

không phải xương, hễ chỗ nào có xương
rỗng thì có vỏ sò bên trong.

Sách Nhĩ Nhã : « *Đặng xà* (rắn thiêng) ? »
Tuần-Tư bảo : « *Đặng xà* không có chân
mà bay được » Thường thấy người miệt biển
nói tình cờ gặp đi trên mặt biển báo gió
mưa sắp đến. Có con *chạch biển* (hải đù)
to bằng cột nhà, từ mặt sóng bay lên
trên cạn, gió mưa theo nó, làm hại gãy
cây đổ nhà. Lại ở xã Thuần-Châu thuộc
huyện Thiên-Lộc có một người đi thăm
đồng trời mưa, đến bờ đập lờ, nước sâu
và chảy xiết, bỗng thấy một con rắn to
bằng cột nhà ở gần bờ dựng đứng lên
giữa nước, đuôi gần ra khỏi mặt nước
thì người ấy vội trở cán xuống đánh, rắn
lăn ra chết, xem thì vậy nó có hoa 5
sắc. Ý giả cũng thuộc loại *Đặng xà*. Gần
đây năm kỷ Dậu (1849) ở Quảng-Bình trong
trận gió có một vật rất đồ, đi đến đâu thì
nhà đổ đó đến vài mươi nóc. Cũng là
loài này. Tục gọi là *gió vẩy đồ* (xích lân
phong).

Sách Nhĩ Nhã nói : « *Con trăn* (*mãng
huơng xà*) » Bình-Thành-Bá kể chuyện khi
bé có lần theo thuyền buôn vượt biển
tới Khánh-Hòa ghé vào một hòn đảo, người

trong thuyền lên bờ hái củi và lấy nước.
Ông ta cũng đi theo, thấy trên đá có lỗ
như cái bát, nước sây chừng vài tấc có
con tắc-kè (cạp giới) nằm trong ấy, nằm
sắc gấp giới, râu lông dài hơn một tấc.
Người thuyền dặn rằng đừng thột, rồi họ
trở xuống thuyền lấy hương và vàng giấy
tôi cúng, bói thì nói có con măng xà
đang nấp ở đó.

Thuồng luồng (giao) thuộc Âm nên tính
đâm. Năm át Dậu đời Minh-Mệnh (1825)
có người học trò quên tên ở Nga-Khê
(Hà-Tiên) kể chuyện : năm ấy về tiết thu
mưa to nước ngập vào nhà dân làng người
ấy cao có vai thước. Đến khi nước rút,
có người dân làng sang đây mở cửa quét
tước thấy có một hộp sơn tròn đặt trên
giường trong nhà, mở ra không được, con
gái của người ấy chừng 16, 17 tuổi lại
mở được. Trong hộp có vài đôi trâm và
xuyến, có gai bên cạnh. Người ấy (sau
rồi) đưa cả nhà đến ở Hồng-Linh. Được
hơn một tháng, người học trò nọ và mấy
người xóm diềng ngẫu nhiên thấy trong
vườn người ấy có một con *thuồng luồng*
quẩn dưới gốc cau, thấy người thì quẩn
quai thất thế. Ý giả ngày trước đồ đũa

con gái mà bị thần phạt đày chằng? Bên
xúm lại giết chết. (những huyện duyên
giang thuộc tỉnh Hưng-Hoa có nhiều ruộng
lương, ở hang, dân ở đây cũng có cho
ăn lúa gạo. Từ rởng rằm cuối xuân thì
nó xuống sông giao cầu. Nước miếng nó
rơi xuống đất rất độc).

Năm xưa tôi đến Hà-Tiên vào nghỉ một
quán, chủ quán làm thuốc, ban đêm đang
ngồi nói chuyện, có một con rắn to bằng
ngón tay leo vách. Chủ quán bảo: Đó
là con rồng gỗ (mộc long) « Rời đuôi đây
lấy chuối để trên rường nhà, rắn cũng đi.
Tôi không hiểu gì cả nhưng không dám hỏi
vội. Sau hỏi thì dân ở đây rằng: « Nó là
tinh khí của loài cây chưa lại mà sống
ra, không hại người, người ta thường nuôi
trong nhà để làm ăn cho có lợi. Mỗi
tháng cứ mỗi một và rằm thì lấy chuối hay
trứng gà, vịt cho nó ăn, rắn nuốt ruột
chuối hay nước trứng để xác vỏ lại mà
không tan vỡ ».

Xã An-Đi, thuộc Quảng-Định, tỉnh Thanh-
Hóa có sản một loại rắn rất nhều, tục
gọi là rắn nang, có đốm dưới ngân, bụng
không được vài tấc, tính nó cũng thuận
hay ở tường vách, đường, ngõ không

hại người. Dân ở đây bảo xưa có ông
lão ở đây nuôi một đôi rắn đều cắt đứt
đuôi, nên còn sót giống lại nay, quen
người. Rắn này sợ hành thun (tiểu toái),
người xứ ấy cũng không hay trồng (Tiểu
toái, tục gọi là hành thun, có xứ gọi
thành) thun có xứ gọi nang có xứ gọi năm.

Rắn có hai loài theo sách biến (1)
thì giải rắn thuộc lý và bình; hỏa thuộc
về lộc định. Trong thân thể thì hỏa chủ
về độn nên rắn có hai loài. Tộc thì
cho rằng: Những loài tượng về ngũ
hành, bản vật thuộc thiên thì thành đôi
cả. Nguyên, hành, lợi đều một mà trạch
thì gồm cả chính cố; Trắc, âu, tu, ở, từ
nhượng đều một mà trạch thì phân được
thì phi; Tam, can, ừ, phế đều một mà
thận thì có hai trai; Mão, ngọ, dậu đều
một mà trạch thì hợp cả thủy và thổ; Long
điền, tở đều một mà sao Huyền Vũ (2)
lại hợp cả qui và xà. Nhưng qui và xà
tuy thuộc thủy mà rùa (qui) hình tròn
ghé về thổ, rắn (xà) thì cong queo toàn

(1) Tác là lấy 12 giống động vật phối vào 12
chi, cũng gọi là thập nhị thuộc.

(2) tức sao dậu ngũ, 7 sao ở về bắc.

thuộc thủy, nên có hai lưỡi.

Tục Nam-kỳ lấy rân hồ mang (hồ xá) làm món ăn quý, thường dùng đi lễ quan tròa và đãi khách khứa. Lấy máu no hòa với rượu mà uống bảo là trị phong thấp; hồ dầu và đuôi 5 tấc rời mới ăn, cho là độc ở các chỗ ấy (Gấp đuôi lại dún tới chặt đôi ra, lại lấy khúc đuôi đo khúc đầu mà chặt bỏ). Lại có nhà nuôi rân ấy dùng ống tre độ vài lòng một đầu để mắt, đầu kia để trống, bỏ rân vào, lấy vật gì bịt kín miệng. Đàng mắt tre xuyên một lỗ nhỏ đâm hành thun tằm tằm tre bỏ vào lỗ, rân sợ hành phải co lại, không thàng ra được, một tuần sau thay tằm khác, cũng tằm hành mà dày vào thêm, rân càng co mãi lâu dần ngắn bằng con chạch, vậy trắng ra, rất ngon béo. Nhưng khi mở ống bắt nó phải lưu ý. Nếu không nó cắn phải thì không thể cứu được.

Ở Nam-Kỳ có rất nhiều, chỉ không có cá gáy (lô ngư) và cá giếc (tức ngư).

Cá anh vũ sinh ở Tam-Nông thuộc Hưng-Hóa đến cửa sông Việt-Trí thuộc Sơn-Tây. Mỏ như mỏ vịt (anh vũ) mình dày mà dài, vây sắc xanh lục, không có xương

vụn. Cá ấy ở Việt-Trí rất ngon. Sông Nhị-Hà dài có ngàn dặm mà chỉ có khúc này là có cá ấy, đến khúc khác lại không có. Tiết rét mùa đông đánh lưới bắt nó, dần xuân đang có khí lạnh cũng đánh được ít chiều. Cuối xuân về sắp thì không có nữa, nên lấy làm quý. Có tên là Gia-ngư, có kẻ bảo sông Việt-Trí có lỗ thông đến Bình-Huyệt (1). Cá này đến rét thì dời sang nam, nóng lại về bắc. Cho nên cá ở Bình-Huyệt tháng 3 mới có, tháng 10 vào huyết mà đi. Cá sông (ở ta) thì đông tới, xuân đi. Sách Sơn đường duy khảo (2): « cá này thường lên sông Long-Môn ở Gia-Hưng (Triết-Giang) để hóa rồng ».

Cá chày (chiến ngư) chỉ sản ở sông Tam-Thoa thuộc Vĩnh-Huyện mà thôi, còn xứ khác cũng không có.

Sông Sơn-Minh thuộc Hà Nội có cá bạc (ngân ngư) dài hơn một tấc, sắc trắng không vây. Bắt được đang tươi nấu chín

1) ở phía nam huyện Nhã-An và phía đông bắc huyện Vạn-Nguyên thuộc tỉnh Tứ-Xuyên đều có sản xuất thứ gia ngư.

2) của Bành-đại-Dục đời Minh soạn gồm có 228 quyển.

thịt xương và thịt hòa ra như cao, vị rất ngon, nhưng nó ra khỏi nước liền chết không đưa đi xa được. (Cá này có tên là *khôái dư*).

Cá thí sách Loại hàm gọi là *hoa ngư*, cũng gọi là *dấu ngư*. Sách Cao nam tạp chỉ lại gọi là *đỉnh ban ngư*.

Cá *du đô*, sống ở Nam-kỳ. Miền bắc chỉ có cá *dư ngư* sống ở ruộng cũng giống cá trên mà phổ bằng ngón tay cái, sắc xanh thịt kém, người ta bắt được thường bỏ đi. Lúc xưa không có cá này. Hồi quốc sơ mới nuôi nó, nay thì xứ nào cũng có. Cá này khéo nuôi con, bầy cá con dâng lội bơi một đoàn, sắc đỏ rờn, mẹ đi theo sau, gặp khi kinh động thì mẹ há miệng cho con chui vào, cá khác không làm hai được cho nên sinh nở ra nhiều lắm. Thuở xưa có cá *trau* (*lệ ngư*) vị khá ngon, sau bị cá này ăn dần đã gần tuyệt nòi. Ở Nam-kỳ có cá *hoa* (*hoa ngư*) cũng giống như cá *Du Đô* mà hơi to, đầu và lưng đều có vân vàng, vị không ngon bằng. (Nam-kỳ lại có thứ cá *thất lạc*, mình mỏng đuôi dài, giống như cá *leo* (*chiêm ngư*) mà có diềm tròn, vây nhỏ, xương mềm, vị nó so với các cá khác cũng khá ngon.

Ở Kinh (Huế) cũng có mà nhỏ).

Cá không ngủ cho nên ra động. Sách Quí-Tân tạp thức của Chu-Mật: « Những người đem cá giống đi đường bộ, gặp ao hồ phải múc nước mới, mỗi ngày thay vài bận, đi luôn cả ngày mà đêm cũng không được nghỉ, dầu muốn nghỉ một chốc cũng phải để một người lay động nó luôn, bởi vì nước có lay động thì cá mới bơi lội nhón nhơ, như lúc ở giữa sông hồ trái lại được lặng thì cá chết. Nay những người ở Hương-Yên buôn cá giống đều phải làm như vậy. Lại những người buôn cá giống nuôi trong ao hồ, không thấy nó đẻ con. Chu-Mật bảo là ban đầu mới nuôi cá, lấy dầu sao với cám cho ăn nên như thế.

Cá ở khe đầm, mùa hạ có chứa, đến tháng 6, 7 được trận mưa lớn, nó lội lên bờ cỏ giữa ruộng để trứng thành con, đến tháng 10 mới ăn được. Nhà làm ruộng thường xem cá con nhiều ít để bói năm tốt xấu: Gây giếc nhiều thì đông, xuân mưa gió phải thời; rõ (quá sơn ngư) nhiều thì rét tợn, leo nhiều thì năm sau đại hạn.

Cá *lạc* và *lếch* (*man li*) ở Bình-Định,

Phú-Yên có nhiều, thứ đen, vị ngon trong
loại không vậy có nó tốt hơn, còn thứ
trắng kém.

Ở Biên-Hòa có cá *bạch thu* sinh sản
rất ít. Nước Cao-Mên cũng có. Người Mên
có yêu thuật, thù ai thì mời thầy về thư
phủ một vật vào bụng người thù sẽ bị
bệnh như bệnh cở. Chữa bệnh ấy phải
lấy vật ấy ra như gai cây, xương cá, đùm
tóc, bot nước v.v... mới khỏi (1) Người
bị bệnh ăn lắm phải quả bí đao trắng
(bạch đông qua) thì khó chữa chỉ ăn cá
bạch thu thì rất hiệu, họ nói người nào
thường ăn cá ấy, yêu thuật không phạm
đến cho nên ở Mên rất quý thứ cá ấy.
Mà khó được nó, một con phơi khô giá
đến 4, 4 quan tiền.

Con *tấy* (thát) hay tế cá. Thường khi
một bày vài mươi con bắt (cá) để trên
bờ sông, (tế) xong thì dúi vào rồi đi.
Nước tiểu nó có độc, lắm mà ăn phải
thì bị bệnh, cho nên tục thường dặn nhau
được cá trên đất hoang tịch thì không nên
lấy, la sợ thứ cá mà *tấy* đã bỏ rồi.

Hải thu tục gọi là cá ông voi, mình dài

1) Tục này rất thịnh hành ở các bộ lạc Mọi trên
đây Trường-Sơn.

không vậy, đuôi giống tôm, kỳ nó rất
sắc, mũi ở trên trán, tính có nhân hay
cứu người. Người đi thuyền gặp phong ba
mà đắm nó thường đội trên lưng dựa
vào gần bờ, vậy đuôi bỏ lên. Người miệt
biên rất kính. Có con chết mà tạt vào
bờ ruồi lẳng không đậu, họ bèn góp tiền
làm ma, ai chủ việc ấy thì đánh cá và
buôn bán có lợi. Xét Tục thư chép :
« Nước Chân-Lạp có con cá kiến đồng,
bốn chân, không vậy mũi như voi, hút
nước phun ngược lên 5, 6 trượng ». Sách
Minh nhất thống chí cũng thuật theo như
thế. Nay hỏi người Nam-Kỳ và Cao-Mên
thì không có thứ cá nào mũi như mũi
voi, chỉ có thứ cá này mũi ở trên, đi
thì phun nước như voi tắm, cho nên có
tên ông voi, Con bảo 4 chân là vậy dưới
bụng nó.

Cá *lợn* (hải đôn) đầu như đầu lợn mình
như cá ông voi mà công, da dày 7, 8
phân, thịt rất ngon béo, mỡ nó thoa đậu
sang phát ngứa, nấu sệt, bôi ghè lở rất
hiệu ; lấy da mài với nước mà bôi cũng
hay.

Hải Đôn to bằng ngón tay, dài vài tấc,
ở dưới nước, hay cắn chỗ kín của người

mà người không biết đau, lên khỏi nước mới biết, bắt được nó thì trượng bụng lên bằng cái bát, thả xuống nước thì trôi lênh bênh như chết rồi, một chốc lại bơi lội như cũ, cũng là ác vật nên gan rất độc.

Người duyên hải không giết thú cá giang đồn có khi nó mắc lưới thì mở thả ra cũng như người thợ săn không bao giờ bắn qua vậy. Họ nói khi có một con giang đồn chết, cả bầy cá ấy đều xúm lại dỡ lấy con chết theo đó ng nước mà lên xuống, thở than ngậm ngùi dường như khóc lóc, đến khi thịt con chết rửa mới tan, ấy là giống cá biết thương đồng loại, cho nên người ta không nỡ giết, nếu làm mà giết thì đánh cá không lợi. Chỉ người Quảng-Yên bắt nó nấu dầu. Hải đồn tục gọi là cá môi, hà đồn là cá nóc, 鯨 giang đồn là cá nặc 𩺰.

Kiểm ngư cũng là một món ăn biển ngon. Minh nó dài mà dài như cá nhám (hồ sa ngư) gọi là cá Mềm . Cá biển hay rươi chỉ có cá này bắt được bọc vào mo chuối, cách một đêm hãy còn làm gói được.

Sách Lĩnh nam lục di: « Con Chương cũ

hình như con mực (ô tặc), Mân-Việt (1) có nhiều, đang tươi cũng như sứa (thủy mẫu) dùng gừng và giấm mà ăn. Thạch cự cũng một loại với chương cũ, mình nhỏ mà chân dài lắm muối, phơi khô nướng ăn rất ngon. « Thạch cự tục gọi là cá mực phơi khô đưa đi xa được. Chương cũ tục gọi là con nước.

Cua cũng có đực cái, nhưng không thấy nó sinh sản gì. Trùng sam (hậu) đầy cả bụng mà sinh con lại ít, cho nên sách Quảng-Đông tân ngữ (2) bảo: « Cua ở Viêm hải đều là sam hóa ra cá, trong 10 phần thì 9 phần cua, 1 phần sam ». Lại có thứ thịt hến (hạng cấp) hóa ra. Có lần thấy người nhà nấu hến, có một con thịt đã hóa ra cua mà hãy còn mềm sơ với con cua nhỏ đeo trong bụng con hải cánh (3) không giống nhau. Gạch cua (giải hoàng) cũng theo tuần trăng tròn hay khuyết khoảng trước hay sau ngày 30 thì chắc, trước hay

1) nay là Phúc-Kiến

2) của Khuất-dại-Quân đời Thanh, ghi chép sự vật ở Quảng-Đông.

3) như con vẹm lúc sào trong bụng cũng có con cua nhỏ như hạt đậu, tục gọi là con le.

(1) 157-nhất (151 6) 2000 1000 1000 1000
sau ngày rằm thì óp. Cua ra đêm 151. Nó
đi thì cứ theo mặt trời, buổi mai phương
đông, chiều phương tây, trưa phương nam,
nửa đêm phương bắc, chắt nó thuận âm
khi đông lại ứng về dương.

Ở Nam-Kỳ có một loại ba ba (miết) gọi
là trắng bông 龜 美 nó với rùa (qui) và
dồi mỗi (đại mai) giống nhau, đều có hai
lớp mai. Rùa sinh ở núi, hình nhỏ, mai
đỏ mà mềm; đồi mỗi sinh miết biển, hình
to mai có vân mà cứng; trắng bông sinh
ở sông chằm, nhỏ hơn đồi mỗi, mai cũng
có vân, nhiều vân trắng lợt, người ta thích
dùng làm chóp nón. Rùa tục gọi là Quảng
đông 龜 銅 làm thịt nó phải bắt vai con
trùn (dấu) nẫu sạch bùn rồi nấu lẫn với
rùa thì thịt mới lìa mai, không thì cứ dính
mãi. Cũng không thể hiểu được ra sao. Ý
lấy lẽ con trùn hay có đuôi bằng?

Con hàu nhím 蚌 蚌 sinh ở những đảo
thuộc Quảng Nghĩa, Bình-Định, dinh bảo đá
bằng chén rượu, ngoài vỏ có gai như chiếc
đũa nhỏ, dài tặc rưỡi, tua tủa như trái
thầu dầu (tì ma), thịt sắc lia, vị ngon hơn
loại mã-đào, muối mắm rất ngon, các loài
có vỏ và thứ ốc com đều không bằng.
(Tỉnh Quảng-Yên có sản con viên viên cũng

như hàu nhím, không dính vào đá làm
mắm, được thứ hai).

Ốc com sản ở Tiền-Giang phong vị lại
hơn. Ở Nam-Kỳ lại có hương loa tục gọi
là ốc lươn sinh ở chằm sác, hay leo cây,
người ta bắt lấy đập vỡ đầu nhọn, bỏ
mỡ heo và gừng ớt vào rồi nưt ăn, cũng
ngon (Chân-Lạp phong thổ ký chép: « Loai
hến, sò, trai, ốc v. v... ở biển nước ngọt
nên vớt được. Chỉ không thấy của ở biển
nước ngọt ». Bởi vì Biển Hồ là nước Tiền-
Giang chảy vào).

Có câu: « Một tấc (a) giso, ngàn trượng
(nước) đục » (一寸膠千丈濁). Sách Mộng-
Khê bút đàm: « Xứ Đông-Á (1) có Tể-Thủy
chảy vào, mức nước ấy nấu a-giao hòa với
nước đục thì trong, lấy lẽ rằng nước sông
Tể chảy xuống thì trong mà nặng vậy ».
Phương nam hiểm A - giao (thiệt mà người
ta cũng không thấy. Hễ gánh nước đục
dựng vào một đồ gì dùng vai đồng bạch
phaa hòa vào hay là giã một nắm ớt
hồng qui mà lộn, một chốc trong ngay.
Chỉ nước Biển-Hồ thì đen mà đục hòa vai

(1) nay ở huyện Dương-Cốc, tỉnh Sơn-Đông nước
Tân.

mọi chỉ cây dứa không như các cây khác
đồng bạch phân vào bình nước thì hơi
đứng lại như nước đậu, tạm nóng được
nhưng mùi tanh không nấp được trà, lóng
đến hai bận mới trong, nhưng lại chưa chát
không thể uống được. Duy chỉ bỏ vài con
hến vào để nó hút chất bùn, cách một
đêm thì nước trong mà ngọt, bởi vì bùn
nước Biển-Hồ nhẹ mà nổi.

Nhà nông hay dùng *xương dúi ếch* (điền
oa) để xem thiên mưa. Thường nghiệm
rằng: nửa trên đen thì mưa vào đầu tháng;
giữa đen thì mưa giữa tháng nửa dưới đen
thì mưa cuối tháng; toàn đen cả thì mưa
luôn; toàn trắng cả thì không mưa. Gàn
hàm con gà cũng vậy.

Thơ Chương-Hiến-Đieu có câu:

田家無五行水旱卜蛙声,
Điền gia vô ngũ hành, Thủy hán bỗ oa
thanh. Nghĩa là nhà làm ruộng không biết
ngũ hành, lụt hay hạn chỉ hỏi vào tiếng
ếch. Nay tục bảo rằng: Ếch kêu sớm mà
nhộn thì được mùa; kêu chậm mà thưa
thưa thì mất mùa. Lại cóc (thiềm thử)
nhái (thanh oa) trong những tháng nắng
mà kêu thì có cái triệu sắp mưa. Thơ
của Chương chắc cũng theo đó.

đồng bạch phân vào bình nước thì hơi

Sách Tư thuyết của Vương-An-Thạch (1)
« con ếch ương (hà mã) hay nhỡ dãi cũ,
đưa bỏ một nơi xa đêm sau nó lại về chốn
cũ, dầu đưa đi thiệt xa, nó cũng nhớ
mà về nên có tên thế ». Nhưng đưa đi
xa mà về là con cóc (thiềm thử) cũng có
tên là *lại hà mã*. Đến như ếch ương thì
nổi danh về tiếng kêu. (Ngạn ngữ có câu:
« như cóc bôi vôi, ba năm lại về », để
vi vơi người nhớ quê hương. Đời Tống
cũng đã có câu như thế).

Con ngao hoa (xa ngao) lúc mới sinh
ở bãi cát, nhờ bóng hột kê hột gạo, thành
tầng sợi dặc nhau, hơi lon thì đứt rời
từng con một. Sách Gia-Định thống chí
của Cần-Trai chép: « Con Sò huyết (huyết
cáp) đục lỗ giữa cát sâu hay cạn thành
tầng hàng, loại hến cơm (cam cáp) cũng
như thế cả (Sách Toàn Nam tập chí: Có
con ốc nằm ở giữa biển, trên mặt có gàn
như sợi, chim yến ăn lấy, thất tiêu mà
gàn không tiêu, nó lại nhả gàn ấy ra làm
tổ. Nước ta nhiều xứ sản yến sào, nhưng
chưa nghe nói đến sự ấy). Thơ Đỗ-Phủ

1) người đời Tống, Sách ấy viết vào hồ cáp lộ,
mỏi về lẽ trời đất vạn vật.

có câu : 點水蜻蜓款款飛 Diễm thủy thanh
địch hoãn hoãn phi. Nghĩa là chuồn
chuồn, đớp nước bay tung tăng. Chuồn
chuồn đớp nước rơi xuống rồi hóa ra
sâu như cá cuống (quế đố) mà nhỏ
không cánh, kịp khi thoát xác lại hóa
làm chuồn chuồn như cách con cung quăng
(hóa muỗi).

Phù Ngô đó có câu : 那貢尺蠖之蠶 Hương
cống bát tâm chi cãm, nghĩa là là ong cống
(vua) có thứ gấm tám lần tâm. Và chú
rằng phương nam khi ấm một năm nuôi
được 8 lần tâm. Năm Minh-Mệnh thứ 17
(1836) lấy giống tâm bạc (ngân tâm) ở Tô-
Châu đưa về (trùng to hơn trùng tâm ta
gần gấp đôi). Lúc lấy là tháng 9 người
xứ ấy dự tính đến tháng hai thì nở con.
Kịp khi về đến nước ta thì mãi đến tháng
giêng trùng tâm đã nở, nuôi không được
tốt. Bởi vì khác đất nó không chịu nổi
kai nóng.

Thi sớ của Lục-Cơ : « Con liều thần
(phù du) sớm sinh tối chết ». Xét con này
mỗi sáng bay trên mặt nước, người Bắc-
kỳ bắt về làm món ăn, mặt trời mọc thì
rơi xuống nước chết cả. Đến tối lại nở
ra. Chớ nên Vương-Bao nói rằng « liều thần

ra về đêm ». Lục-Cơ bảo sớm sinh tối
chết đại khái tả sự mau chốc thôi.

Sách Nhĩ Nhã nói con thỏ phong và mộc
phong. Quách-Phác chú rằng : ở Giang-
Đông có thứ ong lớn làm tổ trong đất,
hay ăn con của nó, tức là thứ mã phong.
Người miệt Kinh-Ba (1) gọi là thiện. Mộc
phong cũng như thỏ phong mà nhỏ, làm
tổ trên cây, cũng ăn con của nó. Xét
thỏ phong, tục gọi là ong chân, lại gọi
ong chũm chũm, trong các loài thì ong ấy
to hơn, nọc rất đau. Mộc phong tục gọi
là ong củ vế vì ngoài tổ nó có vại như vế
vậy. Hai loài này đều không có mặt, đầu
xuân chỉ có một con làm tổ bằng trái cè,
tục gọi là ong bờ cõi rồi con này đẻ con
kia, thêm ong thêm tổ, dần dần to bằng
cái dấm, tổ nó chỉ mở một cửa, mùa đông
tự đóng cửa lại, nhiều con chết rết trong
tổ, con nào không chết thì đến xuân sang
năm mở cửa ra, phân tán mỗi con đi
làm tổ một nơi. Lại có một loài ong sắc

1) Tức Kinh-Châu (nay là Hồ-Nam Hồ-Bắc và
một phần Quý-Châu, Quảng-Đông, Quảng-Tây) và
Ba-Châu (nay huyện Ba-Trung thuộc Tứ-xuyên) ở
Tây.

vàng tục gọi là *ong vang*, cũng làm tổ trên cây và hè nhà cũng như củ vè mà nhỏ, ít nọc, cũng không mật, con nó gầy nhỏ, người ta không hay ăn, (Sách Phương ngôn (1): con ong người Yên, Triệu (2) gọi là *móng ong*, con nhỏ gọi là *ế ong* có kẻ gọi là *u thoát*. Theo Bác Nhã của Trương Ấp thì *u thoát* tức thỏ phong, tức *ế ong* vậy. * Thế thì tiếng *phong* với *ong* đời Hán đã nội rồi. *Ế ong* là con (ong) nhỏ. Chỉ con *quả loa* tức nay tục gọi là con *vò vò* (3) thì sai. Sách Nhĩ Nhã chú là mã phong. Tiếng *u* với tiếng *vò* nghe gần giống nhau).

Ong làm mật có ba thứ: một thứ to bằng quân bút, sắc tia, đốt người thiệt đau, cả bầy rất đông, bay làm tổ bên lên núi, tổ bằng cái hộc (Cửa đông núi Tiên thuộc Hà-Tiên có một tổ ong to bằng vài hộc đầu từ 6, 7 mươi năm về trước). Sáp và mật rất nhiều, tục gọi là *ong mật* (*mật phong*) (vì mật nhiều nên chỉ gọi tên ấy). Lại có thứ gọi là *ong sừ*

1) Sách gồm 30 quyển kể thỏ âm chỉ tên các vật mỗi nơi một khác. Tác giả đầu khoảng đời Hán.
2) tức nay là tỉnh Sơn-Tây, Hà-Nam, Trục-Lộ ở Tàu.

3) hoặc tò vò

(sừ phong), *ong quân* (*hình phong*), và *khôi phong* (tổ ở vườn người, bị người ghét. (lấy nó thường vào tháng 6). Một thứ to bằng chiếc đĩa, chân vàng, ít nọc cả bầy được độ vài bát, người ta hay nuôi, làm tổ trong bông gô, sáp và mật không được nhiều lắm, tục gọi là *ong bông* (*dung phong*) (hoặc gọi là *ong ruồi* (*dãng phong*) vì nó hay ở bông cây, người ta cũng đục gỗ làm bông để nuôi. Có nhà không nuôi mà nó đến, tục cho là điềm tốt và lợi. Hai thứ này đều sắc vàng. Một thứ nhỏ bằng ruồi, sắc xanh, nọc ít, cả bầy không bao lắm, làm tổ ở cỏ và cây hay chỗ bờ rào, tổ cỡ nắm tay, sáp và mật cũng ít, tục gọi bằng *ong ruồi*. Mật nó có thứ biếc, có thứ trắng là tùy khi nút hoa màu gì. Phàm hoa ong nút chia làm ba hạng: một hạng trắng vừa thì đội lên đầu đưa về dâng chúa một hạng rất trắng mà có mỡ, mang lên lưng đưa về làm tổ; một hạng vàng mà không gợn thì kẹp ở chân đưa về gầy mật. Hái hoa nóng nước xong (con ong) trở về tổ, khi còn xa thì bay nghiêng, gần đến nơi thì lại bay cao, nó sợ người ta dò theo, phá hại chăng. Lại có một thứ ong to bằng

ngón tay sắc thiệt đen, đất rất đen, làm
tổ trong cây tre khô, chỉ có một ma đẻ
được vài con nhỏ tục gọi là bằng ong
mọt (đỗ phong) cũng gây mật làm phấn
sắc trắng lọt. Sách Phương ngôn : « Khoảng
Yêu Triệu có thứ ong to mà có mật gọi
là đỗ phong ». Quách Phác chú : « nay
có thứ ong đen xuyên lỗ cây tre cũng
có mật, hoặc gọi là dịch sư ». Ấy tức
loài này.

Bản Âm dương biến hóa lục trong sách
Loại hám : Loài ong mỗi năm đến tháng
3, 4 thì sinh sắc đen, cũng có con gọi
là tướng phong (võ), có con gọi là tướng
phong (vân) thứ này không biết hái hoa
chỉ biết gây mật, không có thứ này thì
không nên mật. Khoảng tháng 7, 8 thì
chúng chết hết, nếu không chết thì cả
bầy bị đói. Tục bảo rằng tướng phong
(vân) qua được khỏi mùa đông thì cả họ
nhà ong hết sạch ». Đơi nay người ta
đang truyền thuyết ấy cũng bởi (sử) trong
triều ngoại đã dền chép. Đại loại cũng
như bảo con voi An-Nam biết được người
gian hay ngay. Kỳ thiệt thì không thể.
Thường thấy người ta nuôi ong, dẫu xuân
không có con nào sắc đen và làm được

mật. Ong nút hoa đem về đầy trong
chân ra, kẹp vào lỗ, hai chân nó tự đập
lấy, lại dùng vòi mà hít, không đợi đến
ong đen gây mật, đến mùa hạ mới có
ong đen, mật đã dần dần hao lòn, ong
đen càng nhiều thì mật càng hao, lấy
một tọng mật trong tổ ra xem thấy trong
gác lỗ có ong non mà đen, ý giả ong mạ
lình có nút phải hoa xấu mà sinh ra
loài làm hại cho nó. Nhà nuôi ong cũng
ghét thứ ong đen ấy, thấy nó nhiều thì
bắt giết đi bảo là ong lười vì không biết
núi hoa gây mật. (Trong tổ ong khoảng
trước và sau ngày 30 thì mật đầy, khoảng
trước và sau ngày rằm thì ít đi. Con ong
non béo hay gây cũng vậy, cũng như cua
gạch) (1). Hễ ong có mật thì làm tổ từng
miếng nghiêng xuống, cửa trở một bên,
ong không mật làm tổ từ trong ra từng
nú chấp lẩn lẩn như mắt cây, cửa trở
phía dưới. Nó tùy tài làm hết sức. Loài
vật bé tí mà như thế. Nếu để miệng tổ
trở xuống cả thì nó không thể gây mật
được.

Vật có chất ngọt thì hay sạt trùng. Mật

1) xem ở trước.

ong rất ngọt có thể làm tan được đĩa (thủy điệt) là một vật khó làm cho nó chết. Rưới vào thịt, cá, nem dưa thì không sinh giòi. Nước dưa cũng trị được sên (bạch thốn). Sách Thần dị kinh của Đông-Phương-Sóc (1): « ăn mĩa trị được đun (bun) ». Khoai lang cũng thế.

Vật cũng tùy thủy thổ mà tính chất khác nhau. Như đĩa khó làm chết, ai cũng ghét mà đũa dốt (hải sâm) khi đang tươi, hình sắc như đĩa, bắt được nó đem phơi khô, dùng làm canh, là một món ăn rất ngon dùng khi tế tự.

Loài côn trùng nhiều con theo khí mà hóa. Thường thấy những con trùng có vỏ (giáp trùng) ở trong nước. (Sách Toàn nam tạp chí: « con long sắt như con bọ trong phân trâu sặc đen mà mình mỏng, bóc vỏ mà ăn » nay tục gọi là bọ niêng 𧈧 (vốn) ở không trung sa xuống giữa cỏ, ban đầu từng bày dính cục lại như trái củ, đến khi tản tác không gặp được nước

1) Sách gồm những chuyện hoang đảo, có Vương-Hoa đời Tấn chú thích nhưng không chắc là của Đông-Phương-Sóc.

rồi bay mỗi con một ngả, dù biết loài trùng không phải hết thảy ở nước sinh ra. Lại ở trong giếng và chậu nước, khi trời mưa, thường có giun to bằng chiếc đũa không phải dưới đất hiện ra. Con quế đố (tức là con mà Triệu-Vũ-Đế dâng Hán-Văn-Đế, tục gọi là cá cưỡng) (1) dễ trúng, vị cũng kém. Lại vào tiết cuối hạ đầu thu thường có lưới nhện (thù) giăng giữa trời tục gọi là tơ thiên tôn (thiên-tôn-ti).

Nhện giăng lưới trên đám cỏ, mỗi buổi sáng mù bám vào mặt lưới xem như tờ giấy mỏng, nhà nông cũng hay xem nó để bói mùa được mất. Lưới ngang bằng, chính giữa thung xuống sâu thì được mùa; nếu nghiêng lệch và thung xuống cạn thì mất.

Hồ đa tử là thứ sâu ở đọt cây hồ đa, cây như loại hải táo mà trái nhỏ tục gọi là sâu thâm lá, hình như ong non, bỏ vào ruốc cá cho nó ăn, rồi bắt nướng ăn rất ngon. Ở Vĩnh-Long rất nhiều, có ống (vua). Mùa đông thì lấy, đến xuân

1) Xem Việt-Nam Cổ Văn Học Sử quyển III mục chú thích có dẫn điển tích chữ cá cưỡng.

Loài này có ở vùng núi phía Bắc Việt Nam.
sâu đã già, hóa ra sâu có vỏ rồi bay đi.
(Sâu ở cây đậu ván có gai, ăn cũng ngon.
Trần-Ngọc-Diểm (1) làm An sát Vĩnh-Long
nói trong núi Hùng-Quan có thứ sâu to
bằng ngón tay cái sắc trắng có vôi, chân
như chân voi, tục gọi là *sâu voi sừng*,
ở hang dưới đất mỗi khi có dốt rồi mới
mọc mẫm, nó lên ăn sừng, người ta
bắt nướng ăn gần được như hồ đa tử).

Quảng-Đông tân ngữ : « con rươi (hóa
trùng) là rết hóa ra » loài này sinh ở
ruộng có nước thủy triều. Khi dẫu ăn
(dưới nước) nhỏ bằng sợi chỉ, dài vài
thước, sắc đỏ tía, liền sợi, không miệng,
không dốt, khoảng trước sau tiết sừng
giáng (24 tháng 10) thì chín khi chín
thì hóa rất mau, đoạn nào chín thì đứt
ra, nổi lên mặt nước ngay như mũi tên.
Rươi ở Ninh-Bình rất ngon, có cống vua
(Tỉnh Hải-Dương và Bắc-Ninh lại có con
rươi nước (thủy trùn) bằng hột lấm, nổi
lên mặt nước quay quẩn theo bọt, dùng
vải làm lưới nhỏ bắt để làm mẫm, sắc
đỏ, vị ngon. Mẫm ở Lương-Tài (Bắc-Ninh)

1) quê làng Di-Luân, huyện Bình-Chính (Quảng-
Binh) đậu cử nhân năm 1837.

làm thi ngon hơn).

Tép (diễn há) phần nhiều là rết có thi
hóa ra (Sách Quyển du lục : « Xứ Lĩnh
Nam về những tháng nắng có thứ mối
(bach nghi) xuống nước hóa làm con tép,
người xứ ấy dùng thuốc soi, bắt về làm
mẫm ».)

Ve (thiên) là rết cây mọc nát hoá ra. Có
lần thấy người ta đào cây niêm khô (lá
như lá hóc, giã vỏ làm nhựa trệt chim.
Bản thảo cương mục bảo là cây câu cốt,
như câu thơ Đỗ-Trọng : Nam sơn hữu
cây nghĩa là núi Nam có cây câu, tức
là câu, này người ta lấy vỏ nấu keo đánh
chìm gọi là nhựa niêm lý) chỗ rết mọc
có 5. 6 con ve chưa động dấy bay được.
Sách Đâu dương tạp trở : Ông Vi-Kiều
tháng đông đào rết cây được con ve, bẻ
bung nó ra đang còn có chất cây khô
Tần có như thế. (Núi Hoa-đ ở ngoài Cầu-
Đê thuộc Quảng-Nam rất nhiều ve, người
xứ ấy bắt lấy, bỏ cánh và chân, rang
ăn vị tương tự như con phù-du mà người
Bắc-Kỳ hay ăn tục gọi là *cái vò*.)

Tắc-kè (cáp giới) leo cây mà lên, gặp
nhánh có mắt thì dừng lại, thợ đốn gỗ
vào núi làm việc, lấy giấy huộc con tắc

kẻ thả dưới gốc cây cho nó leo lên, khi nó đã đứng lại thì kéo xuống do giây, biết được thân gỗ dài ngắn bao nhiêu cho nên tục gọi là con *mực thước* (mực sịch trùng).

Chuột chù (xù thử) người ta đều ghét. Cũng có chỗ không nên ghét là hễ nhà ai có chù reo thường có điềm tiền hi.

Giống (thạch long nhữ) chứa cỏ khô vào hang phòng mùa đông, có khi ăn hết phải cần dưới mà ăn, sang xuân dưới lại mọc.

Trên mặt đất, tinh vật không giống nhau mà thói tục cũng khác. Theo địa xứ mà nói thì người Bắc-Kỳ hay ăn con *chùng*, tục gọi là *châu châu* và con *chuối đồng* (diên thử); người Thanh, Nghệ ăn loại giáp trùng ở nước; người Bình-Thuận ăn con thạch long nhỏ tục gọi là *chóng*. Họ đều cho làm món ăn thường, người xứ khác thấy thế lấy làm lạ. Người Nam thích ăn *ngư tinh thảo* tức *tráp thái* (1) mà phần nhiều người Bắc không ăn được; người Bắc thích ăn *rau lá mơ* mà người Nam có kẻ không người nỡ. Nhà chùa hay làm *bạch đậu tử*, ai thích nó thì ăn

1) có tên là diệp cá.

không biết chán, ai không quen đến gần là rùng mình. Ở Nam-Kỳ ăn thịt rắn cho là món quý, mà người nơi khác mới nếm đã rờn gáy. Người Bắc trái chiều giữa đất mà ngồi, người Nam làm nhà phải lát ván trên nền, không thì phải ngồi ghế vì khí đất (âm) thấp. Từ Quảng-Bình vào nam cái cây thỏ mà to phải cây trâu dơi, từ Hà-Tĩnh ra bắc cái cây lại nhỏ mà cây trâu một vì ruộng có nước không tiện (khác nhau). Theo thời đại mà nói thì người đời xưa ăn rau quỳ mà đời trung cổ thì không ăn; đời xưa đốt cây ngải (tiêu) mà nhà Lương về sau lại dùng hương; đời xưa tể thì dùng lúa mà nhà Đường về sau lại dùng tiền giấy; đời xưa tiêu bằng vỏ sò mà đời sau lại không; đời xưa lấy bạc trang sức đồ vật, không làm tiền tệ mà đời sau lại chuộng nó. Theo vật tinh mà nói thì ở Bắc-Kỳ thịt gà ngon thịt vịt kém mà Nam-Kỳ thịt gà không bằng thịt vịt. Cả Tiền-Giang phần nhiều cũng một loại với cá biển mà cá sông cá biển ở xứ khác lại phân biệt. Cây mít là gỗ tốt mà mọc ở Nam-Kỳ sò gỗ lại thối. Các loại như thế bởi phong khí với tập tục khác nhau.

Vật tối lắm tối có chỗ xấu lắm. Những món ăn ngon thường có chất độc, dầu loại ngũ cốc cũng vậy. Gạo thối thì người bệnh và đàn bà có thai ăn đông khí. Cá gáy rất đông phong. Thịt công (không tước) làm nem sắc trắng vị rất ngon người yếu ăn đông khí, đau các đầu khớp xương chân tay. Đậu và mật công rất độc ăn phải chết người. Các quan làm thịt nó phải cho người xem xét, chôn đầu và mật. Thịt đồi mồi cũng đông phong. Hai loại ấy ý giả người nó co vãn hoa nên như thế. Người đời xưa ăn cơm bứt cánh rau chẳng những một tiết kiệm mà cốt ở vệ sinh.

Nam-Kỳ thịt bò (hoàng ngư) cũng độc. Tôi ban đầu không tin. Có lần nhận làm một con, người dự tiệc hơn nửa không ăn, chỉ có vài mươi người ăn đều bị đau cả, có kẻ phát rét rồi cũng khỏi. Thịt mà dù g lá cau làm củ nấu đều có độc, hay sinh đau bụng, tháo da, đi ty.

Bầu (biểu qua) ở Hải-An tỉnh Bắc-Ninh; *đào* ở Lạng-Sơn; *khế* ở Vị-Xuyên tỉnh Tuyên-Quang; *quýt* và nước mận cây *lư* (1)

1) thứ cây lá hình như lông chim, trái tròn mà lép

(Thường năm tháng 10, cây lư trở mận, nhân mọc, sương và mưa thấm vào đọng thành nước). Ở Hưng-Hóa đều có độc cái ăn lấy thì mặc sởi rét (chương) hại người.

Nấm lim rất cứng, có độc làm chết người. Chỉ lấy nó mài với rượu bôi vào và đau (nhũ ung) rất hiệu. Tri phủ Tư-Nghĩa Quảng-Nghĩa xưa là Văn mỗ nói: *lim* tức là *kinh loan*. Sách *Đàn thảo*. Sản (ở xứ ngoài biên lớn, to vài mươi vòng, gọi là *thiết mộc*, hoa nó (ăn) chết người). Sách *Tây oan lục* (1): *Gạo làm cơm cá kho nước đi qua rừng cây kinh* (2) tức là nó.

Hải tộc có con *rắn đũa* (*hồ sa*) rất dữ cũng gọi là *cá rắn* (*xá ngư*). Ở chỗ chiến sa Tiểu-Giang có nó, một khúc ở Thuận-Cảng lại cao nhiều, thuyền đi đến chỗ ấy thường dạn nhau chớ có tắm giặt. Ngạn

1) Sách của Tống-Từ đời Tống soạn. Xưa, nước Ta và Tàu đều dùng nó khám ăn mạng.

2) Ở Đâu huyện có một nông phu, vợ đưa cơm ra đồng cho ăn, ăn xong thì chết. Bố chồng kiện với quan. Người dân bà bị khảo đả, khai bậy. Sau nhờ có họ Hứa ở Sơn-Đông lấy lễ ôn tồn tra hỏi thì nữ tử khai rằng: «gạo làm cơm, cá kho nước, đi qua rừng cây kinh, chớ không gì khác». Bèn bảo mua cá làm cơm, bỏ hoa kinh vào, cho chó lợn ăn đều chết hết. Ăn ấy mới rõ.

có câu : « Nước cạn tránh sâu, nước sâu tránh dên.

Sách Bắc Nhã nói thứ *rắn hũy khuê*. Sách Bản Thảo : *rắn thanh khuê* có tên là *thanh trúc*. Sắc lục hay leo nhánh cây và tre, độc rất dữ. Rắn này tục gọi là *rắn lục* để con nhả ra đang miệng, mỗi một lần để chỉ có vài con, mà quần lấy nhánh cây để đầu xuống dưới, con rơi xuống đất, lờ lại ngo me ngay, thường bị quạ diều ăn mất, con nào không ngo mà chạy thẳng thì khỏi. Mẹ nhả xong thì chết ngay, cho nên loại nó không mấy. Tiếng kêu rắn lục như gõ sừng ma to, con lớn (oa ngư) kêu như gõ sừng ma nhỏ.

Sách Lĩnh biểu lục « *Rắn hai đầu*, ngoài Lĩnh biểu rất nhiều loại này bằng ngón tay dài chừng một thước, dưới bụng có vây đỏ, trên lưng có vân gấm, hai đầu đều có thể bò lui tới được. Rắn này tục gọi là *rắn mai gấm*, to bằng ngón chân cái, một đầu có miệng có mắt, một đầu tựa như có miệng nhỏ mà không mắt, nọc rất độc.

Năm xưa tôi ngồi dạy ở một nhà kia. Một hôm, tỉnh cờ ngủ ngày, khi đã dậy thấy dưới chiếu có vật gì cồm lên, rờ thì

thấy tròn mà bằng, đường kính hơn 6 lấc, bốn bề nhúc nhích luôn. Sai người mở sẽ chiếu thì là một con rắn. Bèn giết đi. Ấy là con rắn hổ.

Bình-Thuận có loại rắn nhỏ vừa bằng quân bút hay ngón tay, sắc cũng y như sắc đất, trên lưng có từng vết dọc, tục gọi là *rắn đọt na*, cắn người rất độc. Miền này có *cây san hô* đọt giống xương rồng là bằng con toán mà tròn, làm mù, mù nó chữa được nọc rắn ấy.

Bình-Thuận có *cây gai chặm lưỡi*, cao 5, 6 thước, lá như lá cây (ti thi) hơi hẹp mà nhọn, gai nó ở đầu lá, nhọn mà nhỏ bằng hạt cát, đâm phải người rất độc ai làm mà bị, dần dần nó rui vào thịt, càng ngày càng sâu, không thể lè được, có người sinh mũi lỗ đến vài tháng, chỉ già củ tỏi (dại toại) xos vào, thì lấy gai được, rất ghê. . .

Nha phiến, thuyền (tây) đương chở sang hình như phân gà, nó làm mục dạ dày và ruột, mất cả thần trí người ta. Ai nghiệp phải thì hết của hư thân. Chứt độc cỏ cây không gi bằng nó. Thị Lang là Nguyễn-

Định-Tân (1) có kể : « Ngày trước, ông ta nhân đi lại với bọn làng chơi trẻ tuổi, có hút mấy lần rồi thanh nghị, lại sợ người ta biết, thu thu dấu dấu để tiện qua chường. Lâu rồi thần tri tối tăm, chỉ biết có hút, chứ không hay trên đời có gì đáng lo đáng mừng nữa. Lỡ lối nửa ngày mà không được hát thì buồn bực muốn chết. Sau vừa hối vừa sợ mới thấy tại chữa. Thầy cho thuốc uống, cai được vai ngay liền phát ra trăm chường, cơ hồ nguy đến tính mệnh. Thầy bảo phải nhân nai, được vài hôm sau đi ngoài toan phần đen đều là khí thuốc phiện, 7 ngày dần bớt, 21 ngày thì lành, thần tri mới bình phục » Lại nói : « Hồi ông ta đi sứ Tam cố viên Thông sự nhà Thanh là Lý mỗ cũng nghiện, khi đi đường tỉnh Trục Lệ cả ngày không có hút, chết muốn ở trên xe, 9 khiêu đều có những con trùng bò ra như cung quăng trong nước mà đầu mỗ thì cứng » Ông ta lại nói : « Có tôi một nhà kia, giường chiếu sạch sẽ, ngồi

1) quê làng Thượng-Cốc huyện Gia-Lộc (Hải-Dương), có tên là Nguyễn-Quy-Tân đệu Tiểu-sĩ năm 1842.

một chốc có con rắn lẩn (thủ cung) trên nóc nhà rơi xuống chiếu chết. Hỏi người bên cạnh thì họ nói chủ nhà ấy thường hút thuốc phiện ở chỗ này, con vật nó bắt nghiện, bây giờ mắc khách, nó không được hít khói nên chết muốn như thế » Gần đây ở bộ Công có ông Viên ngoại cũng nghiện, người còn trẻ rất trắng kiện, tinh linh bị đau nặng. Lúc nguy cấp, không nuốt được hồ nữa, chỉ lấy tay vẩy tên dây tơ bèo nó hút đi rồi dùng thọc thỏi vào miệng mình. Nuốt khói được một lát thì chết. Đẽ sợ như thế. Tôi nữa, xưa ở Gia-Định, có lần đi với một bọn uống rượu, lúc đã say, họ đều hút thuốc phiện, mời tôi cùng hút. Tôi thử hút chơi một điếu, mới khỏi miệng thấy trong bụng cồn cào không chịu được, kể đau bụng muốn đi ngoài và muốn mửa, y như sách thuốc nói chường ia mửa khan (can hoặc loạn) Tôi liền trách bọn kia. Họ nói : « Đeo là tại hút chưa quen lại bị gió cảm. Lâu rồi mới biết ngon » Tôi bảo : « Chịu sao được mấy lần gió cảm thành chường ia mửa thế này » Hơn một giờ mới thôi.

Năm xưa, người Tiêm hãm Châu-Độc (1833) chiếm hơn một tháng, khi quan quân

đẹp được vào thành thì thấy rudi đậu trên mặt đất như rắc đậu đen không nơi nào hở. Phải đốt quét đến vài ngày mới hết. hơi khét khó chịu. Vật theo có loại, đáng ghét như thế.

Truyện kỳ chép đã vọng phu là người đàn bà hóa ra. Sự thiệt là mờ lắm. Bão là (người ấy) rất mực chi thành, ngưng cứng lại thành đá, có khi cũng có lý. Nhưng lạ có vật tựa như vô tình mà hóa ra. Bên gò Đông-Sơn ở biển Cao-Mên, có thò ra một tảng đá giống nửa chiếc thuyền trong đó những đá nhỏ cát vụn, có cái in như hình bát, đĩa, gắn chặt vào thuyền có cái từng chồng dính nhau, có người xê ra lấy được. Cái diệu xảo của Tạo vật không thể lường được. (Phía lái thuyền có nước suối chảy ra biển Hồ). Sách Mặc khách huy tế (1) nói: «ở Hồ-Sơn có một cây bá dai độ vai thước, một nửa đang còn gỗ cứng. Thái-Quán-Mô thấy lấy làm lạ bèn chở về nhà » Cũng một loại như trên cả chăng?

Nai giữ voi không dám ăn thịt voi. Chó

1) của Bạch-Thừa đời Tống soạn, gộp những dĩ văn đặt sự đời Tống, gồm 10 quyển.

hay ghét người làm thịt. Nhà nông cất lúa giống kiêng bỏ đồ sắt vào. Lúc ra giống kiêng quét nhà. Bỏ phân gà vào ao thì cá đi mất. Loại vật đều có thứ ghét nhau.

Đá nọc rân (độc xà nảo trung thạch) có thể rút được nọc rân nọc trùng (Hình đá bẹp như quân cờ, sắc như trái cật lợn, hơi có dầu và mỡ, đặt vào miệng bị thương thì rút nọc ngay, rút hết thì rơi xuống, bỏ đá vào chén sữa cho nó nhả nọc ra sữa (đang trắng) hóa xanh. Nếu không thì đá nứt. Cho đá rút nọc một lần thứ hai nếu hết thì không dính nữa) Vật nào theo loại này. Nhưng đôi khi cũng có cái không hiểu được. Như người ta thích ăn thịt gà thì thích ăn với rau răm (lục) và lá chanh (dắng) mà hai vật ấy đều chữa vết thương gà. Ăn thịt chó thì thích ăn với sơn phi tục gọi là (củ sả) mà sơn phi hay chữa vết thương chó. Ăn thịt trâu thì thích ăn với tỏi, mà tỏi cũng chữa ghê trâu. Cọp bị thương thì nó ăn thứ cua khe diềm mà con sau này cũng chữa cọp cắn. (cua khe diềm sinh ở khe tục gọi là cón chiêm khố, không mấy khi được già sống ra lấy nước uống vào xoa vào chỗ bị thương). Cho đến việc

chôn mèo ở dưới gốc khế thì bới chua ;
chôn chuột dưới cây quít thì làm trái. Những
loại ấy tuy là vụn vặt mà cũng đủ biết
việc cách vật là kho vậy.

HẾT



SÁCH CÓ BẢN

LAM SƠN THỰC LỤC

NGUYỄN TRÃI soạn

qua LÊ THÁI TỒ đề tựa

Bản dịch của Mạc Bảo Thần

Một bộ sách rất có giá - trị về sử - học
nước nhà, vì do chính tay người đương-
thời chép lại chuyện đương-thời, sự-thực
có thể trăm phần trăm là đúng.

Người Việt-Nam chúng ta, ai chẳng nhớ
công ấ đời giặc Minh, lấy lại giang-sơn
của Lê-Thái-Tồ, ai chẳng muốn biết rõ
từng ly về công việc ấy? Vậy ai cũng nên
có một cuốn sách này.

HÀNG ĐÓN

LIÊU TRẠI CHÍ DỊ

TOÀN TẬP

Bản dịch của Nhượng Tống

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT

Đã khởi công

TRANG TỬ NAM HOA KINH

Một nền triết học có hệ thống
chặt chẽ nhất ở nước Tàu
Bản dịch của **NGUYỄN TỔNG**

NGŨ TIỂU VĂN ĐÁP

quyển I của **NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**
do Phan Văn Hùm và
Nguyễn Tổng chủ tịch

TRIẾT HỌC NHẬP MÔN

của **NGUYỄN ANH NGHĨA**

DAI VIẾT

sử ký toàn thư

của **NGÔ SĨ LIÊN**
Bản dịch của **Mạc Bảo Thân**

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

29 Lamblot - Hanoi

SÁCH TÂN VIỆT 29 Lamblot - Hanoi

TỦ SÁCH TRIẾT HỌC

Triết học Bergson (hết) — Triết học Kant (hết) — Triết học Nietzsche (hết) — Triết học Einstein (hết) — Phật giáo triết học in lần thứ hai (hết) Siêu hình học (giá 5 00) Triết học Descarte (giá 4.50) Triết học Aristote (giá 3.80) Vương dương Minh (13.80)
TỦ SÁCH DỊCH

Sử Ký Tư mã Thiên (giá 16.00) — Tây sương Kỳ (hết) — Thế giới mới (hết) — Thanh niên trước thế giới mới (hết) — Nghệ thuật làm việc (hết) Vườn hồng (giá 1 10) Nghìn lẻ một đêm (quyển I đã tái bản 2.50 — các quyển II, III, IV (đều hết) — quyển V, 2.50 — quyển VI, 2.50 — quyển VII, 2 80 Truyện dị thường (quyển I, 4.50 — quyển II 4.50) — Ly tao (giá 6.00) Thơ Đỗ Phủ (11.50) Nghìn lẻ một ngày (giá 5.00)

TỦ SÁCH DANH NHÂN

Thi hào Tagore (hết) Trong giòng sông Vĩ (hết) — Văn hào Tolstoi (2.40) Nguyễn văn Siêu (hết) — Học thuyết Freud (2.50) Trong 99 chóp núi (hết) Phiếm luận về Auguste Comte (3.00) Ngô vương Quyền (hết).

LINH TINH

Việt Nam Phật Giáo sử lược (giá 11\$50)
Những sự gặp gỡ của Đông Phương và Tây Phương (giá 6\$00).
Đàn bà và nhà văn 1p20 - Một ngày của Tolstoi hết Nhạc sĩ tây phương 1p30 - Luận tạng 1p50 - triết lý về vũ trụ và nhân sinh 2p30 - Chính trị đại Cương 3p70 - Tìm nghĩa văn học 2p20 Vàng sao 2p50 Hát đêm Nghệ Tĩnh 8p90 Trạng ma lâu Việt 3p10

THỜI THỰC KỲ NẴN IN
 LẦN THỨ NHẤT TẠI NHÀ IN
 QUANG HOA, SỐ 65 PHỐ
 YÊN GIANG - HANOI - VIỆT NAM
 NGÀY 27 THÁNG 12 NĂM 1941 (1940)



Hanoi Việt Tân sách Tạng má là Việt Tân
 (1940) - Tân ngữ và học (1940) - Văn và lý luận (1940) - Văn và lý luận (1940)
 Văn và lý luận (1940) - Văn và lý luận (1940) - Văn và lý luận (1940)

Tủ kho sách xưa của Quán Ven Đường